



LaserJet Pro MFP M426, M427

Hướng dẫn Sử dụng



M426dw
M426fdn
M426fdw
M427dw
M427fdn
M427fdw



www.hp.com/support/ljM426MFP
www.hp.com/support/ljM427MFP



HP LaserJet Pro MFP M426, M427

Hướng dẫn Sử dụng

Bản quyền và Giấy phép

© Copyright 2017 HP Development Company, L.P.

Nghiêm cấm việc sao chép lại, phóng tác hoặc dịch mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp được luật bản quyền cho phép.

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo.

Các bảo hành duy nhất dành cho các sản phẩm và dịch vụ HP đều được lập ra ở trên trong các bản tuyên bố bảo hành rõ ràng đi cùng với những sản phẩm và dịch vụ như thế. Không có gì trong tài liệu này được hiểu như là sự tạo thành một bảo hành phụ. HP sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các lỗi hoặc sai sót kỹ thuật hoặc biên tập ở trong tài liệu này.

Edition 5, 3/2019

Công nhận Nhãn hiệu

Adobe®, Adobe PhotoShop®, Acrobat® và PostScript® là các nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.

Apple và logo Apple là nhãn hiệu của Apple Computer, Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia/vùng lãnh thổ khác. iPod là nhãn hiệu của Apple Computer, Inc. iPod chỉ dành cho các bản sao được chủ bản quyền hoặc pháp luật cho phép. Không được ăn cắp nhạc.

Microsoft®, Windows®, Windows® XP và Windows Vista® là các thương hiệu đã đăng ký ở Hoa Kỳ của Microsoft Corporation.

UNIX® là nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký của The Open Group.

Mục lục

1 Tổng quan máy in	1
Giao diện máy in	2
Mặt trước của máy in	2
Mặt sau của máy in	3
Giao diện bảng điều khiển	4
Bố cục màn hình chính	5
CÁCH SỬ DỤNG BẢNG ĐIỀU KHIỂN MÀN HÌNH CẢM ỨNG	6
Thông số kỹ thuật của máy in	6
Thông số kỹ thuật	7
Các hệ điều hành được hỗ trợ	8
Giải pháp in di động	10
Kích thước máy in	11
Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn	13
Phạm vi môi trường sử dụng	13
Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm	14
2 Khay giấy	15
Nạp Khay 1	16
Giới thiệu	16
HƯỚNG GIẤY KHAY 1	18
Nạp Khay 2	19
Giới thiệu	19
HƯỚNG GIẤY KHAY 2	21
Nạp Khay 3	22
Giới thiệu	22
HƯỚNG GIẤY KHAY 3	24
Nạp và in phong bì	25
Giới thiệu	25
In phong bì	25
HƯỚNG PHONG BÌ	25

3	Mực in, phụ kiện và bộ phận	27
	Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận	28
	Đặt hàng	28
	Mực in và phụ kiện	28
	Các bộ phận tự sửa chữa	28
	Thay thế hộp mực in	30
	Giới thiệu	30
	Thông tin về hộp mực in	30
	Tháo và thay thế hộp mực in	31
4	In	35
	Thao tác in (Windows)	36
	Cách in (Windows)	36
	In tự động trên hai mặt (Windows)	38
	In thủ công trên cả hai mặt (Windows)	38
	In nhiều trang trên một trang giấy (Windows)	39
	Chọn loại giấy (Windows)	39
	Tác vụ in bổ sung	40
	Thao tác in (OS X)	41
	Cách in (OS X)	41
	Tự động in trên cả hai mặt (OS X)	41
	In thủ công trên cả hai mặt (OS X)	41
	In nhiều trang trên một tờ (OS X)	42
	Chọn loại giấy (OS X)	42
	Tác vụ in bổ sung	42
	Lưu các lệnh in trên sản phẩm để in sau hoặc in riêng	44
	Giới thiệu	44
	Trước khi bắt đầu	44
	Cài đặt máy in để lưu trữ lệnh in	44
	Bước một: Lắp đặt ổ flash USB	44
	Bước hai: Cập nhật trình điều khiển in	45
	Tạo lệnh in đã lưu (Windows)	46
	In lệnh in đã lưu	48
	Xóa lệnh in đã lưu	48
	In di động	49
	Giới thiệu	49
	In Wi-Fi Direct và NFC (chỉ dành cho các kiểu không dây)	49
	HP ePrint qua email	50
	Phần mềm HP ePrint	51

AirPrint	51
In nhúng của Android	52
Sử dụng in Walk-up USB	53
Giới thiệu	53
Bước một: Truy cập các tệp USB trên máy in	53
Bước hai: In tài liệu USB	53
Tùy chọn một: In tài liệu	53
Tùy chọn hai: In ảnh chụp	54
5 Sao chép	55
Tạo bản sao	56
Sao chép trên cả hai mặt (duplex)	57
Sao chép trên cả hai mặt tự động (chỉ dành cho kiểu fdn và fdw)	57
Sao chép hai mặt thủ công	57
Các tác vụ sao chép bổ sung	58
6 Quét	59
Quét bằng phần mềm HP Scan (Windows)	60
Quét bằng phần mềm HP Scan (OS X)	61
Quét vào ổ flash USB	62
Cài đặt tính năng Quét vào Thư mục Mạng	63
Giới thiệu	63
Trước khi bắt đầu	63
Phương pháp một: Dùng Trình Hướng dẫn Quét vào thư mục mạng (Windows)	63
Phương pháp hai: Cài đặt tính năng Quét vào thư mục mạng thông qua Máy chủ web nhúng HP (Windows)	65
Bước một: Truy cập Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP	65
Bước hai: Cấu hình tính năng Quét vào Thư mục Mạng	65
Cài đặt tính năng Quét vào thư mục mạng trên máy Mac	67
Bước một: Truy cập Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP	67
Phương pháp một: Dùng trình duyệt web để mở Máy chủ web nhúng HP (EWS)	67
Phương pháp hai: Dùng tiện ích HP để mở Máy chủ web nhúng HP (EWS)	67
Bước hai: Cấu hình tính năng Quét vào Thư mục Mạng	68
Quét vào thư mục mạng	70
Cài đặt tính năng Scan to E-mail (Quét và gửi qua Email)	71
Giới thiệu	71
Trước khi bắt đầu	71
Phương pháp một: Dùng Trình Hướng dẫn Quét và gửi qua Email (Windows)	71

Phương pháp hai: Cài đặt tính năng Quét và gửi qua email thông qua Máy chủ web nhúng HP (Windows)	73
Bước một: Truy cập Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP	73
Bước hai: Cấu hình tính năng Quét và gửi qua Email	73
Bước ba: Thêm liên hệ vào Sổ địa chỉ Email	75
Bước bốn: Cấu hình các Tùy chọn email mặc định	75
Cài đặt tính năng Quét và gửi qua Email trên máy Mac	76
Bước một: Truy cập Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP	76
Phương pháp một: Dùng trình duyệt web để mở Máy chủ web nhúng HP (EWS)	76
Phương pháp hai: Dùng tiện ích HP để mở Máy chủ web nhúng HP (EWS)	77
Bước hai: Cấu hình tính năng Quét và gửi qua Email	77
Bước ba: Thêm liên hệ vào Sổ địa chỉ Email	79
Bước bốn: Cấu hình các Tùy chọn email mặc định	79
Quét và gửi qua e-mail	81
Tác vụ quét bổ sung	82
7 Fax	83
Cài đặt để gửi và nhận fax	84
Trước khi bắt đầu	84
Bước 1: Xác định loại kết nối điện thoại	84
Bước 2: Cài đặt fax	85
Đường dây điện thoại chuyên dụng	85
Đường dây fax/thoại dùng chung	86
Đường dây fax/thoại dùng chung kèm máy trả lời	87
Bước 3: Cấu hình thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax.	89
HP Fax Setup Wizard (Trình Hướng dẫn Cài đặt Fax HP)	89
Bảng điều khiển máy in	89
Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS) và Hộp công cụ Thiết bị HP (Windows)	90
Bước 4: Chạy thử fax	91
Gửi fax	92
Gửi fax từ máy quét hình phẳng	92
Fax từ khay nạp tài liệu	93
Dùng phím quay số nhanh và các số quay-số-nhóm	93
Gửi fax bằng phần mềm	94
Gửi fax bằng chương trình phần mềm của bên thứ ba, như Microsoft Word	94
Các tác vụ quét bổ sung	95

8 Quản lý máy in	97
Sử dụng các ứng dụng Dịch vụ Web của HP	98
Thay đổi kiểu kết nối máy in (Windows)	99
Cấu hình nâng cao với Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS) và Hộp công cụ Thiết bị HP (Windows)	100
Cấu hình nâng cao với Tiện ích HP cho OS X	104
Mở Tiện ích HP	104
Các tính năng của Tiện ích HP	104
Định cấu hình cài đặt mạng IP	107
Giới thiệu	107
Từ chối dùng chung máy in	107
Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng	107
Đổi tên máy in trên mạng	108
Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công	108
Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết	109
Các tính năng bảo mật của máy in	110
Giới thiệu	110
Gán hoặc thay đổi mật khẩu hệ thống bằng Máy chủ web nhúng HP	110
Khóa bộ định dạng	110
Các cài đặt bảo tồn năng lượng	111
Giới thiệu	111
In bằng EconoMode	111
Cấu hình cài đặt Sleep/Auto Off After (Tắt chế độ Nghỉ/Tự động sau)	111
Đặt hoãn Shut Down After (Tắt Máy Sau) và lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn	112
Cấu hình cài đặt Delay Shut Down (Hoãn Tắt Máy)	112
HP Web Jetadmin	113
Cập nhật chương trình cơ sở	114
Phương pháp một: Cập nhật chương trình cơ sở bằng bảng điều khiển	114
Phương pháp hai: Cập nhật chương trình cơ sở bằng Tiện ích cập nhật chương trình cơ sở	114
9 Giải quyết sự cố	117
Hỗ trợ khách hàng	118
Hệ thống trợ giúp bằng điều khiển	119
Khôi phục cài đặt mặc định gốc	120
Thông báo “Cartridge is low” (Hộp mực in ở mức thấp) hoặc “Cartridge is very low” (Hộp mực in gần hết) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in	121
Thay đổi cài đặt “Very Low” (Gần hết)	121
Đối với các máy in có tính năng fax	122

Đặt hàng nguồn cung cấp	122
Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai	123
Giới thiệu	123
Máy in không nạp giấy	123
Máy in nạp nhiều giấy	125
Kẹt khay nạp tài liệu, lệch, hoặc nhặt nhiều tờ giấy	128
Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu	129
Xử lý kẹt giấy	131
Giới thiệu	131
Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?	131
Các vị trí kẹt giấy	132
Gỡ giấy kẹt trong khay nạp tài liệu	133
Xử lý giấy kẹt trong Khay 1	135
Gỡ giấy kẹt trong Khay 2	136
Gỡ giấy kẹt trong Khay 3	140
Gỡ giấy bị kẹt trong khu vực cuộn sấy	145
Gỡ bỏ giấy kẹt ở ngăn giấy ra	147
Gỡ giấy bị kẹt trong bộ in hai mặt	150
Cải thiện chất lượng in	153
Giới thiệu	153
In từ một chương trình phần mềm khác	153
Kiểm tra cài đặt loại giấy cho lệnh in	153
Kiểm tra cài đặt loại giấy (Windows)	153
Kiểm tra cài đặt loại giấy (OS X)	153
Kiểm tra tình trạng hộp mực in	154
Làm sạch máy in	154
In một trang lau dọn	154
Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn	155
Kiểm tra hộp mực in bằng mắt thường	155
Kiểm tra môi trường in và giấy	155
Bước một: Hãy dùng giấy đáp ứng đúng thông số kỹ thuật của HP	155
Bước hai: Kiểm tra môi trường	156
Bước ba: Đặt canh chỉnh khay riêng lẻ	156
Kiểm tra thông số cài đặt EconoMode (Chế độ tiết kiệm)	157
Thử trình điều khiển in khác	157
Cải thiện chất lượng hình ảnh sao chép và quét	159
Giới thiệu	159
Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn	159
Kiểm tra cài đặt giấy	160
Kiểm tra cài đặt điều chỉnh hình ảnh	160

Tối ưu hóa dành cho văn bản hoặc hình ảnh	160
Sao chép từ cạnh này sang cạnh kia	160
Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu	161
Cải thiện chất lượng hình ảnh fax	163
Giới thiệu	163
Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn	163
Kiểm tra các cài đặt độ phân giải bản fax gửi đi	164
Kiểm tra cài đặt sửa lỗi	164
Kiểm tra cài đặt vừa với trang in	164
Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu	164
Gửi đến máy fax khác	166
Kiểm tra máy fax của người gửi	166
Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây	167
Giới thiệu	167
Kết nối vật lý kém	167
Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho máy in này	167
Máy tính không thể giao tiếp với máy in	167
Máy in đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này	168
Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích	168
Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai	168
Máy in bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai	168
Giải quyết sự cố xảy ra với mạng không dây	169
Giới thiệu	169
Danh sách kiểm tra kết nối mạng không dây	169
Máy in không in sau khi định cấu hình mạng không dây hoàn tất	170
Máy in không in và máy tính đã cài đặt tường lửa của bên thứ ba	170
Kết nối không dây không hoạt động sau khi di chuyển bộ định tuyến của mạng không dây hoặc máy in	170
Không thể kết nối thêm máy tính với máy in không dây	170
Máy in không dây mất liên lạc khi được kết nối với VPN	171
Mạng không xuất hiện trong danh sách mạng không dây	171
Mạng không dây không hoạt động	171
Thực hiện kiểm tra chẩn đoán mạng không dây	171
Giảm nhiễu trên mạng không dây	172
Giải quyết sự cố khi fax	173
Giới thiệu	173
Danh sách kiểm tra xử lý sự cố fax	173
Giải quyết sự cố chung về fax	174
Fax gửi chậm	174
Chất lượng fax kém	175

Bản fax bị cắt rời hoặc in trên hai trang 176

Bảng chú dẫn 177

1 Tổng quan máy in

- [Giao diện máy in](#)
- [Thông số kỹ thuật của máy in](#)
- [Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.

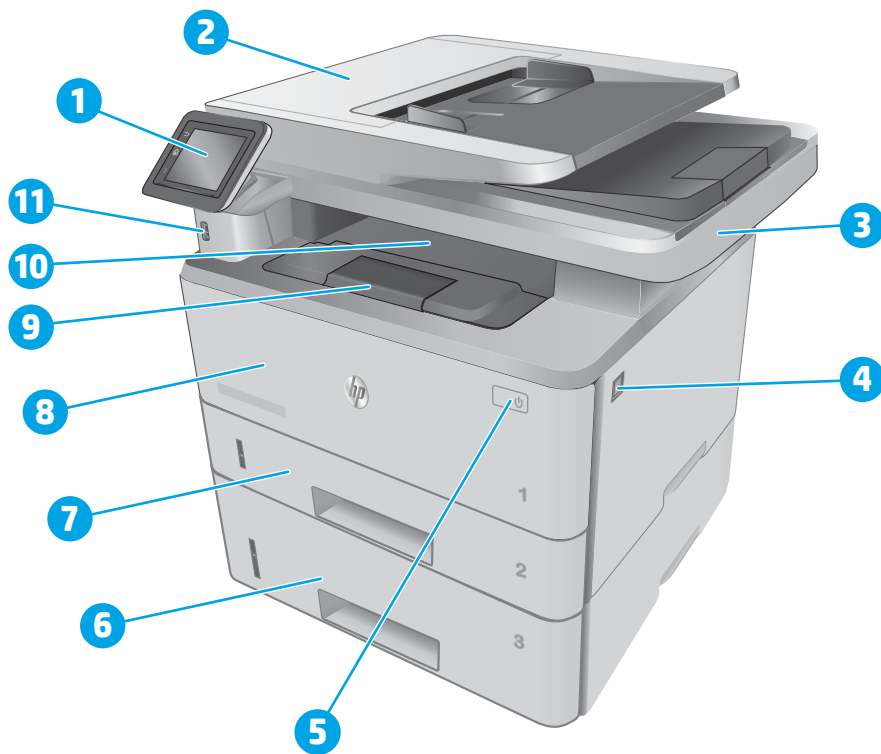
Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Giao diện máy in

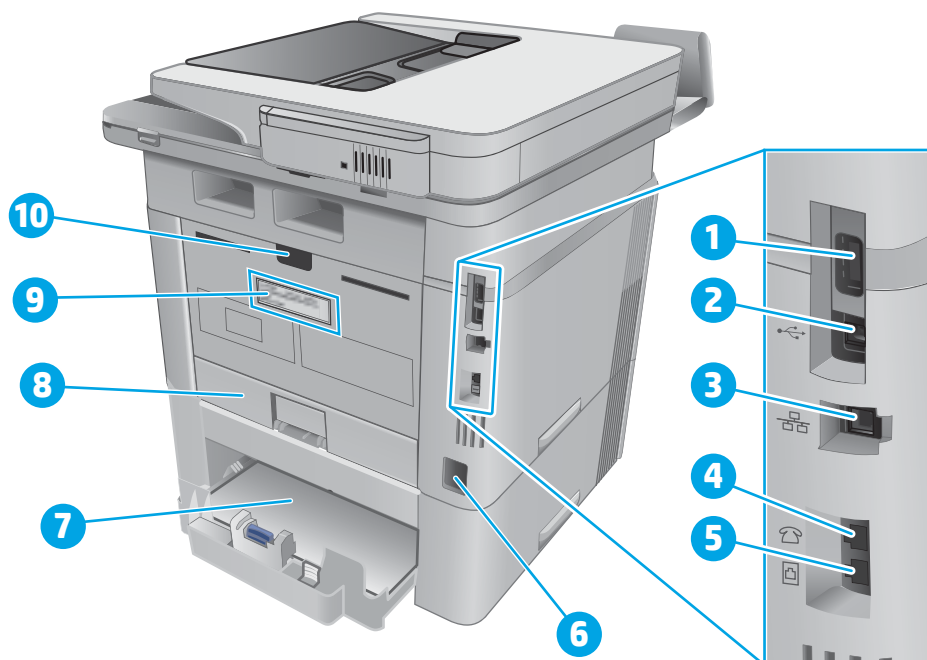
- [Mặt trước của máy in](#)
- [Mặt sau của máy in](#)
- [Giao diện bảng điều khiển](#)

Mặt trước của máy in



1	Bảng điều khiển (nghiêng lên trên để nhìn dễ hơn)
2	Khay nạp tài liệu
3	Máy quét
4	Nút mở cửa trước (tiếp cận hộp mực in)
5	Nút Bật/tắt nguồn
6	Khay 3 (tùy chọn)
7	Khay 2
8	Khay 1
9	Phần mở rộng của ngăn giấy ra
10	Ngăn giấy đầu ra
11	Cổng Walk-up USB (để in và quét mà không cần máy tính)

Mặt sau của máy in



1 Cổng USB (để lưu trữ lệnh in và in riêng)

GHI CHÚ: Cổng này có thể được đậy lại

2 Cổng giao tiếp USB

3 Cổng Ethernet

4 Cổng “đường ra” điện thoại (để gắn một máy lẻ, máy trả lời, hoặc thiết bị khác)

5 Cổng “đường vào” Fax (để gắn đường điện thoại fax vào máy in)

6 Kết nối nguồn

7 khay 3 (tùy chọn)

GHI CHÚ: Kéo dài khay 3 khi nạp vào khổ giấy Legal hoặc A4

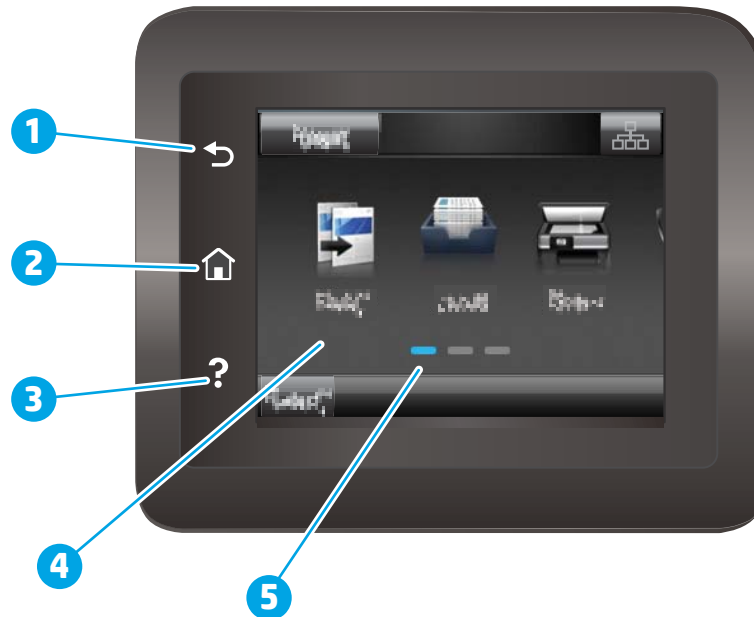
8 Nắp che bụi cho Khay 2

GHI CHÚ: Nắp che bụi lật lên khi nạp vào khổ giấy Legal hoặc A4


9 Nhãn số sê-ri và số máy in

10 Cửa sau (cửa xử lý kẹt giấy)

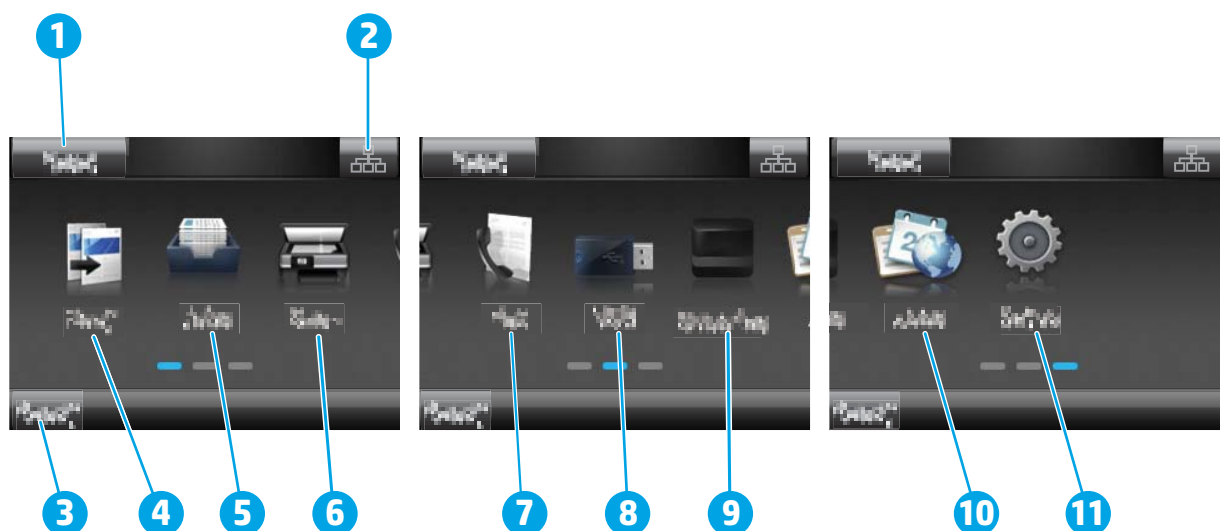
Giao diện bảng điều khiển













1	Nút Quay lại của HP	Quay lại màn hình trước đó
2	Nút Màn hình chính	Cung cấp khả năng truy cập vào Màn hình chính
3	Nút Trợ giúp	Cung cấp khả năng truy cập vào hệ thống trợ giúp của bảng điều khiển
4	Màn hình cảm ứng màu	Cung cấp truy cập vào các menu, hình động trợ giúp và thông tin máy in.
5	Chỉ báo màn hình chính	Màn hình sẽ cho biết màn hình chính nào mà bảng điều khiển hiện đang hiển thị.

 **GHI CHÚ:** Khi bảng điều khiển không có nút **Cancel** (Hủy) tiêu chuẩn, nhiều máy in sẽ xử lý nút **Cancel** (Hủy) xuất hiện trên màn hình cảm ứng. Điều này cho phép người dùng hủy một quá trình trước khi máy in hoàn tất nó.

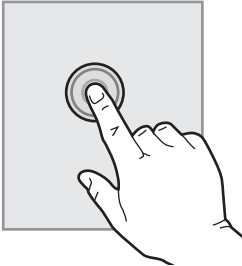

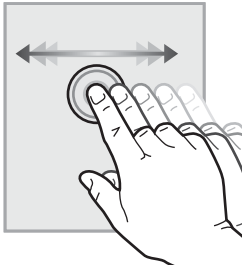

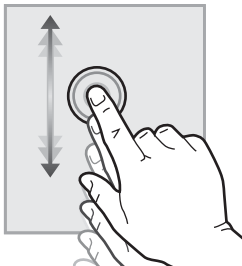
Bố cục màn hình chính




1	Nút Reset (Xác lập lại)	Chạm vào nút này để xác lập lại cài đặt lệnh in tạm thời bất kỳ về cài đặt máy in mặc định.
2	Nút Thông tin kết nối	Chạm vào nút này để mở menu Connection Information (Thông tin kết nối), menu này cung cấp thông tin mạng. Nút sẽ hiện ra dưới dạng một biểu tượng mạng có dây  hoặc biểu tượng mạng không dây  , tùy thuộc vào loại mạng mà máy in được kết nối.
3	Trạng thái máy in	Khu vực màn hình này cung cấp thông tin về trạng thái tổng thể của máy in.
4	Biểu tượng  Copy (Sao chép)	Chạm vào nút này để mở menu sao chép.
5	Biểu tượng  Jobs (Lệnh in)	Chạm vào nút này để mở menu lệnh in.
6	Biểu tượng  Scan (Quét)	Chạm vào nút này để bắt đầu các menu quét: <ul style="list-style-type: none"> • Scan to USB Drive (Quét vào Ổ đĩa USB) • Scan to Network Folder (Quét vào Thư mục Mạng) • Scan to E-mail (Quét và gửi qua Email)
7	Biểu tượng  Fax	Chạm vào nút này để mở các menu fax.
8	Biểu tượng  USB	Chạm vào nút này để mở menu USB Flash Drive (Ổ đĩa USB Flash).
9	Biểu tượng  Supplies (Mực in)	Chạm vào nút này để xem thông tin về tình trạng mực in.
10	Biểu tượng  Apps (Ứng dụng)	Chạm vào nút này để mở menu Apps (Ứng dụng) để in trực tiếp từ các ứng dụng Web đã chọn.
11	Biểu tượng  Setup (Cài đặt)	Chạm vào nút này để mở menu Setup (Cài đặt).

Cách sử dụng bảng điều khiển màn hình cảm ứng

Dùng các thao tác sau để sử dụng bảng điều khiển màn hình cảm ứng của máy in.

Thao tác	Mô tả	Ví dụ
Chạm vào 	Chạm vào một mục trên màn hình để chọn mục đó hoặc mở menu đó. Ngoài ra, khi cuộn qua các menu, hãy chạm nhanh vào màn hình để dừng thao tác cuộn.	Chạm vào biểu tượng Setup (Cài đặt)  để mở menu Setup (Cài đặt).
Vuốt 	Chạm vào màn hình, sau đó di chuyển ngón tay theo chiều ngang để di chuyển màn hình sang hai bên.	Vuốt Màn hình chính để truy cập vào biểu tượng Setup  (Cài đặt).
Cuộn 	Chạm vào màn hình, sau đó, không cần nâng tay lên, chỉ cần di chuyển ngón tay theo chiều dọc để di chuyển màn hình.	Di chuyển qua menu Setup (Cài đặt).

Thông số kỹ thuật của máy in

 **QUAN TRỌNG:** Các thông số kỹ thuật sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản, nhưng có thể thay đổi. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.

- [Thông số kỹ thuật](#)
- [Các hệ điều hành được hỗ trợ](#)
- [Giải pháp in di động](#)
- [Kích thước máy in](#)

- [Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn](#)
- [Phạm vi môi trường sử dụng](#)

Thông số kỹ thuật

Tên kiểu		M426dw	M426fdn	M426fdw
Số sản phẩm		F6W13A	F6W14A	F6W15A
Tên kiểu		M427dw	M427fdn	M427fdw
Số sản phẩm		C5F97A	C5F98A	C5F99A
Quản lý giấy in	Khay 1 (dung lượng 100 tờ)	✓	✓	✓
	Khay 2 (dung lượng 250 tờ)	✓	✓	✓
	Khay 3 (dung lượng 550 tờ)	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
	In hai mặt tự động	✓	✓	✓
Kết nối	Kết nối LAN Ethernet 10/100/1000 với IPv4 và IPv6	✓	✓	✓
	USB 2.0 Tốc độ Cao	✓	✓	✓
	Cổng Walk Up USB	✓	✓	✓
	Máy chủ in để kết nối mạng không dây	✓	Không có sẵn	✓
	Chức năng giao tiếp cận trường (NFC) của HP khi in từ các thiết bị di động	Không có sẵn	Không có sẵn	✓
	Wi-Fi Direct khi in từ các thiết bị di động	✓	Không có sẵn	✓
Màn hình và đầu vào của bảng điều khiển	Bảng điều khiển màn hình cảm ứng màu	✓	✓	✓
In	In 38 trang mỗi phút (ppm) trên giấy A4 và 40 ppm trên giấy Letter	✓	✓	✓
	Lưu trữ lệnh in và in riêng	✓	✓	✓
	In Walk Up USB (không cần máy tính)	✓	✓	✓
Fax		Không có sẵn	✓	✓
Sao chép và quét	Sao chép và quét đến 26 trang mỗi phút (ppm)	✓	✓	✓
	Khay nạp tài liệu 50 trang với tính năng quét hai đầu để sao chép và quét hai mặt chỉ trong một lượt quét	Không có sẵn	✓	✓

Tên kiểu	M426dw	M426fdn	M426fdw	
Số sản phẩm	F6W13A	F6W14A	F6W15A	
Tên kiểu	M427dw	M427fdn	M427fdw	
Số sản phẩm	C5F97A	C5F98A	C5F99A	
	Khay nạp tài liệu 50 trang sao chép và quét một mặt	✓	Không có sẵn	Không có sẵn
	Quét và gửi qua Email, Quét vào USB và Quét vào Thư mục Mạng tùy chọn	✓	✓	✓

Các hệ điều hành được hỗ trợ

Thông tin sau đây áp dụng cho các trình điều khiển in máy in chuyên biệt Windows PCL 6 và OS X và cho CD cài đặt phần mềm đi kèm.

Windows: CD Bộ cài đặt phần mềm HP cài đặt trình điều khiển HP PCL.6, HP PCL 6, hoặc HP PCL-6 tùy thuộc vào hệ điều hành Windows cùng với phần mềm tùy chọn khi dùng bộ cài đặt phần mềm hoàn chỉnh.


Máy tính Mac và OS X: Máy tính Mac và thiết bị di động Apple được hỗ trợ cho máy in này. Trình điều khiển in OS X và tiện ích in có sẵn để bạn tải xuống từ hp.com và cũng có sẵn qua Apple Software Update. Phần mềm bộ cài đặt HP cho OS X không có trên CD có trong hộp sản phẩm. Làm theo các bước sau để tải xuống phần mềm bộ cài đặt OS X:


1. Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.
2. Chọn **Support Options** (Tùy chọn Hỗ trợ), dưới **Download Options** (Tùy chọn Tải xuống) chọn **Drivers, Software & Firmware** (Trình điều khiển, Phần mềm & Chương trình cơ sở), sau đó chọn gói máy in.
3. Bấm chọn phiên bản hệ điều hành rồi bấm vào nút **Download** (Tải xuống).

Hệ điều hành	Trình điều khiển được cài đặt	Lưu ý
Windows® XP SP2 trở lên, 32-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL.6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này. Dùng trình điều khiển UPD cho hệ điều hành 64 bit. Microsoft đã không còn hỗ trợ chủ yếu cho Windows XP vào tháng 4/2009. HP sẽ tiếp tục cung cấp sự hỗ trợ tốt nhất có thể dành cho hệ điều hành XP đã ngừng này.
Windows Vista®, 32-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL.6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này.

Hệ điều hành	Trình điều khiển được cài đặt	Lưu ý
Windows Server 2003 SP1 trở lên, 32-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL.6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này. Dùng trình điều khiển UPD cho hệ điều hành 64 bit. Microsoft đã không còn hỗ trợ chủ yếu cho Windows Server 2003 vào tháng 7/2010. HP sẽ tiếp tục cung cấp sự hỗ trợ tốt nhất có thể cho hệ điều hành Server 2003 đã ngừng này.
Windows 7, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL.6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm hoàn chỉnh.	Trình điều khiển HP PCL.6 được cấu hình để sử dụng tính năng in hai mặt tự động (in hai mặt) làm mặc định khi được cài đặt ở một số quốc gia/vùng lãnh thổ.
Windows 8, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL-6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm hoàn chỉnh.	Hỗ trợ Windows 8 RT được cung cấp qua Microsoft IN OS Phiên bản 4, trình điều khiển 32-bit. Trình điều khiển HP PCL-6 được cấu hình để sử dụng tính năng in hai mặt tự động (in hai mặt) làm mặc định khi được cài đặt ở một số quốc gia/vùng lãnh thổ.
Windows 8.1, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL-6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm hoàn chỉnh.	Hỗ trợ Windows 8.1 RT được cung cấp qua Microsoft IN OS Phiên bản 4, trình điều khiển 32-bit. Trình điều khiển HP PCL-6 được cấu hình để sử dụng tính năng in hai mặt tự động (in hai mặt) làm mặc định khi được cài đặt ở một số quốc gia/vùng lãnh thổ.
Windows 10, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL-6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm hoàn chỉnh.	Trình điều khiển HP PCL-6 được cấu hình để sử dụng tính năng in hai mặt tự động (in hai mặt) làm mặc định khi được cài đặt ở một số quốc gia/vùng lãnh thổ.
Windows Server 2008 SP2, 32-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL.6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản.	
Windows Server 2008 SP2, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL.6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản.	Trình điều khiển HP PCL.6 được cấu hình để sử dụng tính năng in hai mặt tự động (in hai mặt) làm mặc định khi được cài đặt ở một số quốc gia/vùng lãnh thổ.

Hệ điều hành	Trình điều khiển được cài đặt	Lưu ý
Windows Server 2008 R2, SP 1, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL 6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản.	Trình điều khiển HP PCL 6 được cấu hình để sử dụng tính năng in hai mặt tự động (in hai mặt) làm mặc định khi được cài đặt ở một số quốc gia/vùng lãnh thổ.
OS X 10.8 Mountain Lion, OS X 10.9 Mavericks và OS X 10.10 Yosemite	Trình điều khiển in OS X và tiện ích in có sẵn để bạn tải xuống từ hp.com và cũng có sẵn qua Apple Software Update. Phần mềm bộ cài đặt HP cho OS X không có trên CD có trong hộp sản phẩm.	<p>Đối với OS X, tải xuống bộ cài đặt hoàn chỉnh từ trang web hỗ trợ dành cho máy in này.</p> <ol style="list-style-type: none"> Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP. Chọn Support Options (Tùy chọn Hỗ trợ) và dưới Download Options (Tùy chọn Tải xuống), chọn Drivers, Software & Firmware (Trình điều khiển, Phần mềm & Chương trình cơ sở). Bấm chọn phiên bản hệ điều hành rồi bấm vào nút Download (Tải xuống). <p>Trình điều khiển OS X được cấu hình để sử dụng tính năng in hai mặt tự động (in hai mặt) làm mặc định khi được cài đặt trong một số quốc gia/vùng lãnh thổ.</p>


 **GHI CHÚ:** Để biết danh sách các hệ điều hành được hỗ trợ hiện nay, hãy truy cập www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP để được trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in.

 **GHI CHÚ:** Để biết chi tiết về hệ điều hành máy khách và máy chủ và về thông tin hỗ trợ trình điều khiển HP UPD PCL6, UPD PCL 5 và UPD PS cho máy in này, hãy truy cập www.hp.com/go/upd và bấm vào tab **Specifications** (Thông số kỹ thuật).

Giải pháp in di động

Máy in hỗ trợ phần mềm sau đây để in di động:

- Phần mềm HP ePrint

 **GHI CHÚ:** Phần mềm HP ePrint hỗ trợ các hệ điều hành sau đây: Windows 7 SP 1 (32-bit và 64-bit); Windows 8 (32-bit và 64-bit); Windows 8.1 (32-bit và 64-bit); và OS X phiên bản 10.8 Mountain Lion, 10.9 Mavericks và 10.10 Yosemite.

- HP ePrint qua email (Dịch vụ web HP phải được bật và máy in phải được đăng ký HP Connected)
- Ứng dụng HP ePrint (Có sẵn cho Android, iOS và Blackberry)
- Ứng dụng ePrint Enterprise (Được hỗ trợ trên tất cả máy in có Phần mềm Máy chủ ePrint Enterprise)
- Ứng dụng Từ xa Đa năng của HP cho thiết bị iOS và Android

- Google Cloud Print
- AirPrint
- In Android

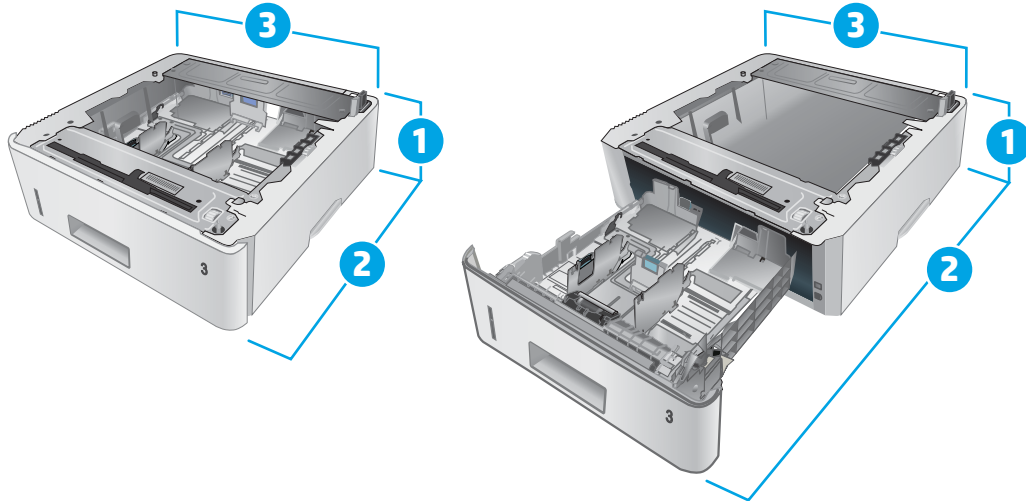
Kích thước máy in

Hình 1-1 Kích thước cho các kiểu M426 và M427



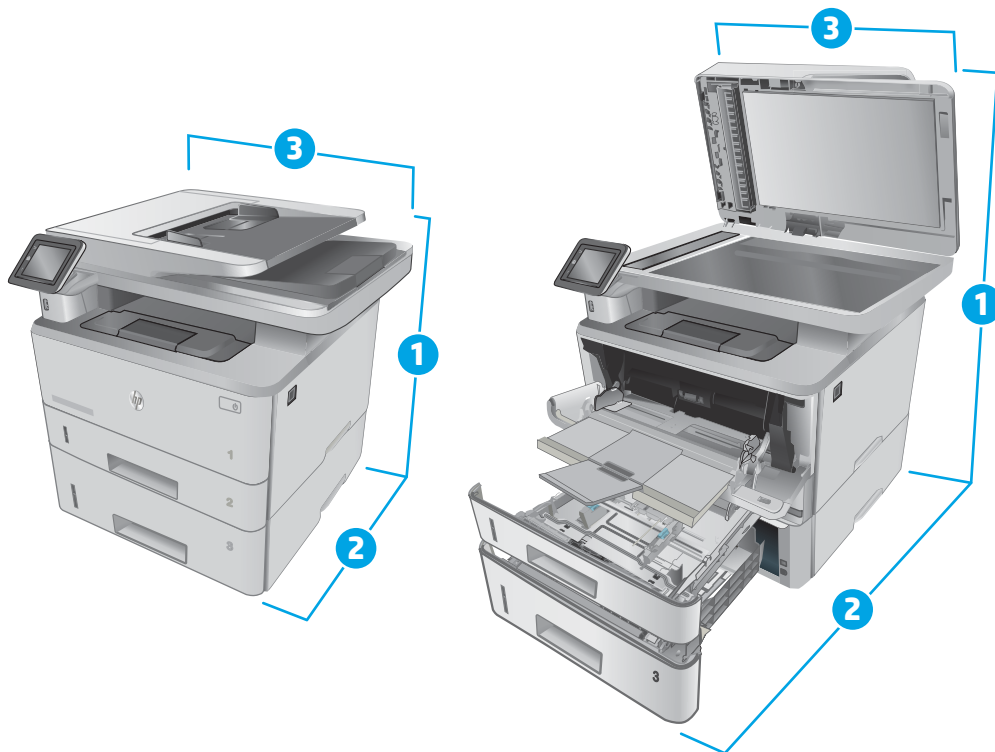
	Máy in đóng hoàn toàn	Máy in mở hoàn toàn
1. Chiều cao	452 mm	577 mm
2. Chiều sâu	390 mm	839 mm
3. Chiều rộng	420 mm	453 mm
Trọng lượng (có hộp mực)	13,1 kg	

Hình 1-2 Kích thước cho khay 550 tờ tùy chọn



	Khay đóng hoàn toàn	Khay mở hoàn toàn
1. Chiều cao	131 mm	131 mm
2. Chiều sâu	357 mm	781 mm
3. Chiều rộng	381 mm	381 mm
Trọng lượng (có hộp mực)	3,7 kg	

Hình 1-3 Kích thước cho máy in có khay 550 tờ tùy chọn



	Máy in và khay đóng hoàn toàn	Máy in và khay mở hoàn toàn
1. Chiều cao	452 mm	706 mm
2. Chiều sâu	390 mm	839 mm
3. Chiều rộng	420 mm	453 mm
Trọng lượng (có hộp mực)	16,6 kg	

Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn

Xem www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP để biết thông tin mới nhất.

⚠ THẬN TRỌNG: Các yêu cầu về điện năng dựa trên quốc gia/khu vực mà máy in được bán. Không chuyển đổi điện thế vận hành. Việc này sẽ gây hư hỏng máy in và làm mất hiệu lực bảo hành của máy in.

Phạm vi môi trường sử dụng

Bảng 1-1 Phạm vi môi trường sử dụng

Môi trường	Khuyến dùng	Được phép
Nhiệt độ	17,5° đến 25°C	15° đến 32,5°C
Độ ẩm tương đối	30% đến 70% độ ẩm tương đối (RH)	10% đến 80% RH

Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm

Để biết các hướng dẫn cài đặt cơ bản, hãy xem Áp phích Cài đặt và Hướng dẫn Làm quen đi kèm với máy in. Đối với các hướng dẫn bổ sung, hãy tới mục trợ giúp HP trên web.

Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP để được trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in. Tìm hỗ trợ sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

2 Khay giấy

- [Nạp Khay 1](#)
- [Nạp Khay 2](#)
- [Nạp Khay 3](#)
- [Nạp và in phong bì](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

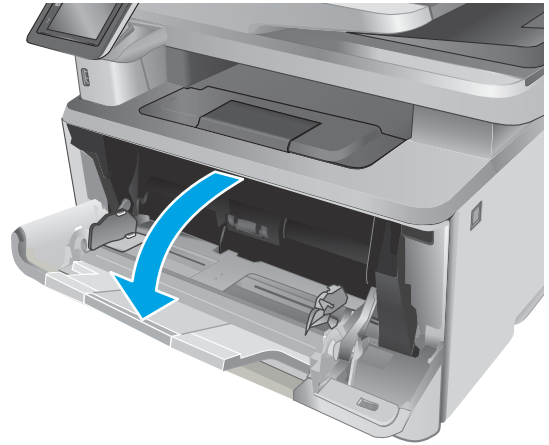
Nạp Khay 1

Giới thiệu

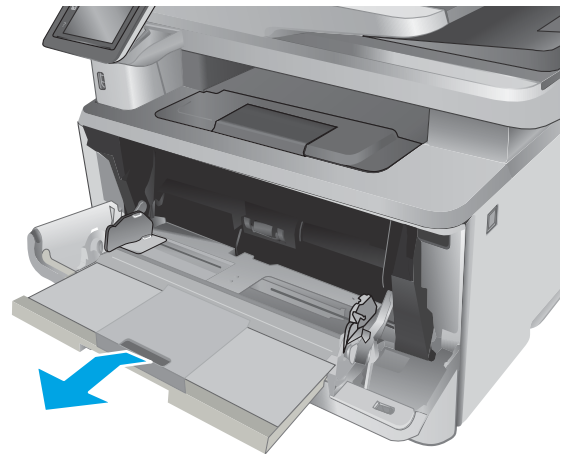
Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào Khay 1. Khay này chứa được tối đa 100 trang giấy 75 g/m².

⚠ THẬN TRỌNG: Để tránh kẹt giấy, không được thêm hoặc lấy bớt giấy từ Khay 1 trong khi in.

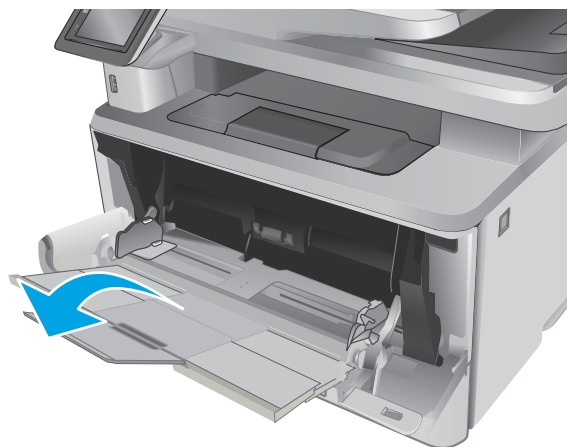
1. Mở Khay 1 bằng cách nắm vào tay cầm ở bên trái và bên phải của khay và kéo xuống.



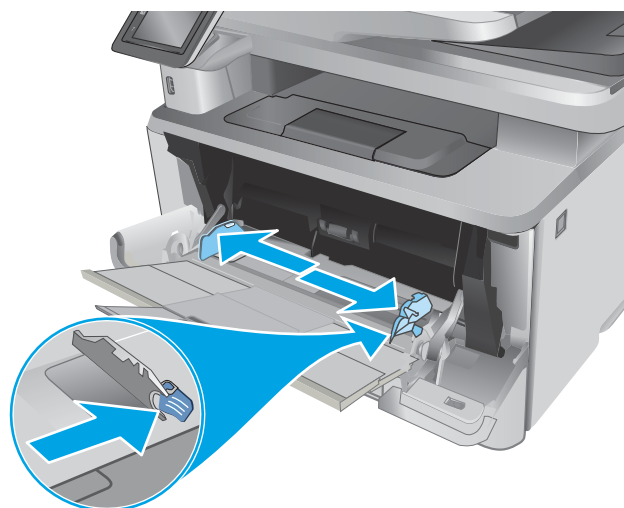
2. Trượt phần mở rộng của khay ra.



3. Với loại giấy dài, hãy mở phần mở rộng khay ra để đỡ giấy.

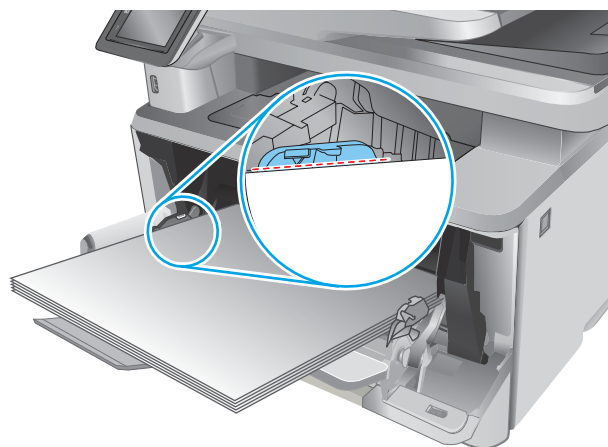


4. Bấm xuống trên thẻ chặn trên thanh dẫn giấy bên phải, sau đó căng các thanh dẫn giấy đến kích thước chính xác.

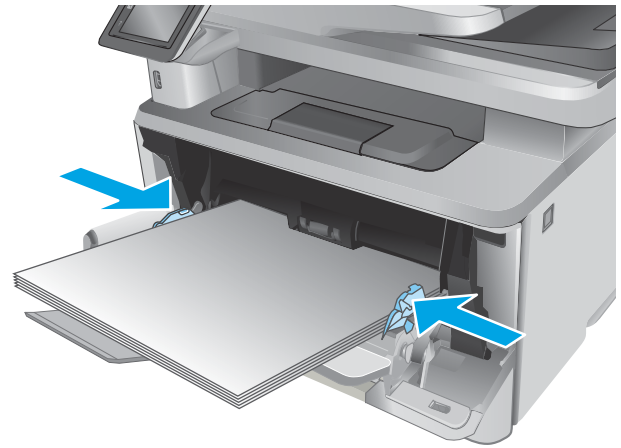


5. Nạp giấy vào khay. Kiểm tra chắc chắn rằng giấy nằm khớp trong các thẻ chặn và ở dưới mức báo chiều cao tối đa được phép.

Hướng giấy trong khay thay đổi dựa vào kích thước giấy. Để biết thêm thông tin, hãy xem [Hướng giấy khay 1 thuộc trang 18](#)



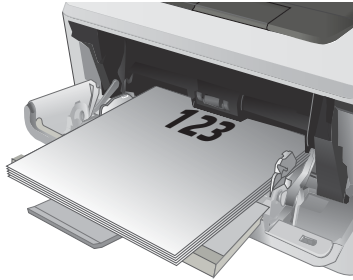
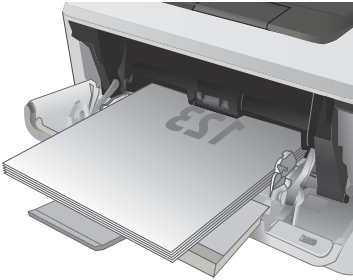
6. Bấm xuống trên thẻ chặn trên thanh dẫn giấy bên phải, sau đó điều chỉnh các thanh dẫn giấy sao cho chúng hơi chạm vào tập giấy mà không làm cong giấy.



7. Trên máy tính, bắt đầu quá trình in từ ứng dụng phần mềm. Kiểm tra chắc chắn rằng trình điều khiển được đặt đúng loại giấy và khổ giấy cho giấy khi in từ khay.

Hướng giấy khay 1

Khi sử dụng giấy đòi hỏi hướng giấy nhất định, nạp giấy vào theo thông tin trong bảng sau đây.

Loại giấy	Đầu ra	Cách nạp giấy
Tiêu đề thư hoặc in sẵn	In 1 mặt	Mặt hướng lên Đưa mép trên cùng vào máy in
		
Tiêu đề thư hoặc in sẵn	In 2 mặt	Mặt hướng xuống Đưa mép trên cùng vào máy in
		

Nạp Khay 2

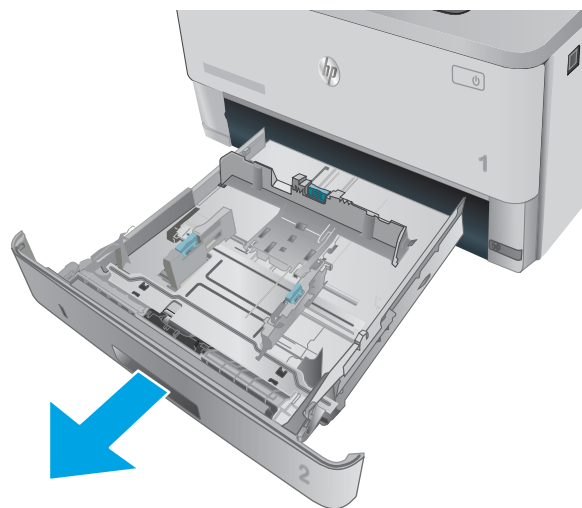
Giới thiệu

Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào Khay 2. Khay này chứa được tối đa 250 trang giấy 75 g/m².

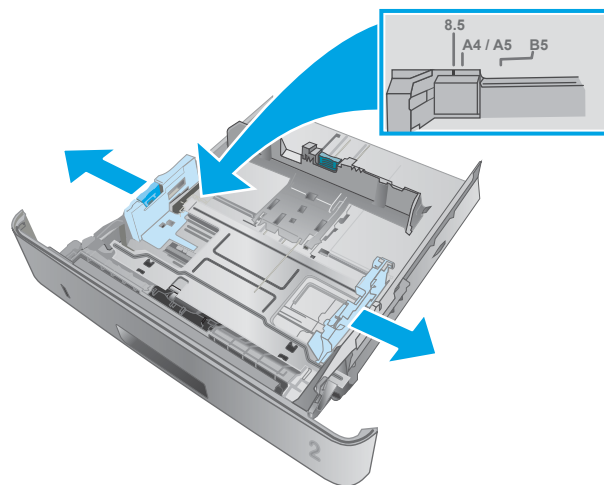
⚠ THẬN TRỌNG: Không in phong bì, nhãn, hoặc các khổ giấy không được hỗ trợ từ Khay 2. Chỉ in các loại giấy này từ Khay 1.

1. Kéo khay ra và hơi nâng lên để lấy hoàn toàn khay ra khỏi máy in.

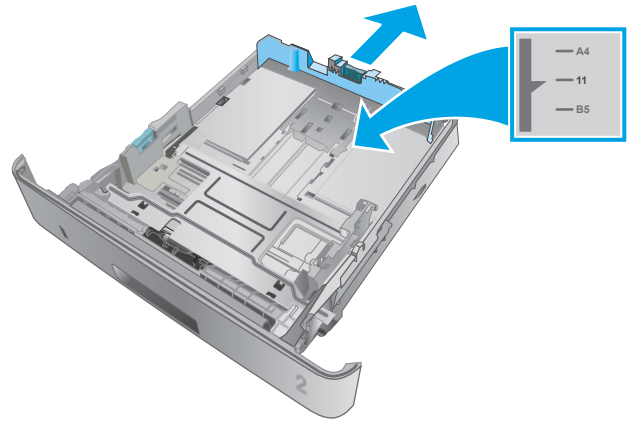
GHI CHÚ: Không mở khay trong khi đang sử dụng nó.



2. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc bằng cách sử dụng chốt trên thanh dẫn giấy bên trái và trượt các thanh dẫn này theo khổ giấy được sử dụng.



3. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều ngang bằng cách siết chặt chốt và trượt các thanh dẫn này theo khổ giấy đang được sử dụng.

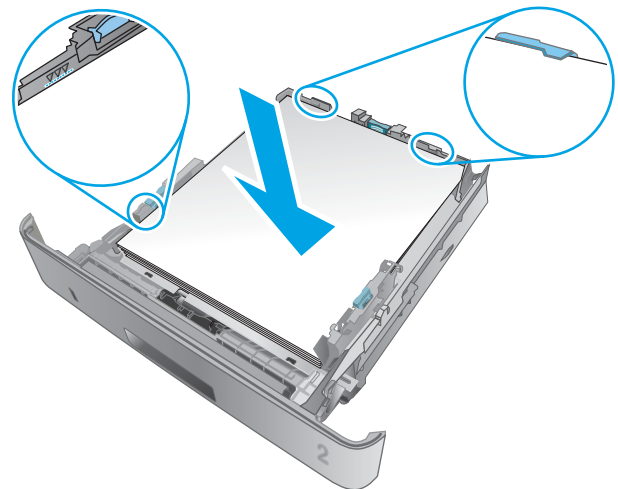


4. Nạp giấy vào khay. Để biết thông tin về cách định hướng giấy, xem [Hướng dẫn khay 2 thuộc trang 21](#)

GHI CHÚ: Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

GHI CHÚ: Để tránh bị kẹt giấy, điều chỉnh các thanh dẫn giấy về đúng khổ giấy và không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo rằng mặt trên của tập giấy ở dưới chỉ báo khay đầy, như được phóng to trong hình minh họa.

GHI CHÚ: Nếu khay không được điều chỉnh đúng, một thông báo lỗi có thể hiển thị trong khi in hoặc giấy có thể bị kẹt.



5. Trượt toàn bộ khay giấy vào trong máy in.

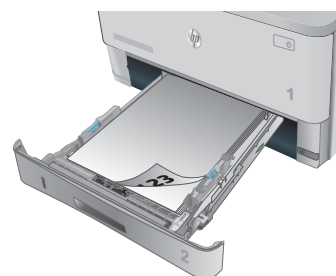


6. Trên máy tính, bắt đầu quá trình in từ ứng dụng phần mềm. Kiểm tra chắc chắn rằng trình điều khiển được đặt đúng loại giấy và khổ giấy cho giấy khi in từ khay.

Hướng giấy khay 2

Khi sử dụng giấy đòi hỏi hướng giấy nhất định, nạp giấy vào theo thông tin trong bảng sau đây.

Loại giấy	Đầu ra	Cách nạp giấy
Tiêu đề thư hoặc in sẵn	In 1 mặt	Mặt hướng lên Cạnh trên ở phía trước của khay
Tiêu đề thư hoặc in sẵn	In 2 mặt	Mặt hướng xuống Cạnh trên ở phía trước của khay



Nạp khay 3

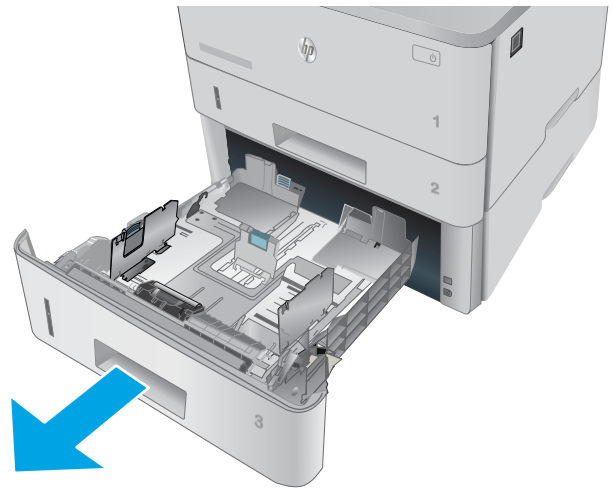
Giới thiệu

Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào khay 3. Khay này chứa được tối đa 550 trang giấy 75 g/m².

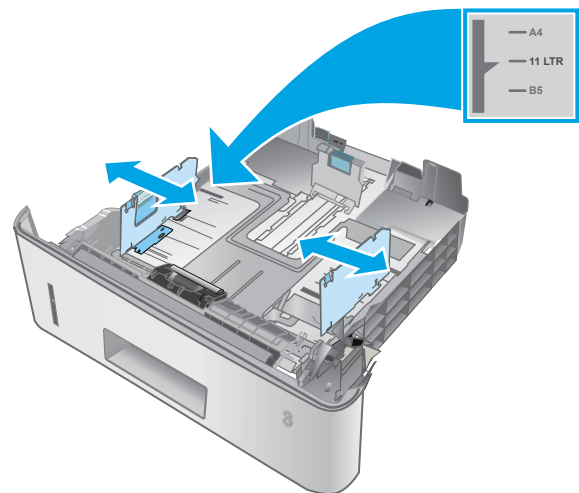
⚠ THẬN TRỌNG: Không in phong bì, nhãn, hoặc các khổ giấy không được hỗ trợ từ khay 3. Chỉ in các loại giấy này từ khay 1.

1. Kéo khay ra và hơi nâng lên để lấy hoàn toàn khay ra khỏi máy in.

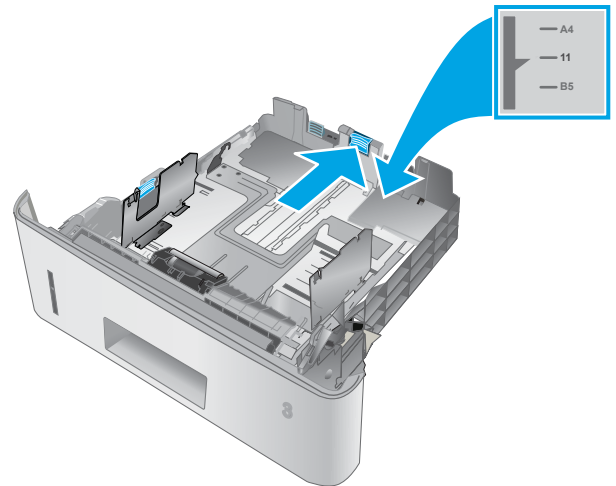
GHI CHÚ: Không mở khay trong khi đang sử dụng nó.



2. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc bằng cách sử dụng chốt trên thanh dẫn giấy bên trái và trượt các thanh dẫn này theo khổ giấy được sử dụng.



3. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều ngang bằng cách siết chặt chốt và trượt các thanh dẫn này theo khổ giấy đang được sử dụng.

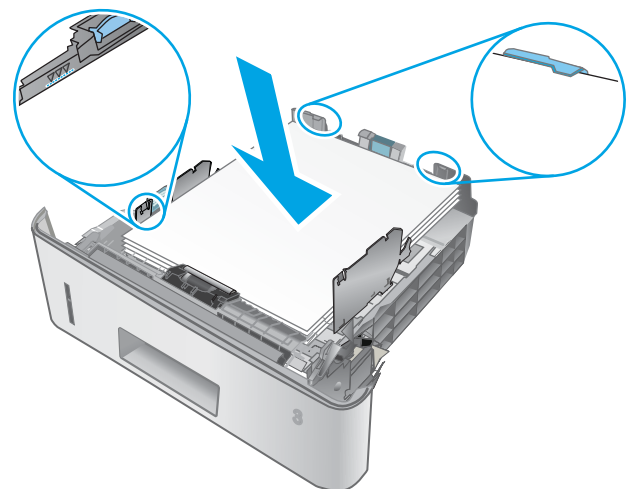


4. Nạp giấy vào khay. Để biết thông tin về cách định hướng giấy, xem [Hướng giấy khay 3 thuộc trang 24](#)

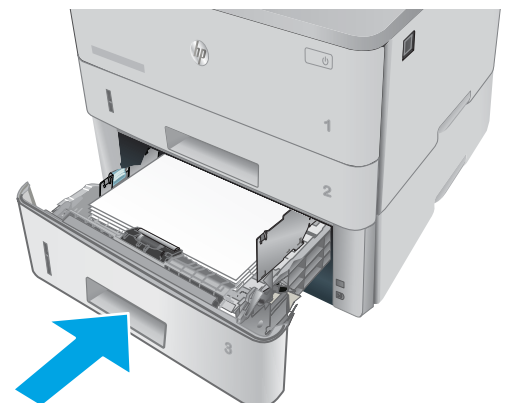
GHI CHÚ: Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

GHI CHÚ: Để tránh bị kẹt giấy, điều chỉnh các thanh dẫn giấy về đúng khổ giấy và không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo rằng mặt trên của tập giấy ở dưới chỉ bảo khay đầy, như được phóng to trong hình minh họa.

GHI CHÚ: Nếu khay không được điều chỉnh đúng, một thông báo lỗi có thể hiển thị trong khi in hoặc giấy có thể bị kẹt.



5. Trượt toàn bộ khay giấy vào trong máy in.

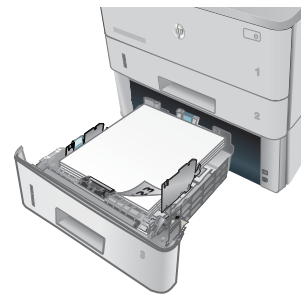
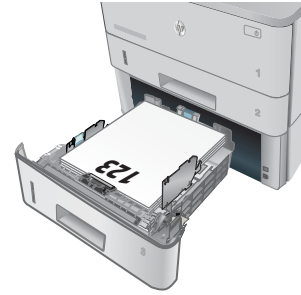


6. Trên máy tính, bắt đầu quá trình in từ ứng dụng phần mềm. Kiểm tra chắc chắn rằng trình điều khiển được đặt đúng loại giấy và khổ giấy cho giấy khi in từ khay.

Hướng giấy khay 3

Khi sử dụng giấy đòi hỏi hướng giấy nhất định, nạp giấy vào theo thông tin trong bảng sau đây.

Loại giấy	Đầu ra	Cách nạp giấy
Tiêu đề thư hoặc in sẵn	In 1 mặt	Mặt hướng lên Cạnh trên ở phía trước của khay
Tiêu đề thư hoặc in sẵn	In 2 mặt	Mặt hướng xuống Cạnh trên ở phía trước của khay



Nạp và in phong bì


Giới thiệu


Thông tin sau đây mô tả cách in và nạp phong bì. Chỉ dùng khay 1 để in trên phong bì. Khay 1 chứa tối đa là 10 phong bì.

Để in phong bì bằng cách dùng tùy chọn tiếp giấy thủ công, hãy thực hiện theo các bước sau để chọn cài đặt chính xác trong trình điều khiển in, sau đó nạp phong bì vào khay sau khi gửi lệnh in đến máy in.

In phong bì

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

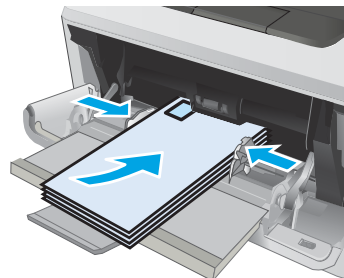
 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

3. Nhấp hoặc chạm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Trong danh sách thả xuống **Paper size** (Kích thước giấy), chọn đúng kích thước cho các phong bì.
5. Trong danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy), chọn **Envelope** (Phong bì).
6. Trong danh sách thả xuống **Paper source** (Nguồn giấy), chọn **Manual feed** (Tiếp giấy thủ công).
7. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
8. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

Hướng Phong bì

Nạp phong bì vào khay 1 với mặt hướng lên, với cạnh ngăn có tem hướng vào máy in.



3 Mục in, phụ kiện và bộ phận

- [Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận](#)
- [Thay thế hộp mực in](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận

Đặt hàng

Đặt hàng mực in và giấy	www.hp.com/go/suresupply
Đặt hàng các bộ phận hoặc phụ kiện HP chính hãng	www.hp.com/buy/parts
Đặt hàng qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.
Đặt hàng bằng Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS)	Để truy cập, trong trình duyệt web được hỗ trợ trên máy tính của bạn, hãy nhập địa chỉ IP của máy in hoặc tên máy chủ trong trường địa chỉ/URL. EWS chứa liên kết tới trang web HP SureSupply, nơi cung cấp các tùy chọn mua hộp mực HP gốc.

Mực in và phụ kiện

Mục	Mô tả	Số hộp mực	Số bộ phận
Mực in			
Hộp mực HP 26A Black Original LaserJet GHI CHÚ: Chỉ dành cho kiểu M426	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất chuẩn	26A	CF226A
Hộp mực HP 28A Black Original LaserJet GHI CHÚ: Chỉ dành cho kiểu M427	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất chuẩn	28A	CF228A
Hộp mực HP 26X High Yield Black Original LaserJet GHI CHÚ: Chỉ dành cho kiểu M426	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất cao	26X	CF226X
Hộp mực HP 28X High Yield Black Original LaserJet GHI CHÚ: Chỉ dành cho kiểu M427	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất cao	28X	CF228X
Phụ kiện			
Khay nạp giấy HP LaserJet 1 x 550	Khay nạp giấy 550 tờ (Khay 3 tùy chọn)	Không áp dụng	rm2-5413-000CN

Các bộ phận tự sửa chữa

Các bộ phận tự sửa chữa của khách hàng (CSR) được trang bị ở nhiều máy in HP LaserJet để giảm thời gian bảo dưỡng. Bạn có thể tìm thêm thông tin về chương trình CSR và các lợi ích của chương trình tại www.hp.com/go/csr-support và www.hp.com/go/csr-faq.

Có thể đặt mua các phụ kiện thay thế chính hiệu HP tại www.hp.com/buy/parts hoặc liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền. Khi đặt hàng, cần lưu ý một số thông tin sau: số bộ phận, số sê-ri (nhìn ở phía sau của máy in), số hiệu máy in, hoặc tên máy in.

- Các bộ phận được liệt kê là tự thay thế **Bắt buộc** sẽ do khách hàng lắp đặt trừ khi bạn sẵn sàng trả tiền cho nhân viên dịch vụ của HP để thực hiện việc sửa chữa. Đối với những bộ phận này, hỗ trợ tại chỗ hoặc trả lại kho không được cung cấp theo bảo hành máy in HP.
- Các bộ phận được liệt kê là tự thay thế **Tùy chọn** có thể do nhân viên dịch vụ của HP lắp đặt theo yêu cầu của bạn mà không phải trả thêm phí trong thời gian bảo hành máy in.

Mục	Mô tả	Tùy chọn tự thay thế	Số bộ phận
Con lăn khay đa năng	Con lăn khay thay thế	Bắt buộc	RL2-0656-000CN
Khay tiếp giấy 250 tờ	Thay thế hộp băng từ cho Khay 2	Bắt buộc	RM2-5392-000CN
Khay nạp giấy HP LaserJet 1 x 550	Khay nạp giấy 550 tờ (Khay 3 tùy chọn)	Bắt buộc	rm2-5413-000CN
Bộ con lăn đón giấy Khay 2	Các con lăn đón thay thế cho Khay 2	Bắt buộc	RM2-5452-000CN
Bộ con lăn đón giấy Khay 3	Các con lăn đón thay thế cho Khay 3	Bắt buộc	RM2-57412-000CN
Bộ con lăn phân tách Khay 2	Các con lăn phân tách thay thế cho Khay 2	Bắt buộc	RM2-5397-000CN
Bộ con lăn phân tách Khay 3	Các con lăn phân tách thay thế cho Khay 3	Bắt buộc	RM2-5745-000CN

Thay thế hộp mực in

- [Giới thiệu](#)
- [Thông tin về hộp mực in](#)
- [Tháo và thay thế hộp mực in](#)

Giới thiệu

Thông tin sau đây cung cấp các chi tiết về hộp mực in cho máy in và các hướng dẫn thay thế hộp mực in.


Thông tin về hộp mực in

Máy in này sẽ cho biết khi nào mực mức in trong hộp mực còn ít và gần hết. Thời gian sử dụng thực tế của hộp mực in có thể thay đổi. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được.

Tiếp tục in bằng hộp mực hiện thời cho tới khi việc phân phối lại bột mực không cho ra chất lượng in chấp nhận được. Để phân phối lại bột mực, tháo hộp mực in ra khỏi máy in và lắc nhẹ hộp mực qua lại theo trục ngang. Vui lòng đọc các hướng dẫn thay thế hộp mực để xem hình ảnh biểu diễn đồ họa. Lắp lại hộp mực in vào máy in và đóng nắp.

Để mua hộp mực hoặc kiểm tra hộp mực có phù hợp với máy in không, hãy truy cập mục HP SureSupply tại www.hp.com/go/suresupply. Cuộn xuống cuối trang và xác nhận xem quốc gia/khu vực có đúng không.

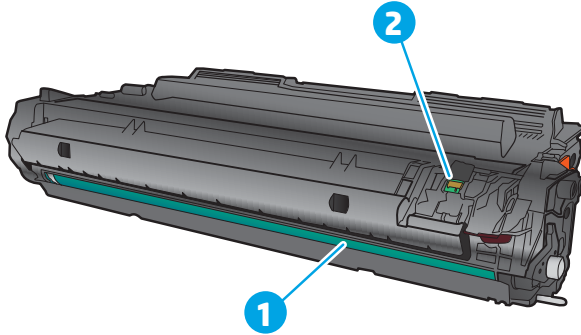
Công suất	Mô tả	Số hộp mực	Số bộ phận
Hộp mực HP 26A Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất chuẩn	26A	CF226A
GHI CHÚ: Chỉ dành cho kiểu M426			
Hộp mực HP 28A Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất chuẩn	28A	CF228A
GHI CHÚ: Chỉ dành cho kiểu M427			
Hộp mực HP 26X High Yield Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất cao	26X	CF226X
GHI CHÚ: Chỉ dành cho kiểu M426			
Hộp mực HP 28X High Yield Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất cao	28X	CF228X
GHI CHÚ: Chỉ dành cho kiểu M427			

 **GHI CHÚ:** Hộp mực hiệu suất in cao (high-yield) có nhiều bột mực hơn hộp mực chuẩn để tăng hiệu suất in trên trang. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập www.hp.com/go/learnaboutsups.

Không được lấy hộp mực in ra khỏi bao bì cho đến khi cần thay thế.

⚠ THẬN TRỌNG: Để tránh làm hư hộp mực, không để hộp mực tiếp xúc với ánh sáng quá vài phút. Che đậy trống hình màu xanh lá cây nếu phải tháo hộp mực in ra khỏi máy in trong một thời gian dài.

Hình minh họa dưới đây hiển thị các bộ phận của hộp mực in.



1 Trống hình

THẬN TRỌNG: Không chạm tay vào trống hình. Dầu vân tay có thể làm giảm chất lượng in.

2 Chip bộ nhớ

⚠ THẬN TRỌNG: Nếu bột mực vương vào áo quần, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.

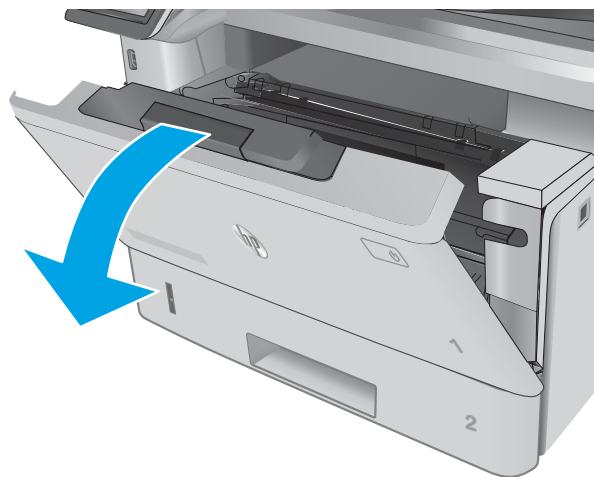
📖 GHI CHÚ: Thông tin về việc tái chế hộp mực đã qua sử dụng có trên vỏ hộp mực.

Tháo và thay thế hộp mực in

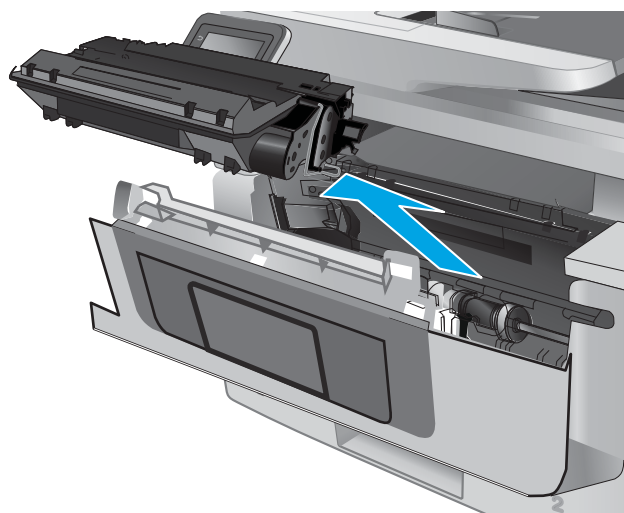
1. Bấm nút mở cửa trước.



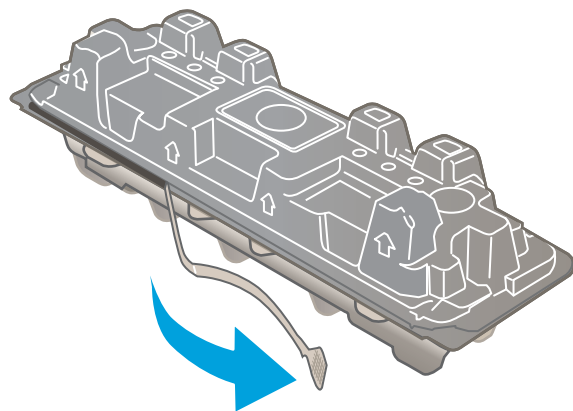
2. Mở cửa trước.



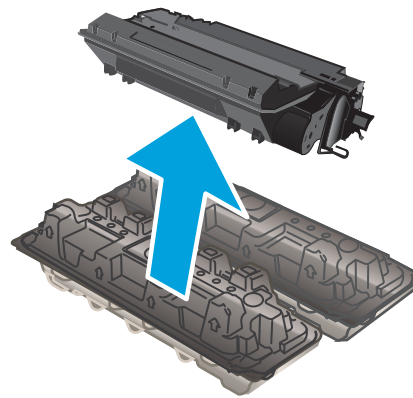
3. Lấy hộp mực đã qua sử dụng ra khỏi máy in.



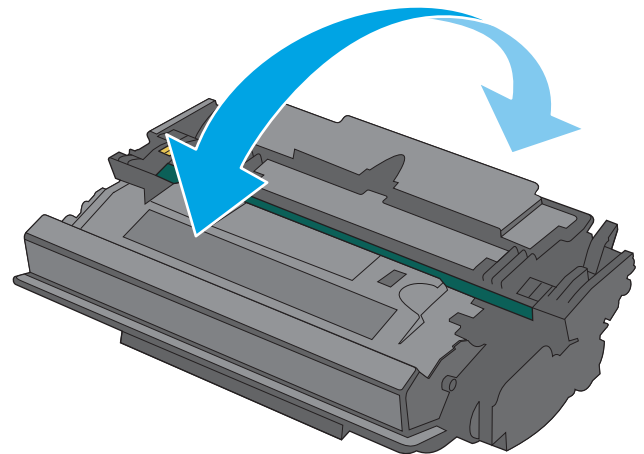
4. Tháo gói đựng hộp mực in mới khỏi vỏ hộp, sau đó kéo dãn dây tháo trên sản phẩm đóng gói.



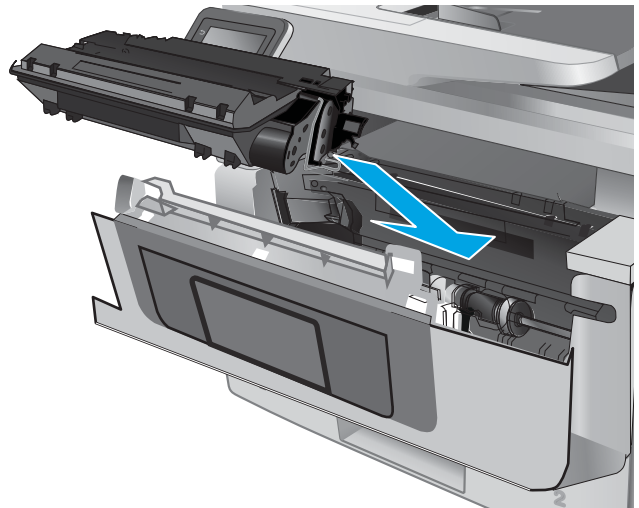
5. Tháo hộp mực in ra khỏi túi gói hàng đã mở.
Đặt hộp mực in đã sử dụng vào túi để tái chế.



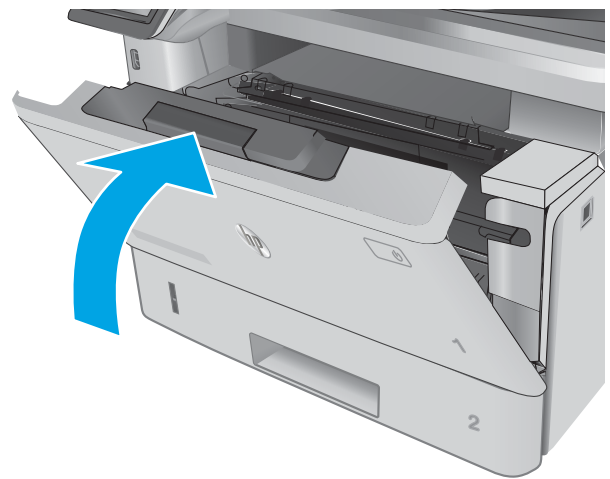
6. Giữ hai đầu của hộp mực và lắc nhẹ 5-6 lần.



- Đặt thẳng hàng hộp mực in với các rãnh nằm bên trong máy in và lắp hộp mực in vào cho đến khi nó ở vị trí chắc chắn.



- Đóng cửa trước.



4 In

- [Thao tác in \(Windows\)](#)
- [Thao tác in \(OS X\)](#)
- [Lưu các lệnh in trên sản phẩm để in sau hoặc in riêng](#)
- [In di động](#)
- [Sử dụng in Walk-up USB](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:


- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành


Thao tác in (Windows)


Cách in (Windows)


Quy trình sau đây mô tả quá trình in cơ bản cho Windows.

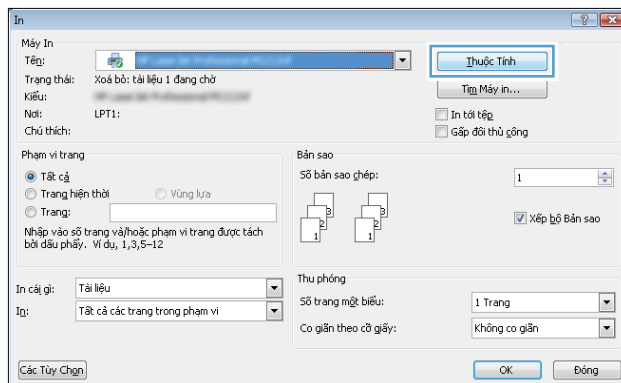
1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in. Để thay đổi cài đặt, nhấp hoặc chạm vào **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

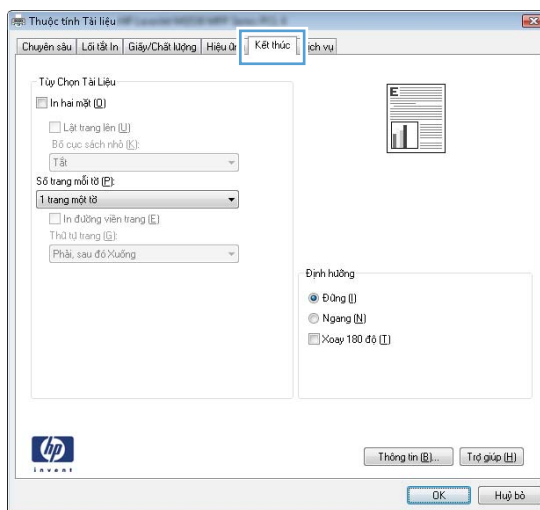
 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

 **GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin, hãy bấm nút Trợ giúp (?) trong trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Trình điều khiển in có thể khác với những gì được thể hiện ở đây, nhưng các bước thì không thay đổi.



3. Nhấp hoặc chạm vào tab trong trình điều khiển in để cấu hình các tùy chọn sẵn có. Ví dụ, đặt hướng giấy trong tab **Finishing** (Kết thúc), đặt nguồn giấy, loại giấy, cỡ giấy và cài đặt chất lượng trên tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).





4. Nhấp hoặc chạm vào nút **OK** để trở lại hộp thoại **Print (In)**. Chọn số lượng các bản sao để in từ màn hình này.
5. Nhấp hoặc chạm vào nút **OK** để in lệnh in.

In tự động trên hai mặt (Windows)

Dùng quy trình này cho các máy in có lắp đặt khay in hai mặt tự động. Nếu máy in không có lắp đặt khay in hai mặt tự động, hoặc in trên các loại giấy mà khay in hai mặt không hỗ trợ, bạn có thể in cả hai mặt theo cách thủ công.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.


3. Nhấp vào tab **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn hộp chọn **Print on both sides** (In hai mặt). Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
5. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

In thủ công trên cả hai mặt (Windows)

Dùng quy trình này cho các máy in không có lắp khay in hai mặt tự động hoặc để in trên giấy mà khay in hai mặt không hỗ trợ.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.


 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

3. Nhấp vào tab **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn hộp chọn **Print On Both Sides (Manually)** (In Hai mặt (Thủ công)). Bấm nút **OK** để in mặt đầu tiên của lệnh in.
5. Lấy xếp giấy đã in từ ngăn giấy ra và đặt nó vào Khay 1.
6. Nếu được nhắc, hãy chạm vào nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

In nhiều trang trên một trang giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.


 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.

3. Nhấp vào tab **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn số lượng trang in trên một trang giấy từ danh sách **Các trang trên một trang giấy thả xuống**.
5. Chọn đúng tùy chọn cho **Print page borders** (In đường viền trang), **Page order** (Thứ tự trang) và **Orientation** (Hướng). Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
6. Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

Chọn loại giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.

3. Nhấp hoặc chạm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Từ danh sách **Paper type** (Loại giấy) nhấp tùy chọn **More...**(Khác).
5. Mở rộng danh sách tùy chọn **Type is:** (Loại là:).
6. Mở rộng danh mục các loại giấy mô tả tốt nhất loại giấy của bạn.
7. Chọn tùy chọn cho loại giấy mà bạn đang sử dụng, sau đó nhấp vào nút **OK**.
8. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

Nếu khay cần được cấu hình, một thông báo cấu hình khay sẽ hiển thị trên bảng điều khiển máy in.

9. Nạp giấy có loại và kích thước xác định vào khay, và sau đó đóng khay lại.
10. Bấm nút **OK** để chấp nhận kiểu và kích cỡ được tìm thấy, hoặc bấm nút **Modify** (Thay đổi) để chọn một kiểu hoặc kích cỡ giấy khác.
11. Chọn đúng kiểu và kích cỡ, sau đó bấm nút **OK**.

Tác vụ in bổ sung

Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.

Hướng dẫn có sẵn để thực hiện các tác vụ in cụ thể, như các tác vụ sau:


- Tạo và sử dụng các cài đặt hoặc lối tắt in
- Chọn khổ giấy, hoặc dùng khổ giấy tùy chỉnh
- Chọn hướng của trang
- Tạo một tập sách mỏng
- Co giãn tài liệu cho vừa khổ giấy cụ thể
- In trang đầu hoặc trang cuối của tài liệu trên giấy khác nhau
- In hình mờ trên tài liệu

Thao tác in (OS X)

Cách in (OS X)


Quy trình sau mô tả quá trình in cơ bản dành cho OS X.


1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi chọn các menu khác để điều chỉnh cài đặt in.

 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


4. Nhấp vào nút **In**.

Tự động in trên cả hai mặt (OS X)

 **GHI CHÚ:** Thông tin này áp dụng cho những máy in có phụ kiện in hai mặt tự động.


 **GHI CHÚ:** Tính năng này sẵn có nếu bạn có cài trình điều khiển in của HP. Tính năng này có thể không có sẵn nếu bạn dùng AirPrint.

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Layout** (Bố cục).


 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Chọn tùy chọn đóng sách từ danh sách thả xuống **Two-Sided** (Hai Mặt).
5. Nhấp vào nút **In**.

In thủ công trên cả hai mặt (OS X)

 **GHI CHÚ:** Tính năng này sẵn có nếu bạn có cài trình điều khiển in của HP. Tính năng này có thể không có sẵn nếu bạn dùng AirPrint.

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Manual Duplex** (In hai mặt thủ công).

 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Nhấp vào hộp **Manual Duplex** (Hai mặt Thủ công) và chọn một tùy chọn đóng sách.
5. Nhấp vào nút **In**.
6. Đến máy in và lấy hết giấy trắng trong khay 1 ra.

7. Lấy xếp giấy đã in từ ngăn giấy ra và đặt nó vào khay tiếp giấy với mặt đã in hướng xuống dưới.
8. Nếu được nhắc, hãy chạm vào nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

In nhiều trang trên một tờ (OS X)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Layout** (Bố cục).



GHI CHÚ: Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Từ danh sách **Pages per Sheet** (Nhiều trang trên một Tờ) thả xuống, hãy chọn số trang bạn muốn in trên mỗi tờ.
5. Trong vùng **Layout Direction** (Hướng Bố Cục), chọn thứ tự và vị trí của trang trên tờ giấy.
6. Từ menu **Borders** (Đường viền), chọn loại viền quanh mỗi trang trên tờ giấy.
7. Nhấp vào nút **In**.

Chọn loại giấy (OS X)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Media & Quality** (Phương tiện & Chất lượng) hoặc menu **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).



GHI CHÚ: Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Chọn từ các tùy chọn **Media & Quality** (Phương tiện & Chất lượng) hoặc **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).



GHI CHÚ: Danh sách này bao gồm toàn bộ các tùy chọn khả dụng. Một số tùy chọn không khả dụng trên tất cả các máy in.

- **Media Type** (Loại phương tiện): Chọn tùy chọn cho loại giấy cho lệnh in.
 - **Print Quality** (Chất lượng in): Chọn mức độ phân giải cho lệnh in.
 - **Edge-To-Edge Printing** (In cạnh đối cạnh): Chọn tùy chọn này để in gần các cạnh giấy.
 - **EconoMode** (Chế độ tiết kiệm): Chọn tùy chọn này để bảo tồn bột mực khi in bản nháp của tài liệu.
5. Nhấp vào nút **In**.

Tác vụ in bổ sung

Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.

Hướng dẫn có sẵn để thực hiện các tác vụ in cụ thể, như các tác vụ sau:

- Tạo và sử dụng các cài đặt hoặc lối tắt in
- Chọn khổ giấy, hoặc dùng khổ giấy tùy chỉnh
- Chọn hướng của trang
- Tạo một tập sách mỏng
- Co giãn tài liệu cho vừa khổ giấy cụ thể
- In trang đầu hoặc trang cuối của tài liệu trên giấy khác nhau
- In hình mờ trên tài liệu

Lưu các lệnh in trên sản phẩm để in sau hoặc in riêng

- [Giới thiệu](#)
- [Trước khi bắt đầu](#)
- [Cài đặt máy in để lưu trữ lệnh in](#)
- [Tạo lệnh in đã lưu \(Windows\)](#)
- [In lệnh in đã lưu](#)
- [Xóa lệnh in đã lưu](#)

Giới thiệu

Phần này cung cấp các quy trình tạo và in tài liệu được lưu trữ trên máy in. Các lệnh này có thể được in sau đó hoặc in riêng.

Trước khi bắt đầu

Tính năng lưu trữ lệnh in có các yêu cầu sau:

- Một ổ flash USB 2.0 chuyên dụng có ít nhất 16 GB dung lượng trống phải được lắp vào USB chủ phía sau. Ổ flash USB này chứa các lệnh của lưu trữ lệnh in được gửi đến máy in. Việc tháo ổ flash USB này ra khỏi máy in sẽ tắt tính năng lưu trữ lệnh in.
- Nếu bạn đang dùng trình điều khiển HP Universal Print Driver (UPD), bạn phải dùng phiên bản UPD 5.9.0 trở lên.

Cài đặt máy in để lưu trữ lệnh in

Hoàn tất các quy trình sau để bật tính năng lưu trữ lệnh in của máy in.

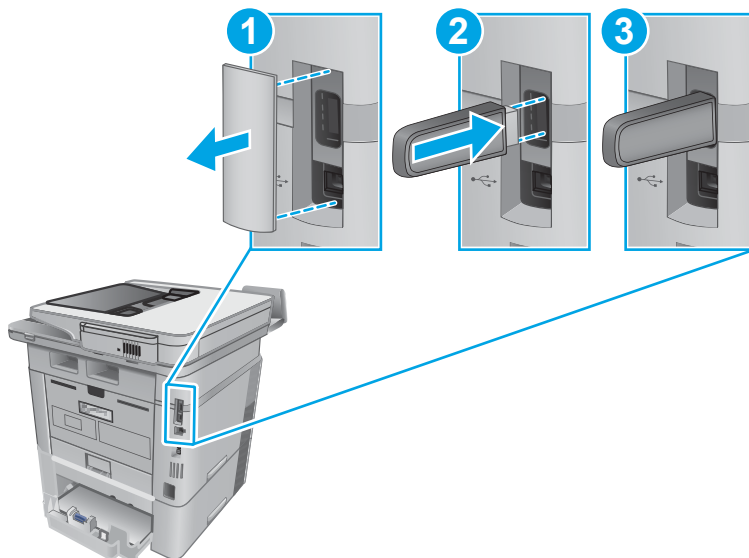
Bước một: Lắp đặt ổ flash USB


1. Định vị cổng USB sau.

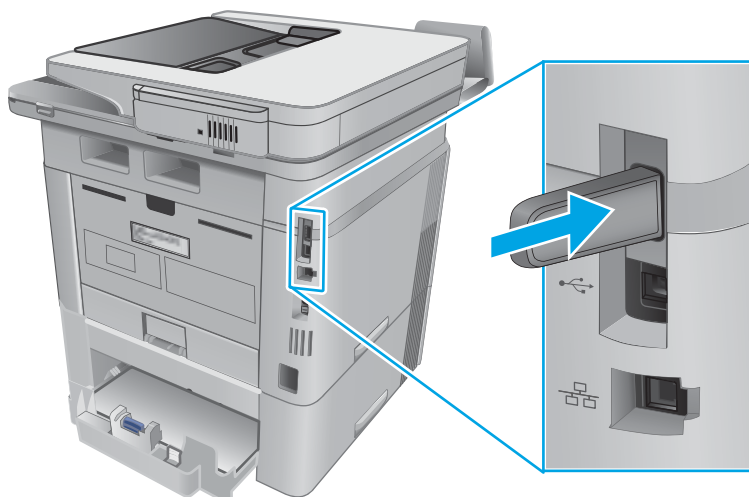


GHI CHÚ: Trên một số kiểu sản phẩm, cổng USB sau được đậy lại. Tháo nắp cổng USB sau trước khi tiến hành.

2. Lắp ổ USB flash vào cổng USB sau.



 **GHI CHÚ:** Các kiểu máy M402d và M403d không có cổng USB sau.



Bảng điều khiển hiển thị thông báo **The USB drive will be formatted** (Ổ USB sẽ được định dạng).

3. Chọn **OK** để hoàn thành quá trình.

Bước hai: Cập nhật trình điều khiển in

Cập nhật trình điều khiển in trong Windows

1. Nhấp vào nút **Start** (Bắt đầu), sau đó nhấp **Devices and Printers** (Thiết bị và Máy in).
2. Nhấp chuột phải vào tên của máy in HP, rồi chọn **Printer properties** (Thuộc tính máy in).
3. Trong hộp thoại **Properties** (Thuộc tính), chọn tab **Device Settings** (Cài đặt Thiết bị).
4. Chọn **Update Now** (Cập nhật Bây giờ), sau đó bấm **OK**. Trình điều khiển in được cập nhật.

Trình điều khiển in được cập nhật sẽ bao gồm tab **Job Storage** (Lưu trữ lệnh in).


Truy cập các tính năng Job Storage (Lưu trữ lệnh in) trên các hệ điều hành Windows kế thừa

Để truy cập vào các tính năng Job Storage (Lưu trữ lệnh in) trên các hệ điều hành Windows kế thừa, ví dụ như Windows XP hoặc Vista, hãy hoàn tất các bước sau:


1. Nhấp vào nút **Start** (Bắt đầu), sau đó nhấp vào **Control Panel** (Bảng điều khiển).
2. Chọn **Printers and Faxes** (Máy in và Fax), nhấp chuột phải vào tên của máy in HP, rồi chọn **Properties** (Thuộc tính).
3. Chọn tab **Device Settings** (Cài đặt thiết bị).
4. Dưới **Installable Options** (Tùy chọn có thể cài đặt), đổi **Automatic Configuration** (Cấu hình tự động) từ **Off** (Tắt) thành **Update Now** (Cập nhật bây giờ) rồi nhấp **OK**. Chờ cho đến khi quá trình xác thực máy in hoàn tất.


Tạo lệnh in đã lưu (Windows)

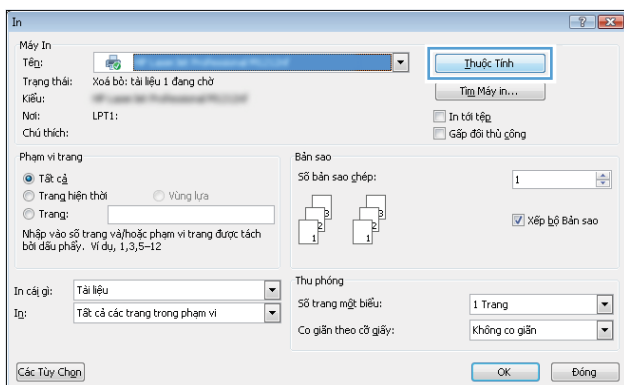
Lưu trữ lệnh in trên máy in để in riêng hoặc tạm hoãn.

 **GHI CHÚ:** Trình điều khiển in có thể khác với những gì được thể hiện ở đây, nhưng các bước thì không thay đổi.

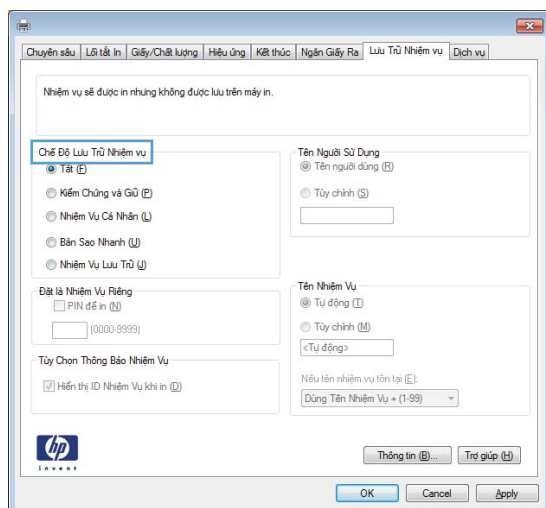
1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, sau đó chọn **Properties** (Thuộc tính) hoặc **Preferences** (Tùy chọn) (tên thay đổi tùy theo các chương trình phần mềm khác nhau).

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.



3. Nhấp vào tab **Job Storage** (Lưu trữ Lệnh in).



4. Chọn một tùy chọn **Job Storage Mode** (Chế độ Lưu trữ Lệnh in).

Chế độ	Mô tả	Bảo vệ bằng mã PIN	Xóa lệnh in
Proof and Hold (Kiểm tra và giữ)	In trang đầu tiên của tài liệu để kiểm tra xem chất lượng in, sau đó in phần tài liệu còn lại từ bảng điều khiển máy in.	Không	Tự động sau khi lệnh in được in hoặc khi đạt đến giới hạn giữ lại lệnh in.
Personal Job (Lệnh in cá nhân)	Lệnh in không in cho đến khi bạn yêu cầu trên bảng điều khiển máy in.	Có (tùy chọn)	Tự động sau khi lệnh in được in hoặc khi đạt đến giới hạn giữ lại lệnh in.
Quick Copy (Sao chép nhanh)	In số lượng bản sao được yêu cầu của một lệnh in và lưu một bản sao của lệnh in trong bộ nhớ của máy in để bạn có thể in lại sau.	Không	Theo cách thủ công
Stored Job (Lệnh in đã lưu)	Lưu một lệnh in trên máy in và cho phép người dùng khác in lệnh in này bất cứ lúc nào.	Có (tùy chọn)	Theo cách thủ công

5. Để sử dụng tên người dùng hoặc tên lệnh in tùy chỉnh, hãy nhấp vào nút **Custom** (Tùy chỉnh), sau đó nhập tên người dùng hoặc tên lệnh in.


Chọn tùy chọn để sử dụng nếu một lệnh in đã lưu khác đã có tên đó:

- **Use Job Name + (1-99)** (Sử dụng Tên Lệnh in + (1-99)): Nối một số riêng vào cuối tên lệnh in.
- **Replace Existing File** (Thay thế Tập Hiện có): Ghi đè lệnh in đã lưu hiện có bằng lệnh in mới.

6. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

In lệnh in đã lưu


Sử dụng quy trình sau để in lệnh in đã lưu trong bộ nhớ sản phẩm.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, vuốt cho đến khi menu **Jobs** (Lệnh in) hiển thị. Chạm vào biểu tượng **Jobs**  (Lệnh in) để mở menu.
2. Từ danh sách **Job Folders** (Thư mục Lệnh in), chọn một tên người dùng. Danh sách các lệnh in đã lưu dưới tên người dùng đó sẽ hiển thị.
3. Chọn tên lệnh in. Nếu lệnh in là riêng tư hoặc được mã hóa, hãy nhập mã PIN hoặc mật khẩu.
4. Để điều chỉnh số bản sao, chạm vào **Copies** (Bản sao), nhập số bản sao, sau đó chạm vào nút **OK**.
5. Chạm vào nút **Print** (In) để in lệnh in.

Xóa lệnh in đã lưu

Khi bạn gửi lệnh in đã lưu đến bộ nhớ máy in, máy in sẽ ghi đè bất kỳ lệnh in nào trước đó có cùng tên lệnh in và người dùng. Nếu bộ nhớ máy in đã đầy, bảng điều khiển máy in sẽ hiển thị một thông báo **No more memory** (Không có thêm bộ nhớ) và phải xóa lệnh in đã lưu hiện có trước khi có thể lưu lệnh in bổ sung.

Sử dụng quy trình này để xóa lệnh in được lưu trong bộ nhớ máy in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, vuốt cho đến khi menu **Jobs** (Lệnh in) hiển thị. Chạm vào biểu tượng **Jobs**  (Lệnh in) để mở menu.
2. Từ danh sách **Job Folders** (Thư mục Lệnh in), chọn một tên người dùng. Danh sách các lệnh in đã lưu dưới tên người dùng đó sẽ hiển thị.
3. Chọn tên lệnh in. Nếu lệnh in là riêng tư hoặc được mã hóa, hãy nhập mã PIN hoặc mật khẩu.
4. Chọn **Delete** (Xóa) sau đó chọn **OK** để xóa lệnh in.

In di động

Giới thiệu

HP cung cấp nhiều giải pháp di động và ePrint để cho phép in dễ dàng tới một máy in HP từ máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh hoặc từ thiết bị di động khác. Để xem danh sách đầy đủ và xác định lựa chọn tốt nhất, hãy truy cập www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting.

- [In Wi-Fi Direct và NFC \(chỉ dành cho các kiểu không dây\)](#)
- [HP ePrint qua email](#)
- [Phần mềm HP ePrint](#)
- [AirPrint](#)
- [In nhúng của Android](#)

In Wi-Fi Direct và NFC (chỉ dành cho các kiểu không dây)

In Wi-Fi Direct và NFC (Giao tiếp cận trường) cho phép các thiết bị có chức năng Wi-Fi (di động) thực hiện một kết nối mạng không dây trực tiếp với máy in mà không dùng bộ định tuyến không dây.

Wi-Fi Direct và NFC (Giao tiếp cận trường) cho phép in từ một thiết bị di động không dây mà không cần kết nối với mạng hoặc Internet. Các khả năng NFC bật kết nối in một-một dễ dàng dành cho các thiết bị di động bằng cách dùng cảm ứng thiết bị đến thiết bị.



GHI CHÚ: Không phải mọi hệ điều hành di động đều được hỗ trợ bởi Wi-Fi Direct và NFC.

Dùng **Wi-Fi Direct** để in không dây từ các thiết bị sau:



- Các thiết bị di động Android tương thích với giải pháp in nhúng của Android




Để biết thêm thông tin về in Wi-Fi Direct, xem www.hp.com/go/wirelessprinting.

Bạn có thể bật hoặc tắt khả năng NFC và Wi-Fi Direct từ bảng điều khiển của máy in.

Bật hoặc tắt Wi-Fi Direct





Trước tiên phải bật khả năng Wi-Fi Direct từ bảng điều khiển của máy in.

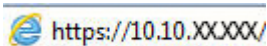
1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút Connection Information  /  (Thông tin Kết nối).
2. Mở các menu sau:
 - [Wi-Fi Direct](#)
 - [Settings \(Cài đặt\)](#)
 - [On/Off \(Bật/Tắt\)](#)
3. Chạm vào mục **On** (Bật) trong menu. Tắt chức năng in Wi-Fi Direct bằng cách chạm vào nút **Off** (Tắt).

 **GHI CHÚ:** Trong môi trường có nhiều hơn một kiểu của cùng một máy in được lắp đặt, cung cấp cho mỗi máy in một tên Wi-Fi Direct riêng biệt có thể giúp nhận diện máy in để in Wi-Fi Direct dễ dàng hơn. Tên Wi-Fi Direct cũng có sẵn bằng cách chạm vào biểu tượng Connection Information  /  (Thông tin Kết nối) từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, sau đó chạm vào biểu tượng Wi-Fi Direct.


Làm theo quy trình này để thay đổi tên Wi-Fi Direct của máy in bằng cách dùng Máy chủ Web nhúng HP (EWS):

Bước một: Mở Máy chủ Web Nhúng của HP

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn nút Connection Information  /  (Thông tin Kết nối) rồi chạm vào nút **Network Connected**  (Mạng Được kết nối) hoặc nút **Network Wi-Fi ON**  (Bật Mạng Wi-Fi) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
2. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XX.XXX/>

Nếu Trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng chỉ bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, hãy nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

 **GHI CHÚ:** Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.

Bước hai: Thay đổi tên Wi-Fi Direct

1. Nhấp vào tab **Networking** (Hoạt động mạng).
2. Trên ngăn dẫn hướng bên trái, nhấp vào liên kết **Wi-Fi Direct Setup** (Cài đặt Wi-Fi Direct).
3. Trong trường **Wi-Fi Direct Name** (Tên Wi-Fi Direct), nhập tên mới.
4. Bấm **Apply** (Áp dụng).

HP ePrint qua email


Sử dụng HP ePrint để in tài liệu bằng cách gửi tài liệu dưới dạng tài liệu đính kèm email đến địa chỉ email của máy in từ thiết bị bất kỳ có hỗ trợ dịch vụ email.

 **GHI CHÚ:** Máy in có thể yêu cầu cập nhật chương trình cơ sở để sử dụng tính năng này.

Để dùng HP ePrint, máy in phải đáp ứng các yêu cầu này:

- Máy in phải được kết nối với mạng không dây hoặc có dây và phải có khả năng truy cập vào Internet.
- Máy in phải bật HP Web Services (Dịch vụ Web của HP) và máy in phải được đăng ký với trang web HP Connected.

Thực hiện theo các bước sau để bật Dịch vụ Web HP và đăng ký với HP Connected:

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút Connection Information  (Thông tin Kết nối).
2. Mở các menu sau:
 - ePrint
 - Settings (Cài đặt)
 - Enable Web Services (Bật dịch vụ Web)
3. Chạm vào nút **Print (In)** để đọc các điều khoản của thỏa thuận sử dụng. Chạm vào nút **OK** để chấp nhận các điều khoản sử dụng và kích hoạt HP Web Services (Dịch vụ web HP)

Máy in bật Web Services (Dịch vụ Web) rồi in trang thông tin. Trang thông tin có chứa mã máy in mà bạn cần để đăng ký máy in HP tại HP Connected.
4. Hãy truy cập www.hpconnected.com để tạo tài khoản HP ePrint và hoàn thành quy trình cài đặt.

Phần mềm HP ePrint

Phần mềm HP ePrint giúp bạn in dễ dàng từ máy tính để bàn Windows hoặc Mac hoặc máy xách tay tới bất kỳ máy in nào hỗ trợ HP ePrint. Phần mềm này giúp bạn dễ dàng tìm kiếm các máy in hỗ trợ HP ePrint được đăng ký với tài khoản HP Connected. Bạn có thể xác định máy in HP mục tiêu trong văn phòng hoặc các vị trí ở khắp nơi trên trái đất này.


- **Windows:** Sau khi cài đặt phần mềm, hãy mở tùy chọn **Print (In)** từ trong ứng dụng của bạn, rồi chọn **HP ePrint** từ danh sách máy in đã cài đặt. Nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) để cấu hình tùy chọn in.
- **OS X:** Sau khi cài đặt phần mềm, hãy chọn **File** (Tập), **Print (In)**, sau đó chọn mũi tên bên cạnh **PDF** (phía dưới cùng bên trái của màn hình trình điều khiển). Chọn **HP ePrint**.

Đối với Windows, phần mềm HP ePrint hỗ trợ in TCP/IP tới các máy in mạng cục bộ có trên mạng (LAN hoặc WAN) và hỗ trợ UPD PostScript®.

Cả Windows và OS X hỗ trợ in IPP tới máy in nối mạng LAN hoặc WAN có hỗ trợ ePCL.

Cả Windows và Mac cũng hỗ trợ in các tài liệu PDF tới các vị trí in công cộng và in bằng HP ePrint qua email thông qua nền tảng điện toán đám mây.

Hãy truy cập www.hp.com/go/eprintsoftware để có các trình điều khiển và thông tin.

 **GHI CHÚ:** Phần mềm HP ePrint là tiện ích dòng công việc PDF cho Mac và về mặt kỹ thuật không phải là trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Phần mềm HP ePrint không hỗ trợ in USB.

AirPrint

In trực tiếp bằng AirPrint của Apple được hỗ trợ cho iOS 4.2 trở lên và từ các máy tính Mac chạy OS X 10.7 Lion và mới hơn. Sử dụng AirPrint để in trực tiếp tới máy in từ iPad, iPhone (3GS trở lên), hoặc iPod touch (thế hệ thứ ba trở đi) trong các ứng dụng di động sau:

- Thư
- Ảnh

- Safari
- iBooks
- Chọn ứng dụng của bên thứ ba

Để dùng AirPrint, máy in phải được kết nối tới cùng mạng (mạng phụ) với thiết bị Apple. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng AirPrint và các máy in HP nào tương thích với AirPrint, hãy truy cập www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting.



GHI CHÚ: Trước khi sử dụng AirPrint với kết nối USB, hãy kiểm tra số phiên bản. Phiên bản AirPrint 1.3 và cũ hơn không hỗ trợ kết nối USB.

In nhúng của Android

Giải pháp in tích hợp của HP dành cho Android và Kindle cho phép các thiết bị di động tự động tìm và in tới máy in HP có trên mạng hoặc trong phạm vi phủ sóng không dây dành cho in Wi-Fi Direct.

Máy in phải được kết nối tới cùng mạng (mạng phụ) với thiết bị Android.

Giải pháp in được tích hợp vào các hệ điều hành được hỗ trợ, vì vậy bạn không cần phải cài đặt trình điều khiển hoặc tải xuống phần mềm.

Để biết thêm thông tin về cách sử dụng tính năng in nhúng Android và loại thiết bị Android nào được hỗ trợ, hãy truy cập www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting.

Sử dụng in Walk-up USB

Giới thiệu

Máy in này có tính năng in walk-up USB, để bạn có thể nhanh chóng in các tệp mà không cần gửi chúng từ máy tính. Máy in chấp nhận các ổ USB flash chuẩn trong cổng USB. Sản phẩm hỗ trợ những loại tệp sau:

- .pdf
- .jpg
- .prn và .PRN
- .cht và .CHT
- .pxl
- .pcl và .PCL
- .ps và .PS
- .doc và .docx
- .ppt và .pptx

Bước một: Truy cập các tệp USB trên máy in

1. Lắp ổ USB flash vào cổng walk-up USB trên máy in.
2. Menu **USB Flash Drive** (Ổ USB Flash) mở ra các tùy chọn sau:
 - **Print Documents (In Tài Liệu)**
 - **View and Print Photos (Xem và In Ảnh)**
 - **Scan to USB Drive (Quét vào Ổ đĩa USB)**

Bước hai: In tài liệu USB

Tùy chọn một: In tài liệu

1. Để in tài liệu, chọn **Print Documents (In Tài liệu)**.
2. Chọn tên tài liệu bạn muốn in. Nếu tài liệu được lưu trong một thư mục, hãy chọn thư mục trước, sau đó chọn tài liệu để in.
3. Khi màn hình tóm tắt mở, có thể điều chỉnh các cài đặt sau:
 - **Number of Copies (Số Bản sao)**
 - **Paper Size (Kích thước Giấy)**
 - **Paper Type (Loại Giấy)**
 - **Fit to Page (Vừa Trang in)**

- **Collation (Đối chiếu)**
 - **Output Color (Màu in)** (chỉ dành cho kiểu máy màu)
4. Chọn **Print (In)** để in tài liệu.
 5. Lấy bản in ra khỏi ngăn giấy ra và tháo ổ flash USB.

Tùy chọn hai: In ảnh chụp

1. Để in ảnh chụp, hãy chọn **View and Print Photos (Xem và In Ảnh)**.
2. Chọn hình ảnh xem trước của từng ảnh sẽ được in, sau đó chọn **Done (Xong)**.
3. Khi màn hình tóm tắt mở, có thể điều chỉnh các cài đặt sau:
 - **Image Size (Kích thước Ảnh)**
 - **Paper Size (Kích thước Giấy)**
 - **Paper Type (Loại Giấy)**
 - **Number of Copies (Số Bản sao)**
 - **Output Color (Màu in)** (chỉ dành cho máy in màu)
 - **Lighter/Darker (Đậm hơn/Nhạt hơn)**
4. Chọn **Print (In)** để in ảnh.
5. Lấy bản in ra khỏi ngăn giấy ra và tháo ổ flash USB.

5 Sao chép

- [Tạo bản sao](#)
- [Sao chép trên cả hai mặt \(duplex\)](#)
- [Các tác vụ sao chép bổ sung](#)


Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành


Tạo bản sao

1. Nạp tài liệu trên kính máy quét theo các chỉ báo trên máy in.
2. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào biểu tượng **Copy**  (Sao chép).
3. Để tối ưu hóa chất lượng bản sao cho các loại tài liệu khác nhau, hãy chạm vào nút **Settings** (Cài đặt), sau đó cuộn đến và chạm vào nút **Optimize** (Tối ưu hóa). Vuốt vào màn hình bảng điều khiển để cuộn qua các tùy chọn, sau đó chạm vào một tùy chọn để chọn tùy chọn đó. Hiện có các cài đặt chất lượng bản sao sau:
 - **Auto Select** (Chọn Tự động): Sử dụng cài đặt này khi bạn không lo lắng gì về chất lượng của bản sao chép. Đây là cài đặt mặc định.
 - **Mixed** (Phối hợp): Sử dụng cài đặt này cho tài liệu có chứa cả văn bản và hình ảnh.
 - **Text** (Văn bản): Sử dụng cài đặt này cho các tài liệu có nội dung phần lớn là văn bản.
 - **Picture** (Hình ảnh): Sử dụng cài đặt này cho các tài liệu có nội dung phần lớn là hình ảnh.
4. Chạm vào **Number of Copies** (Số bản sao) rồi dùng bàn phím trên màn hình cảm ứng để điều chỉnh số lượng bản sao.
5. Chạm vào nút **Start Copy** (Bắt đầu Sao chép) để bắt đầu sao chép.


Sao chép trên cả hai mặt (duplex)

- [Sao chép trên cả hai mặt tự động \(chỉ dành cho kiểu fdn và fdw\)](#)
- [Sao chép hai mặt thủ công](#)

Sao chép trên cả hai mặt tự động (chỉ dành cho kiểu fdn và fdw)

1. Nạp tài liệu gốc vào khay nạp tài liệu với trang đầu tiên quay mặt lên và cạnh trên của trang vào trước.
2. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy cho vừa với kích thước của tài liệu.
3. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào biểu tượng **Copy**  (Sao chép).
4. Chạm vào nút **Setting** (Cài đặt).
5. Cuộn xuống và chạm vào nút **Two-Sided** (Hai Mặt).
6. Vuốt qua các tùy chọn rồi chạm vào một tùy chọn để chọn tùy chọn đó.
7. Chạm vào nút **Start Copy** (Bắt đầu Sao chép) để bắt đầu sao chép.

Sao chép hai mặt thủ công

1. Đặt tài liệu cho mặt-quay-xuống mặt kính của máy quét với góc trên-bên-trái của trang nằm vào vị trí góc trên-bên-trái của mặt kính. Đóng máy quét.
2. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào biểu tượng **Copy**  (Sao chép).
3. Chạm vào nút **Setting** (Cài đặt).
4. Cuộn xuống và chạm vào nút **Two-Sided** (Hai Mặt).
5. Vuốt qua các tùy chọn rồi chạm vào một tùy chọn để chọn tùy chọn đó.
6. Chạm vào nút **Start Copy** (Bắt đầu Sao chép) để bắt đầu sao chép.
7. Máy in nhắc bạn nạp tài liệu gốc tiếp theo. Đặt trang tiếp theo lên mặt kính và chạm vào nút **OK**.
8. Lặp lại quá trình này cho đến khi bạn quét tới trang cuối cùng. Chạm vào nút **Done** (Xong) để kết thúc in bản sao.

Các tác vụ sao chép bổ sung

Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.

Có sẵn các hướng dẫn để thực hiện các tác vụ sao chép cụ thể, như các tác vụ sau:

- Sao chép hoặc quét trang từ sách hoặc tài liệu đã đóng bìa khác
- Sao chép tài liệu có khổ giấy hỗn hợp
- Sao chép hoặc quét cả hai mặt của chứng minh nhân dân
- Sao chép hoặc quét tài liệu vào định dạng tập sách mỏng

6 Quét

- [Quét bằng phần mềm HP Scan \(Windows\)](#)
- [Quét bằng phần mềm HP Scan \(OS X\)](#)
- [Quét vào ổ flash USB](#)
- [Cài đặt tính năng Quét vào Thư mục Mạng](#)
- [Quét vào thư mục mạng](#)
- [Cài đặt tính năng Scan to E-mail \(Quét và gửi qua Email\)](#)
- [Quét và gửi qua e-mail](#)
- [Tác vụ quét bổ sung](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.


Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Quét bằng phần mềm HP Scan (Windows)

Sử dụng phần mềm HP Scan (Quét HP) để bắt đầu quét từ phần mềm trên máy tính của bạn. Bạn có thể lưu hình ảnh đã quét thành một tập tin hoặc gửi hình ảnh đến một ứng dụng phần mềm khác.

1. Nạp tài liệu trong khay nạp tài liệu hoặc trên kính máy quét theo các chỉ báo trên máy in.
2. Từ máy tính, bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Programs** (Chương trình) (hoặc **All Programs** (Tất cả Chương trình) trong Windows XP).
3. Bấm **HP**, sau đó chọn máy in của bạn.
4. Bấm vào **HP Scan** (Quét HP), chọn một lối tắt quét, sau đó điều chỉnh cài đặt nếu cần.
5. Bấm vào **Scan** (Quét).

 **GHI CHÚ:** Bấm **More** (Thêm) để có thể truy cập vào nhiều tùy chọn khác.

Bấm **Create New Scan Shortcut** (Tạo lối tắt quét mới) để tạo các cài đặt tùy chỉnh và lưu chúng vào danh sách lối tắt.

Quét bằng phần mềm HP Scan (OS X)

Dùng phần mềm HP để bắt đầu quét từ phần mềm trên máy tính.

1. Nạp tài liệu trong khay nạp tài liệu hoặc trên kính máy quét theo các chỉ báo trên máy in.
2. Từ máy tính, mở **HP Scan** (Quét HP), nằm trong thư mục **Hewlett-Packard** bên trong thư mục **Applications** (Ứng dụng).
3. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để quét tài liệu.
4. Khi bạn đã quét tất cả các trang, hãy nhấp **File** (Tệp) rồi **Save** (Lưu) để lưu chúng vào một tệp.

Quét vào ổ flash USB

1. Nạp tài liệu trong khay nạp tài liệu hoặc trên kính máy quét theo các chỉ báo trên máy in.
2. Lắp ổ flash USB vào cổng walk-up USB.
3. Menu **USB Flash Drive** (Ổ USB Flash) mở ra các tùy chọn sau:
 - **Print Documents (In Tài Liệu)**
 - **View and Print Photos (Xem và In Ảnh)**
 - **Scan to USB Drive (Quét vào Ổ đĩa USB)**
4. Chọn **Scan to USB Drive** (Quét vào Ổ đĩa USB).
5. Khi màn hình tóm tắt mở, có thể điều chỉnh các cài đặt sau:
 - **Scan File Type (Loại tệp quét)**
 - **Scan Resolution (Độ phân giải quét)**
 - **Scan Paper Size (Kích thước giấy quét)**
 - **Scan Source (Nguồn quét)**
 - **File Name Prefix (Mã số đầu tên tệp)**
 - **Output Color (Màu in)**
6. Chạm vào nút **Scan** (Quét) để quét và lưu tệp.

Máy in tạo ra một thư mục có tên là **HPSCANS** trên ổ USB và lưu tệp ở định dạng .PDF hoặc .JPG bằng cách dùng tên tệp được tạo tự động.

Cài đặt tính năng Quét vào Thư mục Mạng

- [Giới thiệu](#)
- [Trước khi bắt đầu](#)
- [Phương pháp một: Dùng Trình Hướng dẫn Quét vào thư mục mạng \(Windows\)](#)
- [Phương pháp hai: Cài đặt tính năng Quét vào thư mục mạng thông qua Máy chủ web nhúng HP \(Windows\)](#)
- [Cài đặt tính năng Quét vào thư mục mạng trên máy Mac](#)

Giới thiệu


Máy in có một tính năng cho phép máy quét tài liệu và lưu nó vào một thư mục mạng. Để sử dụng tính năng quét này, máy in phải được kết nối với mạng; tuy nhiên, tính năng hiện không khả dụng cho đến khi nó đã được cấu hình. Có hai cách để cấu hình Quét vào thư mục mạng, Trình hướng dẫn Quét vào Thư mục Mạng (Windows), được cài đặt trong nhóm chương trình HP dành cho máy in như một phần của cài đặt phần mềm đầy đủ trong Windows 7 và Cài đặt Thư mục Mạng qua Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP. Sử dụng thông tin sau để cài đặt tính năng Quét vào Thư mục Mạng.

Trước khi bắt đầu

Để cài đặt tính năng Quét vào Thư mục Mạng, máy in phải kết nối mạng đang hoạt động với cùng mạng mà máy tính sẽ chạy trình quá trình cài đặt.

Các quản trị viên cần thông tin sau đây trước khi bắt đầu quá trình cấu hình.

- Quyền truy cập quản trị viên vào máy in
- Đường dẫn mạng của thư mục đích (ví dụ, \\servername.us.companyname.net\scans)


 **GHI CHÚ:** Thư mục mạng phải được cài đặt như một thư mục chung để tính năng Quét vào Thư mục Mạng hoạt động.

Phương pháp một: Dùng Trình Hướng dẫn Quét vào thư mục mạng (Windows)

Một số máy in HP có chứa cài đặt trình điều khiển từ CD phần mềm. Vào cuối quá trình cài đặt này, bạn có tùy chọn để **Setup Scan to Folder and Email** (Cài đặt Quét vào thư mục và gửi qua email). Trình hướng dẫn cài đặt bao gồm tùy chọn cho cấu hình cơ bản.

 **GHI CHÚ:** Trình hướng dẫn Quét vào Thư mục Mạng chỉ khả dụng trong hệ điều hành Windows 7.

1. Bấm **Start** (Bắt đầu), sau đó bấm **Program** (Chương trình).
2. Bấm **HP**, bấm vào tên của máy in, sau đó bấm **Scan to Network Folder Wizard** (Trình hướng dẫn Quét vào Thư mục Mạng).

 **GHI CHÚ:** Nếu tùy chọn **Scan to Network Folder Wizard** (Trình hướng dẫn Quét vào Thư mục Mạng) hiện không khả dụng, hãy sử dụng [Phương pháp hai: Cài đặt tính năng Quét vào thư mục mạng thông qua Máy chủ web nhúng HP \(Windows\) thuộc trang 65](#)

3. Trong hộp thoại **Network Folder Profiles** (Cấu hình thư mục mạng), bấm nút **New** (Mới). Hộp thoại **Scan to Network Folder Setup** (Cài đặt Quét vào Thư mục Mạng) sẽ mở ra.

4. Trên **1. trang Start** (Bắt đầu), nhập tên thư mục trong trường **Display Name** (Tên hiển thị). Đây là tên sẽ hiển thị trên bảng điều khiển máy in.
5. Hoàn tất trường **Destination Folder** (Thư mục đích) bằng một trong các cách sau:
 - a. Nhập đường dẫn tệp theo cách thủ công.
 - b. Bấm nút **Browse** (Duyệt) và dẫn hướng đến vị trí thư mục.
 - c. Hoàn tất tác vụ sau đây để tạo một thư mục chung:
 - i. Bấm vào **Share Path** (Chia sẻ đường dẫn).
 - ii. Trong hộp thoại **Manage Network Shares** (Quản lý chia sẻ mạng), bấm **New** (Mới).
 - iii. Trong trường **Share Name** (Tên chia sẻ), nhập tên để hiển thị cho thư mục chung.
 - iv. Để hoàn tất trường Folder Path (Đường dẫn thư mục), bấm nút **Browse** (Duyệt), sau đó chọn một trong các tùy chọn sau. Bấm **OK** khi đã xong.
 - Dẫn hướng đến một thư mục hiện có trên máy tính.
 - Bấm **Make New Folder** (Tạo thư mục mới) để tạo một thư mục mới.
 - v. Nếu đường dẫn dùng chung cần mô tả, nhập mô tả trong trường **Description** (Mô tả).
 - vi. Trong trường **Share Type** (Loại chia sẻ), chọn một trong các tùy chọn sau và bấm **Apply** (Áp dụng).
 - **Public (Công cộng)**
 - **Private (Riêng)**
6. Để tạo lối tắt vào thư mục mạng trên màn hình máy tính, chọn hộp kiểm **Create a Desktop shortcut to the network folder** (Tạo lối tắt màn hình đến thư mục mạng)
7. Để yêu cầu mã PIN để nhập trên bảng điều khiển máy in trước khi máy in có thể gửi tài liệu đã quét vào một thư mục mạng, nhập mã PIN gồm 4 chữ số vào trường **Security PIN** (Mã PIN bảo mật), sau đó nhập lại mã PIN trong trường **Confirm Security PIN** (Xác nhận mã PIN bảo mật). Bấm **Next** (Tiếp).



GHI CHÚ: Về vấn đề bảo mật, HP khuyên bạn nên chọn **Private** (Riêng) làm loại chia sẻ.

- vii. Khi thông báo **The share was successfully created** (Chia sẻ đã được tạo thành công), bấm **OK**.
- viii. Chọn hộp kiểm cho thư mục đích, sau đó bấm **OK**.




GHI CHÚ: HP khuyên bạn nên tạo mã PIN để bảo vệ thư mục đích.



GHI CHÚ: Khi mã PIN đã được tạo, nó phải được nhập trên bảng điều khiển máy in mỗi lần bản quét được gửi đến thư mục mạng.



8. Trên **2. trang Authenticate** (Xác thực), hãy nhập Windows **User Name** (Tên người dùng) và Windows **Password** (Mật khẩu) dùng để đăng nhập máy tính, sau đó bấm **Next** (Tiếp).
9. Trên **3. trang Configure** (Cấu hình), chọn cài đặt quét mặc định bằng cách hoàn tất tác vụ sau, sau đó bấm **Next** (Tiếp).

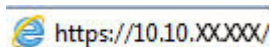
- a. Từ **Document Type** (Loại tài liệu) thả xuống, chọn định dạng tệp mặc định cho các tệp đã quét.
 - b. Từ **Color Preference** (Tùy chọn màu) thả xuống, chọn Black & White (Đen & Trắng) hoặc Color (Màu).
 - c. Từ **Paper Size** (Kích thước giấy) thả xuống, chọn kích thước giấy mặc định cho các tệp đã quét.
 - d. Từ **Quality Settings** (Cài đặt chất lượng) thả xuống, chọn độ phân giải mặc định cho các tệp đã quét.
-
-  **GHI CHÚ:** Hình ảnh độ phân giải cao hơn có nhiều điểm ảnh trên inch (dpi) hơn, vì thế sẽ hiển thị nhiều chi tiết hơn. Hình ảnh độ phân giải thấp hơn có ít điểm ảnh trên inch và hiển thị ít chi tiết hơn, nhưng kích thước tệp nhỏ hơn.
-
- e. Trong trường **Filename Prefix** (Mã số đầu tên tệp), hãy nhập mã số đầu tên tệp (ví dụ, MyScan).
10. Trên **4. trang Finish** (Kết thúc), xem lại thông tin và xác nhận tất cả các cài đặt là chính xác. Nếu có lỗi, hãy nhấp nút **Back** (Quay lại) để sửa lỗi đó. Nếu các cài đặt đã đúng, bấm nút **Save and Test** (Lưu và kiểm tra) để kiểm tra cấu hình.
 11. Khi thông báo **Congratulations** (Chúc mừng) hiển thị, bấm **Finish** (Kết thúc) để hoàn tất các cấu hình.

Phương pháp hai: Cài đặt tính năng Quét vào thư mục mạng thông qua Máy chủ web nhúng HP (Windows)


- [Bước một: Truy cập Máy chủ Web Nhúng \(EWS\) của HP](#)
- [Bước hai: Cấu hình tính năng Quét vào Thư mục Mạng](#)

Bước một: Truy cập Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm nút Network  (Mạng) hoặc nút Wireless  (Không dây) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
2. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XX.XXX/>


Nếu Trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng chỉ bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, hãy nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).


-
-  **GHI CHÚ:** Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.
-

Bước hai: Cấu hình tính năng Quét vào Thư mục Mạng


1. Nhấp vào tab **System** (Hệ thống).
2. Trên ngăn dẫn hướng bên trái, nhấp vào liên kết **Administration** (Quản trị).

3. Trong vùng **Enabled Features** (Các tính năng được bật), cài tùy chọn **Scan to Network Folder** (Quét vào Thư mục Mạng) thành **On** (Bật).
4. Nhấp vào tab **Scan** (Quét).
5. Trên ngăn dẫn hướng bên trái, đảm bảo rằng liên kết **Network Folder Setup** (Cài đặt thư mục mạng) được tô sáng. Trang **Scan to Network Folder** (Quét vào Thư mục Mạng) sẽ được hiển thị.
6. Trên trang **Network Folder Configuration** (Cấu hình thư mục mạng), nhấp vào nút **New** (Mới).
7. Trong khu vực **Network Folder Information** (Thông tin thư mục mạng), hoàn tất các trường sau:
 - a. Trong trường **Display Name** (Tên hiển thị), nhập tên để hiển thị cho thư mục.
 - b. Trong trường **Network Path** (Đường dẫn mạng), hãy nhập đường dẫn mạng đến thư mục.
 - c. Trong trường **Username** (Tên người dùng), hãy nhập tên người dùng cần thiết để truy cập vào thư mục trên mạng.
 - d. Trong trường **Password** (Mật khẩu), hãy nhập mật khẩu cần thiết để truy cập vào thư mục trên mạng.
8. Để yêu cầu mã PIN để nhập trên bảng điều khiển máy in trước khi máy in có thể gửi một tệp vào một thư mục mạng, hoàn tất các trường sau trong khu vực **Secure the Folder Access with a PIN** (Bảo vệ truy cập thư mục bằng mã PIN):
 - a. Trong trường **PIN (Optional)** (PIN (Tùy chọn)), nhập một mã PIN có bốn chữ số.
 - b. Trong trường **Confirm PIN** (Xác nhận mã PIN), nhập lại mã PIN có bốn chữ số.

 **GHI CHÚ:** HP khuyên bạn nên tạo mã PIN để bảo vệ thư mục đích.

 **GHI CHÚ:** Khi mã PIN đã được tạo, nó phải được nhập trên bảng điều khiển máy in mỗi lần bản quét được gửi đến thư mục mạng.

9. Trong khu vực **Scan Settings** (Cài đặt quét), hoàn tất các trường sau:
 - a. Từ máy **Scan File Type** (Loại tệp quét) thả xuống, chọn định dạng tệp mặc định cho các tệp đã quét.
 - b. Từ máy **Scan Paper Size** (Kích thước giấy quét) thả xuống, chọn kích thước giấy mặc định cho các tệp đã quét.
 - c. Từ **Scan Resolution** (Độ phân giải quét) thả xuống, chọn độ phân giải quét mặc định cho các tệp đã quét.

 **GHI CHÚ:** Hình ảnh độ phân giải cao hơn có nhiều điểm ảnh trên inch (dpi) hơn, vì thế sẽ hiển thị nhiều chi tiết hơn. Hình ảnh độ phân giải thấp hơn có ít điểm ảnh trên inch và hiển thị ít chi tiết hơn, nhưng kích thước tệp nhỏ hơn.

 - d. Trong **Output Color** (Màu in) thả xuống, chọn các tệp đã quét sẽ có màu hay là đen trắng.
 - e. Trong trường **File Name Prefix** (Mã số đầu tên tệp), hãy nhập mã số đầu tên tệp (e.g., MyScan).
10. Xem lại tất cả các thông tin, sau đó nhấp vào một trong các tùy chọn sau:

- **Save and Test** (Lưu và kiểm tra): Chọn tùy chọn này để lưu thông tin và kiểm tra kết nối.
- **Save Only** (Chỉ lưu): Chọn tùy chọn này để lưu thông tin mà không kiểm tra kết nối.
- **Cancel** (Hủy): Chọn tùy chọn này để đóng cấu hình mà không lưu.



Cài đặt tính năng Quét vào thư mục mạng trên máy Mac

- [Bước một: Truy cập Máy chủ Web Nhúng \(EWS\) của HP](#)
- [Bước hai: Cấu hình tính năng Quét vào Thư mục Mạng](#)

Bước một: Truy cập Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP


Dùng các phương pháp sau để mở giao diện Máy chủ web nhúng.

Phương pháp một: Dùng trình duyệt web để mở Máy chủ web nhúng HP (EWS)

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm nút Network  (Mạng) hoặc nút Wireless  (Không dây) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
2. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.


<https://10.10.XX.XXX/>

Nếu Trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng chỉ bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, hãy nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

 **GHI CHÚ:** Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.

Phương pháp hai: Dùng tiện ích HP để mở Máy chủ web nhúng HP (EWS)


1. Từ menu **Go** (Đi), bấm **Utilities** (Tiện ích), bấm vào thư mục **Hewlett-Packard**, rồi bấm đúp vào **HP Utility** (Tiện ích HP). Màn hình chính của Tiện ích HP sẽ hiển thị.
2. Màn hình chính của Tiện ích HP, truy cập Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP theo một trong các cách sau:
 - Trong khu vực **Printer Settings** (Cài đặt máy in), nhấp **Additional Settings** (Cài đặt bổ sung) và sau đó nhấp vào **Open Embedded Web Server** (Mở Máy chủ web nhúng).
 - Trong khu vực **Scan Settings** (Cài đặt quét), nhấp **Scan to Network Folder** (Quét vào Thư mục Mạng), sau đó nhấp vào **Register My Shared Folder...** (Đăng ký thư mục chung của tôi...).


 **GHI CHÚ:** Nếu bạn không có sẵn một thư mục mạng dùng chung, nhấp vào **Help Me Do This** (Giúp tôi làm việc này) để tạo thư mục.

Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP sẽ mở.


Bước hai: Cấu hình tính năng Quét vào Thư mục Mạng

1. Nhấp vào tab **System** (Hệ thống).
2. Trên ngăn dẫn hướng bên trái, nhấp vào liên kết **Administration** (Quản trị).
3. Trong vùng Enabled Features (Các tính năng được bật), cài tùy chọn **Scan to Network Folder** (Quét vào Thư mục Mạng) thành **On** (Bật).
4. Nhấp vào tab **Scan** (Quét).
5. Trên ngăn dẫn hướng bên trái, đảm bảo rằng liên kết **Network Folder Setup** (Cài đặt thư mục mạng) được tô sáng. Trang **Scan to Network Folder** (Quét vào Thư mục Mạng) sẽ được hiển thị.
6. Trên trang **Network Folder Configuration** (Cấu hình thư mục mạng), nhấp vào nút **New** (Mới).
7. Trong khu vực **Network Folder Information** (Thông tin thư mục mạng), hoàn tất các trường sau:
 - a. Trong trường **Display Name** (Tên hiển thị), nhập tên để hiển thị cho thư mục.
 - b. Trong trường **Network Path** (Đường dẫn mạng), hãy nhập đường dẫn mạng đến thư mục.
 - c. Trong trường **Username** (Tên người dùng), hãy nhập tên người dùng cần thiết để truy cập vào thư mục trên mạng.
 - d. Trong trường **Password** (Mật khẩu), hãy nhập mật khẩu cần thiết để truy cập vào thư mục trên mạng.
8. Để yêu cầu mã PIN để nhập trên bảng điều khiển máy in trước khi máy in có thể gửi một tệp vào một thư mục mạng, hoàn tất các trường sau trong khu vực **Secure the Folder Access with a PIN** (Bảo vệ truy cập thư mục bằng mã PIN):
 - a. Trong trường **PIN (Optional)** (PIN (Tùy chọn)), nhập một mã PIN có bốn chữ số.
 - b. Trong trường **Confirm PIN** (Xác nhận mã PIN), nhập lại mã PIN có bốn chữ số.

 **GHI CHÚ:** HP khuyên bạn nên tạo mã PIN để bảo vệ thư mục đích.

 **GHI CHÚ:** Khi mã PIN đã được tạo, nó phải được nhập trên bảng điều khiển máy in mỗi lần bản quét được gửi đến thư mục mạng.


9. Trong khu vực **Scan Settings** (Cài đặt quét), hoàn tất các trường sau:
 - a. Từ máy **Scan File Type** (Loại tệp quét) thả xuống, chọn định dạng tệp mặc định cho các tệp đã quét.
 - b. Từ máy **Scan Paper Size** (Kích thước giấy quét) thả xuống, chọn kích thước giấy mặc định cho các tệp đã quét.
 - c. Từ **Scan Resolution** (Độ phân giải quét) thả xuống, chọn độ phân giải quét mặc định cho các tệp đã quét.


 **GHI CHÚ:** Hình ảnh độ phân giải cao hơn có nhiều điểm ảnh trên inch (dpi) hơn, vì thế sẽ hiển thị nhiều chi tiết hơn. Hình ảnh độ phân giải thấp hơn có ít điểm ảnh trên inch và hiển thị ít chi tiết hơn, nhưng kích thước tệp nhỏ hơn.

- d. Trong **Output Color** (Màu in) thả xuống, chọn các tệp đã quét sẽ có màu hay là đen trắng.
 - e. Trong trường **File Name Prefix** (Mã số đầu tên tệp), hãy nhập mã số đầu tên tệp (e.g., MyScan).
10. Xem lại tất cả các thông tin, sau đó nhấp vào một trong các tùy chọn sau:
- **Save and Test** (Lưu và kiểm tra): Chọn tùy chọn này để lưu thông tin và kiểm tra kết nối.
 - **Save Only** (Chỉ lưu): Chọn tùy chọn này để lưu thông tin mà không kiểm tra kết nối.
 - **Cancel** (Hủy): Chọn tùy chọn này để đóng cấu hình mà không lưu.

Quét vào thư mục mạng

Dùng bảng điều khiển của máy in để quét tài liệu và lưu tài liệu đó vào một thư mục trên mạng.

 **GHI CHÚ:** Để dùng tính năng này, máy in phải được kết nối với mạng và tính năng Scan to Network Folder (Quét vào Thư mục Mạng) phải được cấu hình bằng cách dùng Trình hướng dẫn Cài đặt Quét vào Thư mục Mạng (Windows) hoặc Máy chủ Web Nhúng HP.

1. Nạp tài liệu trên kính máy quét theo các chỉ báo trên máy in.
2. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút **Scan**  (Quét).
3. Chạm vào mục **Scan to Network Folder** (Quét vào Thư mục Mạng).
4. Trong danh sách các thư mục mạng, chọn thư mục mà bạn muốn lưu tài liệu.
5. Màn hình bảng điều khiển hiển thị cài đặt quét.
 - Nếu bạn muốn thay đổi bất kỳ cài đặt nào, hãy chạm vào nút **Settings** (Cài đặt), sau đó thay đổi cài đặt.
 - Nếu cài đặt đã đúng, hãy đi tới bước kế tiếp.
6. Chạm vào nút **Scan** (Quét) để bắt đầu tác vụ quét.

Cài đặt tính năng Scan to E-mail (Quét và gửi qua Email)

- [Giới thiệu](#)
- [Trước khi bắt đầu](#)
- [Phương pháp một: Dùng Trình Hướng dẫn Quét và gửi qua Email \(Windows\)](#)
- [Phương pháp hai: Cài đặt tính năng Quét và gửi qua email thông qua Máy chủ web nhúng HP \(Windows\)](#)
- [Cài đặt tính năng Quét và gửi qua Email trên máy Mac](#)

Giới thiệu


Máy in có một tính năng cho phép máy quét tài liệu và gửi nó tới một hoặc nhiều địa chỉ email. Để sử dụng tính năng quét này, máy in phải được kết nối với mạng; tuy nhiên, tính năng hiện không khả dụng cho đến khi nó đã được cấu hình. Có hai cách để cấu hình Quét và gửi qua Email, Trình Hướng dẫn Cài đặt Quét và gửi qua Email (Windows), được cài đặt trong nhóm chương trình HP dành cho máy in như một phần của cài đặt phần mềm đầy đủ trong Windows 7 và Cài đặt Quét và gửi qua Email qua Máy chủ Web Nhúng (EWS). Sử dụng thông tin sau để cài đặt tính năng Quét và Gửi qua Email.

Trước khi bắt đầu


Để cài đặt tính năng Quét và gửi qua Email, máy in phải kết nối mạng đang hoạt động với cùng mạng mà máy tính sẽ chạy quá trình cài đặt.

Các quản trị viên cần thông tin sau đây trước khi bắt đầu quá trình cấu hình.

- Quyền truy cập quản trị viên vào máy in
- Máy chủ SMTP (ví dụ, smtp.mycompany.com)

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn không biết tên máy chủ SMTP, số cổng SMTP, hoặc thông tin xác thực, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ internet/email hoặc người quản trị hệ thống để có thông tin đó. Tên máy chủ và tên cổng SMTP thường dễ tìm bằng cách tìm kiếm trên Internet. Ví dụ, dùng các thuật ngữ như "tên máy chủ smtp gmail" hoặc "tên máy chủ smtp yahoo" để tìm kiếm.

- Số cổng SMTP
- Các yêu cầu xác thực máy chủ SMTP đối với các email gửi đi, bao gồm tên người dùng và mật khẩu được dùng để xác thực, nếu phù hợp.


 **GHI CHÚ:** Tham khảo tài liệu của nhà cung cấp dịch vụ email của bạn để biết thông tin về các giới hạn gửi kỹ thuật số đối với tài khoản email của bạn. Một số nhà cung cấp có thể tạm thời khóa tài khoản nếu bạn đã vượt quá giới hạn gửi.

Phương pháp một: Dùng Trình Hướng dẫn Quét và gửi qua Email (Windows)


Một số máy in HP có chứa cài đặt trình điều khiển từ CD phần mềm. Vào cuối quá trình cài đặt này, bạn có tùy chọn để **Setup Scan to Folder and Email** (Cài đặt Quét vào thư mục và gửi qua email). Trình hướng dẫn cài đặt bao gồm tùy chọn cho cấu hình cơ bản.


 **GHI CHÚ:** Trình hướng dẫn Quét và gửi qua Email chỉ khả dụng trong hệ điều hành Windows 7.

1. Bấm **Start** (Bắt đầu), sau đó bấm **Program** (Chương trình).
2. Bấm **HP**, bấm vào tên của máy in, sau đó bấm **Scan to E-mail Wizard** (Trình hướng dẫn Quét và gửi qua Email).


 **GHI CHÚ:** Nếu tùy chọn **Scan to E-mail Wizard** (Trình hướng dẫn Quét và gửi qua Email) hiện không khả dụng, hãy sử dụng [Phương pháp hai: Cài đặt tính năng Quét và gửi qua email thông qua Máy chủ web nhúng HP \(Windows\) thuộc trang 73](#)


3. Trên trang **Outgoing Email Profiles** (Cấu hình Email Gửi đi), bấm nút **New** (Mới). Hộp thoại **Scan to Email Setup** (Cài đặt Quét và gửi qua Email) sẽ mở ra.
4. Trên **1. trang Start** (Bắt đầu), nhập địa chỉ email của người gửi trong trường **Email Address** (Địa chỉ Email).
5. Trong trường **Display Name** (Tên hiển thị), nhập tên của người gửi. Đây là tên sẽ hiển thị trên bảng điều khiển máy in.
6. Để yêu cầu mã PIN để nhập trên bảng điều khiển máy in trước khi máy in có thể gửi một email, hãy nhập mã PIN gồm 4 chữ số vào trường **Security PIN** (Mã PIN bảo mật), sau đó nhập lại mã PIN trong trường **Confirm Security PIN** (Xác nhận mã PIN bảo mật), rồi bấm **Next** (Tiếp).

 **GHI CHÚ:** HP khuyên bạn nên tạo một mã PIN để bảo vệ cấu hình email.

 **GHI CHÚ:** Khi mã PIN được tạo, nó phải được nhập trên bảng điều khiển máy in mỗi lần cấu hình được dùng để gửi bản quét qua email.


7. Trên **2. trang Authenticate** (Xác thực), nhập **SMTP Server** (Máy chủ SMTP) và **Port Number** (Số cổng).

 **GHI CHÚ:** Trong hầu hết trường hợp, số cổng mặc định không cần được thay đổi.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn đang sử dụng một dịch vụ được lưu trên máy chủ SMTP chẳng hạn như gmail, hãy kiểm tra địa chỉ SMTP, số cổng và các cài đặt SSL từ trang web của nhà cung cấp dịch vụ hoặc nguồn khác. Thông thường, đối với gmail, địa chỉ SMTP là smtp.gmail.com, số cổng 465 và SSL sẽ được bật.

Vui lòng tham khảo các nguồn trực tuyến để xác nhận các cài đặt máy chủ này là hợp lệ và hiện hoạt tại thời điểm cấu hình.

8. Nếu bạn đang dùng Google™ Gmail cho dịch vụ email, hãy chọn hộp kiểm **Always use secure connection (SSL/TLS)** (Luôn dùng kết nối bảo mật (SSL/TLS)).
9. Chọn **Maximum Size of Email** (Kích thước email tối đa) từ menu thả xuống.

 **GHI CHÚ:** HP khuyên bạn nên dùng kích thước tệp mặc định là **Automatic** (Tự động) cho kích thước tối đa.



10. Nếu máy chủ SMTP yêu cầu xác thực để gửi một email, chọn hộp kiểm **Email Log-in Authentication** (Xác thực đăng nhập email), sau đó nhập **User ID** (ID người dùng) và **Password** (Mật khẩu) và bấm **Next** (Tiếp).
11. Trên **3. trang Configure** (Cấu hình), để tự động sao chép người gửi trên các email gửi từ cấu hình, chọn **Include sender in all email messages sent out successfully from the printer** (Bao gồm người gửi trong tất cả email được gửi đi thành công từ máy in), sau đó bấm **Next** (Tiếp).

- Trên **4. trang Finish** (Kết thúc), xem lại thông tin và xác nhận tất cả các cài đặt là chính xác. Nếu có lỗi, hãy nhấn nút **Back** (Quay lại) để sửa lỗi đó. Nếu các cài đặt đã đúng, nhấn nút **Save and Test** (Lưu và kiểm tra) để kiểm tra cấu hình.
- Khi thông báo **Congratulations** (Chúc mừng) hiển thị, nhấn **Finish** (Kết thúc) để hoàn tất các cấu hình.

Phương pháp hai: Cài đặt tính năng Quét và gửi qua email thông qua Máy chủ web nhúng HP (Windows)


- [Bước một: Truy cập Máy chủ Web Nhúng \(EWS\) của HP](#)
- [Bước hai: Cấu hình tính năng Quét và gửi qua Email](#)
- [Bước ba: Thêm liên hệ vào Sổ địa chỉ Email](#)
- [Bước bốn: Cấu hình các Tùy chọn email mặc định](#)

Bước một: Truy cập Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP

- Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm nút Network  (Mạng) hoặc nút Wireless  (Không dây) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
- Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.





 <https://10.10.XX.XX/>


Nếu Trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng chỉ bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, hãy nhấn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

 **GHI CHÚ:** Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.

Bước hai: Cấu hình tính năng Quét và gửi qua Email

- Nhấp vào tab **System** (Hệ thống).
- Trên ngăn dẫn hướng bên trái, nhấp vào liên kết **Administration** (Quản trị).
- Trong vùng Enabled Features (Các tính năng được bật), cài tùy chọn **Scan to E-mail** (Quét và gửi qua Email) thành **On** (Bật).
- Nhấp vào tab **Scan** (Quét).
- Trên ngăn dẫn hướng bên trái, nhấp vào liên kết **Outgoing E-mail Profiles** (Cài đặt Email Gửi đi).
- Trên trang **Outgoing E-mail Profiles** (Cấu hình Email Gửi đi), nhấp vào nút **New** (Mới).
- Trong khu vực **E-mail Address** (Địa chỉ email), hoàn tất các trường sau:

- a. Trong trường **Your E-mail Address** (Địa chỉ email của bạn), hãy nhập địa chỉ email của người gửi cho cấu hình email gửi đi mới.
 - b. Trong trường **Display Name** (Tên hiển thị), nhập tên của người gửi. Đây là tên sẽ hiển thị trên bảng điều khiển máy in.
8. Trong khu vực **SMTP Server Settings** (Cài đặt máy chủ SMTP), hoàn tất các trường sau:
- a. Trong trường **SMTP Server** (Máy chủ SMTP), nhập địa chỉ của máy chủ SMTP.
 - b. Trong trường **SMTP Port** (Cổng SMTP), nhập số cổng SMTP.
-
-  **GHI CHÚ:** Trong hầu hết trường hợp, số cổng mặc định không cần được thay đổi.
-  **GHI CHÚ:** Nếu bạn đang sử dụng một dịch vụ được lưu trên máy chủ SMTP chẳng hạn như gmail, hãy kiểm tra địa chỉ SMTP, số cổng và các cài đặt SSL từ trang web của nhà cung cấp dịch vụ hoặc nguồn khác. Thông thường, đối với gmail, địa chỉ SMTP là smtp.gmail.com, số cổng 465 và SSL sẽ được bật.
- Vui lòng tham khảo các nguồn trực tuyến để xác nhận các cài đặt máy chủ này là hợp lệ và hiện hoạt tại thời điểm cấu hình.
-
- c. Nếu bạn đang dùng Google™ Gmail cho dịch vụ email, hãy chọn hộp kiểm **Always use secure connection (SSL/TLS)** (Luôn dùng kết nối bảo mật (SSL/TLS)).
9. Nếu máy chủ SMTP yêu cầu xác thực để gửi một email, hoàn tất các trường sau trong khu vực **SMTP Authentication** (Xác thực SMTP):
- a. Chọn hộp kiểm **SMTP server requires authentication for outgoing e-mail messages** (Máy chủ SMTP yêu cầu xác thực cho các email gửi đi).
 - b. Trong trường **SMTP User ID** (ID người dùng SMTP), nhập ID người dùng cho máy chủ SMTP.
 - c. Trong trường **SMTP Password** (Mật khẩu SMTP), hãy nhập mật khẩu cho máy chủ SMTP.
10. Để yêu cầu mã PIN để nhập trên bảng điều khiển máy in trước khi một email được gửi đi bằng cách dùng địa chỉ email, hoàn tất các trường sau trong khu vực **Optional PIN** (Mã PIN tùy chọn):
- a. Trong trường **PIN (Optional)** (PIN (Tùy chọn)), nhập một mã PIN có bốn chữ số.
 - b. Trong trường **Confirm PIN** (Xác nhận mã PIN), nhập lại mã PIN có bốn chữ số.
-
-  **GHI CHÚ:** HP khuyên bạn nên tạo một mã PIN để bảo vệ cấu hình email.
-  **GHI CHÚ:** Khi mã PIN được tạo, nó phải được nhập trên bảng điều khiển máy in mỗi lần cấu hình được dùng để gửi bản quét qua email.
-
11. Để cấu hình các tùy chọn gửi qua email, hoàn tất các trường sau trong khu vực **E-mail Message Preferences** (Tùy chọn Email):
- a. Từ **Maximum Size for E-mail Message Attachments** (Kích thước tối đa cho phần đính kèm email) thả xuống, chọn kích thước tối đa cho tập tin đính kèm email.

 **GHI CHÚ:** HP khuyên bạn nên dùng kích thước tệp mặc định là **Automatic** (Tự động) cho kích thước tối đa.

- b. Để tự động sao chép người gửi trên email gửi từ cấu hình, chọn hộp kiểm **Auto CC** (CC tự động).
12. Xem lại tất cả các thông tin, sau đó nhấp vào một trong các tùy chọn sau:
- **Save and Test** (Lưu và kiểm tra): Chọn tùy chọn này để lưu thông tin và kiểm tra kết nối.
 - **Save Only** (Chỉ lưu): Chọn tùy chọn này để lưu thông tin mà không kiểm tra kết nối.
 - **Cancel** (Hủy): Chọn tùy chọn này để đóng cấu hình mà không lưu.

Bước ba: Thêm liên hệ vào Sổ địa chỉ Email


- ▲ Trong ngăn dẫn hướng bên trái, nhấp vào **E-mail Address Book** (Sổ địa chỉ Email) để thêm địa chỉ email vào sổ địa chỉ có thể truy cập từ máy in.

Để nhập địa chỉ email cá nhân, hoàn tất tác vụ sau:

- a. Trong trường **Contact Name** (Tên liên hệ), hãy nhập tên của liên hệ email mới.
- b. Trong **Contact E-mail Address** (Địa chỉ email liên hệ), nhập địa chỉ email của liên hệ email mới.
- c. Bấm **Add/Edit** (Thêm/Sửa).

Để tạo một nhóm email, hoàn tất tác vụ sau:

- a. Nhấp vào **New Group** (Nhóm mới).
- b. Trong trường **Enter the group name** (Nhập tên nhóm), nhập tên cho nhóm mới.
- c. Nhấp vào tên trong khu vực **All Individuals** (Tất cả cá nhân), sau đó bấm nút mũi tên để di chuyển tên đó vào khu vực **Individuals in Group** (Cá nhân trong nhóm).


 **GHI CHÚ:** Chọn nhiều tên cùng một lúc bằng cách nhấn **Ctrl** và sau đó nhấp vào tên.

- d. Nhấp **Save** (Lưu).

Bước bốn: Cấu hình các Tùy chọn email mặc định

- ▲ Trong ngăn dẫn hướng bên trái, bấm **E-mail options** (Tùy chọn email) để cấu hình các tùy chọn email mặc định.

- a. Trong khu vực **Default Subject and Body Text** (Chủ đề và văn bản nội dung mặc định), hoàn tất các trường sau:
 - i. Trong trường **E-mail Subject** (Chủ đề email), nhập dòng chủ đề mặc định cho các email.
 - ii. Trong trường **Body Text** (Văn bản nội dung), nhập một thông báo tùy chỉnh mặc định cho các email.

- iii. Chọn **Show body text** (Hiện văn bản nội dung) để cho phép văn bản nội dung mặc định hiển thị trong email.
 - iv. Chọn **Hide body text** (Ẩn văn bản nội dung) để chặn văn bản nội dung mặc định cho một email.
- b. Trong khu vực **Scan Settings** (Cài đặt quét), hoàn tất các trường sau:
- i. Từ máy **Scan File Type** (Loại tệp quét) thả xuống, chọn định dạng tệp mặc định cho các tệp đã quét.
 - ii. Từ máy **Scan Paper Size** (Kích thước giấy quét) thả xuống, chọn kích thước giấy mặc định cho các tệp đã quét.
 - iii. Từ **Scan Resolution** (Độ phân giải quét) thả xuống, chọn độ phân giải mặc định cho các tệp đã quét.
-
-  **GHI CHÚ:** Hình ảnh độ phân giải cao hơn có nhiều điểm ảnh trên inch (dpi) hơn, vì thế sẽ hiển thị nhiều chi tiết hơn. Hình ảnh độ phân giải thấp hơn có ít điểm ảnh trên inch và hiển thị ít chi tiết hơn, nhưng kích thước tệp nhỏ hơn.
-
- iv. Từ **Output Color** (Màu in) thả xuống, chọn **Black & White** (Đen & Trắng) hoặc **Color** (Màu).
 - v. Trong trường **File Name Prefix** (Mã số đầu tên tệp), hãy nhập mã số đầu tên tệp (e.g., MyScan).
- c. Bấm **Apply** (Áp dụng).



Cài đặt tính năng Quét và gửi qua Email trên máy Mac

- [Bước một: Truy cập Máy chủ Web Nhúng \(EWS\) của HP](#)
- [Bước hai: Cấu hình tính năng Quét và gửi qua Email](#)
- [Bước ba: Thêm liên hệ vào Sổ địa chỉ Email](#)
- [Bước bốn: Cấu hình các Tùy chọn email mặc định](#)

Bước một: Truy cập Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP

Dùng các phương pháp sau để mở giao diện Máy chủ web nhúng.


Phương pháp một: Dùng trình duyệt web để mở Máy chủ web nhúng HP (EWS)

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm nút Network  (Mạng) hoặc nút Wireless  (Không dây) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

2. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

<https://10.10.XX.XXX/>

Nếu Trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng chỉ bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, hãy nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

 **GHI CHÚ:** Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.

Phương pháp hai: Dùng tiện ích HP để mở Máy chủ web nhúng HP (EWS)


1. Từ menu **Go** (Đi), bấm **Utilities** (Tiện ích), bấm vào thư mục **Hewlett-Packard**, rồi bấm đúp vào **HP Utility** (Tiện ích HP). Màn hình chính của Tiện ích HP sẽ hiển thị.
2. Màn hình chính của Tiện ích HP, truy cập Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP theo một trong các cách sau:
 - Trong khu vực **Printer Settings** (Cài đặt máy in), nhấp **Additional Settings** (Cài đặt bổ sung) và sau đó nhấp vào **Open Embedded Web Server** (Mở Máy chủ web nhúng).
 - Trong khu vực **Scan Settings** (Cài đặt quét), nhấp **Scan to Email** (Quét và gửi qua Email), sau đó nhấp vào **Begin Scan to E-mail Setup...** (Bắt đầu cài đặt quét và gửi qua email...).


Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP sẽ mở.

Bước hai: Cấu hình tính năng Quét và gửi qua Email

1. Nhấp vào tab **System** (Hệ thống).
2. Trên ngăn dẫn hướng bên trái, nhấp vào liên kết **Administration** (Quản trị).
3. Trong vùng **Enabled Features** (Các tính năng được bật), cài tùy chọn **Scan to E-mail** (Quét và gửi qua Email) thành **On** (Bật).
4. Nhấp vào tab **Scan** (Quét).
5. Trên ngăn dẫn hướng bên trái, nhấp vào liên kết **Outgoing E-mail Profiles** (Cài đặt Email Gửi đi).
6. Trên trang **Outgoing E-mail Profiles** (Cấu hình Email Gửi đi), nhấp vào nút **New** (Mới).
7. Trong khu vực **E-mail Address** (Địa chỉ email), hoàn tất các trường sau:
 - a. Trong trường **Your E-mail Address** (Địa chỉ email của bạn), hãy nhập địa chỉ email của người gửi cho cấu hình email gửi đi mới.
 - b. Trong trường **Display Name** (Tên hiển thị), nhập tên của người gửi. Đây là tên sẽ hiển thị trên bảng điều khiển máy in.
8. Trong khu vực **SMTP Server Settings** (Cài đặt máy chủ SMTP), hoàn tất các trường sau:


- a. Trong trường **SMTP Server** (Máy chủ SMTP), nhập địa chỉ của máy chủ SMTP.
- b. Trong trường **SMTP Port** (Cổng SMTP), nhập số cổng SMTP.


 **GHI CHÚ:** Trong hầu hết trường hợp, số cổng mặc định không cần được thay đổi.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn đang sử dụng một dịch vụ được lưu trên máy chủ SMTP chẳng hạn như gmail, hãy kiểm tra địa chỉ SMTP, số cổng và các cài đặt SSL từ trang web của nhà cung cấp dịch vụ hoặc nguồn khác. Thông thường, đối với gmail, địa chỉ SMTP là smtp.gmail.com, số cổng 465 và SSL sẽ được bật.


Vui lòng tham khảo các nguồn trực tuyến để xác nhận các cài đặt máy chủ này là hợp lệ và hiện hoạt tại thời điểm cấu hình.

- c. Nếu bạn đang dùng Google™ Gmail cho dịch vụ email, hãy chọn hộp kiểm **Always use secure connection (SSL/TLS)** (Luôn dùng kết nối bảo mật (SSL/TLS)).
9. Nếu máy chủ SMTP yêu cầu xác thực để gửi một email, hoàn tất các trường sau trong khu vực **SMTP Authentication** (Xác thực SMTP):
- a. Chọn hộp kiểm **SMTP server requires authentication for outgoing e-mail messages** (Máy chủ SMTP yêu cầu xác thực cho các email gửi đi).
 - b. Trong trường **SMTP User ID** (ID người dùng SMTP), nhập ID người dùng cho máy chủ SMTP.
 - c. Trong trường **SMTP Password** (Mật khẩu SMTP), hãy nhập mật khẩu cho máy chủ SMTP.
10. Để yêu cầu mã PIN để nhập trên bảng điều khiển máy in trước khi một email được gửi đi bằng cách dùng địa chỉ email, hoàn tất các trường sau trong khu vực **Optional PIN** (Mã PIN tùy chọn):
- a. Trong trường **PIN (Optional)** (PIN (Tùy chọn)), nhập một mã PIN có bốn chữ số.
 - b. Trong trường **Confirm PIN** (Xác nhận mã PIN), nhập lại mã PIN có bốn chữ số.

 **GHI CHÚ:** HP khuyến bạn nên tạo một mã PIN để bảo vệ cấu hình email.

 **GHI CHÚ:** Khi mã PIN được tạo, nó phải được nhập trên bảng điều khiển máy in mỗi lần cấu hình được dùng để gửi bản quét qua email.

11. Để cấu hình các tùy chọn gửi qua email, hoàn tất các trường sau trong khu vực **E-mail Message Preferences** (Tùy chọn Email):
- a. Từ **Maximum Size for E-mail Message Attachments** (Kích thước tối đa cho phần đính kèm email) thả xuống, chọn kích thước tối đa cho tập tin đính kèm email.

 **GHI CHÚ:** HP khuyến bạn nên dùng kích thước tệp mặc định là **Automatic** (Tự động) cho kích thước tối đa.

- b. Để tự động sao chép người gửi trên email gửi từ cấu hình, chọn hộp kiểm **Auto CC** (CC tự động).
12. Xem lại tất cả các thông tin, sau đó nhấp vào một trong các tùy chọn sau:
- **Save and Test** (Lưu và kiểm tra): Chọn tùy chọn này để lưu thông tin và kiểm tra kết nối.
 - **Save Only** (Chỉ lưu): Chọn tùy chọn này để lưu thông tin mà không kiểm tra kết nối.
 - **Cancel** (Hủy): Chọn tùy chọn này để đóng cấu hình mà không lưu.

Bước ba: Thêm liên hệ vào Sổ địa chỉ Email


- ▲ Trong ngăn dẫn hướng bên trái, nhấp vào **E-mail Address Book** (Sổ địa chỉ Email) để thêm địa chỉ email vào sổ địa chỉ có thể truy cập từ máy in.

Để nhập địa chỉ email cá nhân, hoàn tất tác vụ sau:

- Trong trường **Contact Name** (Tên liên hệ), hãy nhập tên của liên hệ email mới.
- Trong **Contact E-mail Address** (Địa chỉ email liên hệ), nhập địa chỉ email của liên hệ email mới.
- Bấm **Add/Edit** (Thêm/Sửa).

Để tạo một nhóm email, hoàn tất tác vụ sau:

- Nhấp vào **New Group** (Nhóm mới).
- Trong trường **Enter the group name** (Nhập tên nhóm), nhập tên cho nhóm mới.
- Nhấp vào tên trong khu vực **All Individuals** (Tất cả cá nhân), sau đó bấm nút mũi tên để di chuyển tên đó vào khu vực **Individuals in Group** (Cá nhân trong nhóm).


 **GHI CHÚ:** Chọn nhiều tên cùng một lúc bằng cách nhấn **Ctrl** và sau đó nhấp vào tên.

- Nhấp **Save** (Lưu).

Bước bốn: Cấu hình các Tùy chọn email mặc định

- ▲ Trong ngăn dẫn hướng bên trái, bấm **E-mail options** (Tùy chọn email) để cấu hình các tùy chọn email mặc định.


- Trong khu vực **Default Subject and Body Text** (Chủ đề và văn bản nội dung mặc định), hoàn tất các trường sau:
 - Trong trường **E-mail Subject** (Chủ đề email), nhập dòng chủ đề mặc định cho các email.
 - Trong trường **Body Text** (Văn bản nội dung), nhập một thông báo tùy chỉnh mặc định cho các email.
 - Chọn **Show body text** (Hiện văn bản nội dung) để cho phép văn bản nội dung mặc định hiển thị trong email.
 - Chọn **Hide body text** (Ẩn văn bản nội dung) để chặn văn bản nội dung mặc định cho một email.
- Trong khu vực **Scan Settings** (Cài đặt quét), hoàn tất các trường sau:
 - Từ máy **Scan File Type** (Loại tệp quét) thả xuống, chọn định dạng tệp mặc định cho các tệp đã quét.
 - Từ máy **Scan Paper Size** (Kích thước giấy quét) thả xuống, chọn kích thước giấy mặc định cho các tệp đã quét.
 - Từ **Scan Resolution** (Độ phân giải quét) thả xuống, chọn độ phân giải mặc định cho các tệp đã quét.


 **GHI CHÚ:** Hình ảnh độ phân giải cao hơn có nhiều điểm ảnh trên inch (dpi) hơn, vì thế sẽ hiển thị nhiều chi tiết hơn. Hình ảnh độ phân giải thấp hơn có ít điểm ảnh trên inch và hiển thị ít chi tiết hơn, nhưng kích thước tệp nhỏ hơn.


- iv. Từ **Output Color** (Màu in) thả xuống, chọn **Black & White** (Đen & Trắng) hoặc **Color** (Màu).
 - v. Trong trường **File Name Prefix** (Mã số đầu tên tệp), hãy nhập mã số đầu tên tệp (e.g., MyScan).
- c. Bấm **Apply** (Áp dụng).

Quét và gửi qua e-mail

Dùng bảng điều khiển máy in để quét tệp trực tiếp tới một địa chỉ email. Tệp đã quét được gửi tới địa chỉ như một tệp đính kèm email.

 **GHI CHÚ:** Để dùng tính năng này, máy in phải được kết nối với mạng và tính năng Scan to Email (Quét và gửi qua Email) phải được cấu hình bằng cách dùng Trình hướng dẫn Cài đặt Quét và gửi qua email (Windows) hoặc Máy chủ Web Nhúng HP.

1. Nạp tài liệu trên kính máy quét theo các chỉ báo trên máy in.
2. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút **Scan**  (Quét).
3. Chạm vào **Scan to E-mail** (Quét và gửi qua Email).
4. Chạm vào **Send an E-mail** (Gửi Email).
5. Chọn địa chỉ **From** (Từ) mà bạn muốn sử dụng. Mục này còn được gọi là “cấu hình email gửi đi.”

 **GHI CHÚ:** Nếu tính năng PIN đã được cài đặt, hãy nhập PIN và chạm vào nút **OK**. Tuy nhiên, không cần có PIN để sử dụng tính năng này.

6. Chạm vào nút **To** (Đến) và chọn địa chỉ hoặc nhóm bạn muốn gửi tệp tới. Chạm vào nút **Done** (Xong) khi đã hoàn tất.
 - Để gửi thư đến một địa chỉ khác, chạm vào **New** (Mới) lần nữa và nhập địa chỉ email.
7. Chạm vào nút **Subject** (Chủ đề) nếu bạn muốn thêm dòng chủ đề
8. Chạm vào nút **Next** (Tiếp).
9. Màn hình bảng điều khiển hiển thị cài đặt quét.
 - Nếu bạn muốn thay đổi bất kỳ cài đặt nào, hãy chạm vào nút **Settings** (Cài đặt), sau đó thay đổi cài đặt.
 - Nếu cài đặt đã đúng, hãy đi tới bước kế tiếp.
10. Chạm vào nút **Scan** (Quét) để bắt đầu tác vụ quét.

Tác vụ quét bổ sung

Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.

Hướng dẫn có sẵn để thực hiện các tác vụ quét cụ thể, như các tác vụ sau:

- How to scan a general photo or document (Cách quét một ảnh hoặc tài liệu chung)
- How to scan as editable text (Cách quét dưới dạng văn bản có thể chỉnh sửa) (OCR)
- How to scan multiple pages into a single file (Cách quét nhiều trang trong một tệp đơn lẻ)

7 Fax

- [Cài đặt để gửi và nhận fax](#)
- [Gửi fax](#)
- [Các tác vụ quét bổ sung](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:


- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành


Cài đặt để gửi và nhận fax

- [Trước khi bắt đầu](#)
- [Bước 1: Xác định loại kết nối điện thoại](#)
- [Bước 2: Cài đặt fax](#)
- [Bước 3: Cấu hình thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax.](#)
- [Bước 4: Chạy thử fax](#)

Trước khi bắt đầu

Đảm bảo rằng máy in đã được cài đặt đầy đủ trước khi kết nối với dịch vụ fax.

 **GHI CHÚ:** Dùng dây cáp điện thoại và bất cứ bộ điều hợp nào được cung cấp kèm theo máy in để kết nối máy in với giắc cắm điện thoại.

 **GHI CHÚ:** Tại các quốc gia/khu vực dùng hệ thống điện thoại nối tiếp, bộ điều hợp được cung cấp cùng máy in. Dùng bộ điều hợp đó để kết nối các thiết bị viễn thông khác tới cùng giắc cắm điện thoại mà máy in đã được kết nối tới.

Hoàn tất hướng dẫn trong từng phần của bốn bước sau:

[Bước 1: Xác định loại kết nối điện thoại thuộc trang 84.](#)


[Bước 2: Cài đặt fax thuộc trang 85.](#)

[Bước 3: Cấu hình thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax. thuộc trang 89.](#)

[Bước 4: Chạy thử fax thuộc trang 91.](#)

Bước 1: Xác định loại kết nối điện thoại

Xem lại loại dịch vụ và thiết bị sau để xác định nên dùng phương pháp cài đặt nào. Phương pháp được dùng phụ thuộc vào thiết bị và dịch vụ đã được cài đặt trên hệ thống điện thoại.

 **GHI CHÚ:** Máy in là thiết bị analog. HP khuyến cáo sử dụng máy in với đường dây điện thoại analog chuyên dụng.

- **Đường dây điện thoại chuyên dụng:** Máy in là dịch vụ hoặc thiết bị duy nhất kết nối với đường dây điện thoại
- **Cuộc gọi thoại:** Cuộc gọi thoại và fax dùng chung đường dây điện thoại.
- **Máy trả lời:** Máy trả lời trả lời các cuộc gọi thoại trên cùng đường dây điện thoại đang dùng cho các cuộc gọi fax.
- **Thư thoại:** Dịch vụ thuê bao thư thoại dùng chung đường dây điện thoại như dùng cho fax.
- **Dịch vụ kiểu chuông đặc trưng:** Dịch vụ từ công ty điện thoại cho phép nhiều số điện thoại được kết hợp với một đường dây điện thoại và mỗi số sẽ có một kiểu chuông riêng; máy in phát hiện ra kiểu chuông gắn với nó và trả lời cuộc gọi
- **Modem quay số máy tính:** Máy tính dùng đường dây điện thoại để kết nối với Internet qua kết nối quay số.


- **Đường dây DSL:** Dịch vụ đường dây thuê bao kỹ thuật số (Digital subscriber line - DSL) từ công ty điện thoại; ở một số quốc gia/khu vực dịch vụ này có thể được gọi là ADSL
- **Hệ thống điện thoại PBX hoặc ISDN:** Hệ thống điện thoại tổng đài nhánh riêng (PBX) hoặc hệ thống mạng kỹ thuật số có các dịch vụ tích hợp (ISDN)
- **Hệ thống điện thoại VoIP:** Giao thức thoại qua internet (VoIP) qua nhà cung cấp internet

Bước 2: Cài đặt fax

Bấm vào liên kết bên dưới có mô tả khớp nhất với môi trường mà máy in sẽ gửi và nhận fax và làm theo hướng dẫn cài đặt.

- [Đường dây điện thoại chuyên dụng thuộc trang 85](#)
- [Đường dây fax/thoại dùng chung thuộc trang 86](#)
- [Đường dây fax/thoại dùng chung kèm máy trả lời thuộc trang 87](#)

Hướng dẫn chỉ dành cho ba loại kết nối được bao gồm ở đây. Để biết thêm thông tin về cách kết nối máy in với các loại kết nối khác, hãy đến trang Web hỗ trợ www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.

 **GHI CHÚ:** Máy in này là thiết bị fax analog. HP khuyến cáo sử dụng máy in với đường dây điện thoại analog chuyên dụng. Đối với môi trường kỹ thuật số, như DSL, PBX, ISDN, hoặc VoIP, hãy đảm bảo dùng đúng bộ lọc và cấu hình cài đặt kỹ thuật số chính xác. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật số.


 **GHI CHÚ:** Không kết nối nhiều hơn ba thiết bị vào đường dây điện thoại.


 **GHI CHÚ:** Máy in này không hỗ trợ chức năng thư thoại.

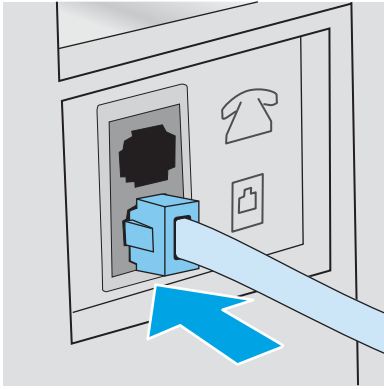
Đường dây điện thoại chuyên dụng


Làm theo các bước này để cài đặt máy in trên đường dây điện thoại chuyên dụng mà không có dịch vụ bổ sung nào.

1. Kết nối cáp điện thoại với cổng fax trên máy in và với giắc cắm điện thoại trên tường.

 **GHI CHÚ:** Một số quốc gia/vùng lãnh thổ có thể yêu cầu bộ điều hợp cho cáp điện thoại đi kèm với máy in.

 **GHI CHÚ:** Trên một số máy in, cổng fax có thể nằm phía trên cổng điện thoại. Tham khảo biểu tượng trên máy in.





2. Đặt máy in trả lời các cuộc gọi fax tự động.
 - a. Bật máy in lên.
 - b. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút **Setup**  (Cài đặt).
 - c. Chạm vào menu **Fax Setup** (Cài đặt Fax).
 - d. Chạm vào menu **Basic Setup** (Cài đặt Cơ bản).
 - e. Chạm vào cài đặt **Answer Mode** (Chế độ Trả lời).
 - f. Chạm vào tùy chọn **Automatic** (Tự động).
3. Tiếp tục với [Bước 3: Cấu hình thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax. thuộc trang 89.](#)

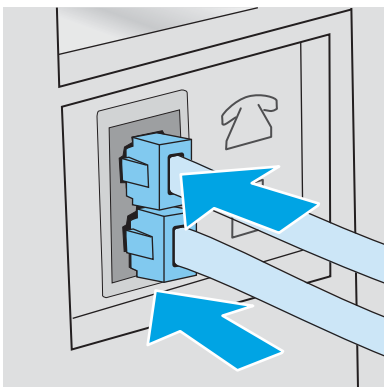
Đường dây fax/thoại dùng chung


Làm theo các bước này để cài đặt máy in trên đường dây fax/thoại dùng chung.

1. Ngắt kết nối bất kỳ thiết bị nào đang kết nối với giắc cắm điện thoại.
2. Kết nối cáp điện thoại với cổng fax trên máy in và với giắc cắm điện thoại trên tường.


 **GHI CHÚ:** Một số quốc gia/vùng lãnh thổ có thể yêu cầu bộ điều hợp cho cáp điện thoại đi kèm với máy in.

 **GHI CHÚ:** Trên một số máy in, cổng fax có thể nằm phía trên cổng điện thoại. Tham khảo biểu tượng trên máy in.



3. Rút giắc cắm khỏi cổng cắm đường dây điện thoại ở phía sau máy in, sau đó nối điện thoại vào cổng này.
4. Đặt máy in trả lời các cuộc gọi fax tự động.
 - a. Bật máy in lên.
 - b. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút **Setup**  (Cài đặt).
 - c. Chạm vào menu **Fax Setup** (Cài đặt Fax).
 - d. Chạm vào menu **Basic Setup** (Cài đặt Cơ bản).
 - e. Chạm vào cài đặt **Answer Mode** (Chế độ Trả lời), sau đó chạm vào tùy chọn **Automatic** (Tự động).
5. Đặt máy in kiểm tra âm quay số trước khi gửi fax.


 **GHI CHÚ:** Thao tác này sẽ ngăn máy in không gửi bản fax khi có người sử dụng điện thoại.


- a. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút **Setup**  (Cài đặt).
 - b. Chạm vào menu **Fax Setup** (Cài đặt Fax).
 - c. Chạm vào menu **Advanced Setup** (Cài đặt Nâng cao).
 - d. Chạm vào cài đặt **Detect Dial Tone** (Dò tìm Âm Quay số), sau đó chạm vào **On** (Bật).
6. Tiếp tục với [Bước 3: Cấu hình thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax. thuộc trang 89.](#)

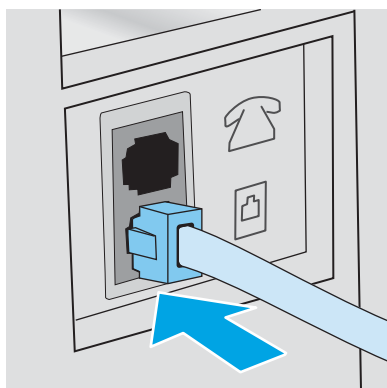
Đường dây fax/thoại dùng chung kèm máy trả lời

Làm theo các bước này để cài đặt máy in trên đường dây fax/thoại dùng chung kèm máy trả lời.


1. Ngắt kết nối bất kỳ thiết bị nào đang kết nối với giắc cắm điện thoại.
2. Rút giắc cắm khỏi cổng cắm đường dây điện thoại ở phía sau máy in.
3. Kết nối cáp điện thoại với cổng fax trên máy in và với giắc cắm điện thoại trên tường.


 **GHI CHÚ:** Một số quốc gia/vùng lãnh thổ có thể yêu cầu bộ điều hợp cho cáp điện thoại đi kèm với máy in.


 **GHI CHÚ:** Trên một số máy in, cổng fax có thể nằm phía trên cổng điện thoại. Tham khảo biểu tượng trên máy in.

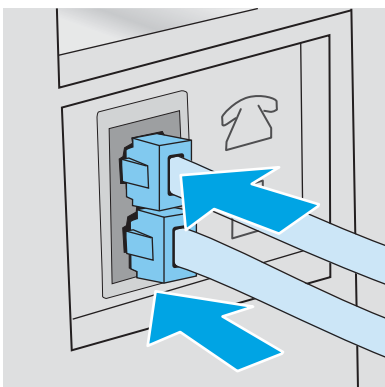


4. Cắm cáp điện thoại của máy trả lời với cổng cắm dây điện thoại phía sau máy in.



 **GHI CHÚ:** Nối máy trả lời trực tiếp vào máy in, hoặc máy trả lời có thể ghi âm âm fax từ máy gửi fax và máy in có thể không nhận được fax.

 **GHI CHÚ:** Nếu máy trả lời không có điện thoại tích hợp, hãy kết nối một điện thoại với cổng **OUT (RA)** trên máy trả lời cho thuận tiện.



 **GHI CHÚ:** Trên một số máy in, cổng fax có thể nằm phía trên cổng điện thoại. Tham khảo biểu tượng trên máy in.



5. Cấu hình cài đặt chuông trả lời trên máy in.


- a. Bật máy in lên.
- b. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút **Setup**  (Cài đặt).
- c. Chạm vào menu **Fax Setup** (Cài đặt Fax).
- d. Chạm vào menu **Basic Setup** (Cài đặt Cơ bản).
- e. Chạm vào tùy chọn **Rings to Answer** (Chuông để Trả lời).
- f. Dùng bàn phím số trên bảng điều khiển của máy in để đặt số chuông tới 5 hoặc hơn, sau đó chạm vào nút **OK**.
- g. Sử dụng nút  Home (Trang đầu) để trở về menu chính.

6. Đặt máy in trả lời các cuộc gọi fax tự động.

- a. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút **Setup**  (Cài đặt).
- b. Chạm vào menu **Fax Setup** (Cài đặt Fax).
- c. Chạm vào menu **Basic Setup** (Cài đặt Cơ bản).
- d. Chạm vào cài đặt **Answer Mode** (Chế độ Trả lời), sau đó chạm vào tùy chọn **Automatic** (Tự động).
- e. Sử dụng nút  Home (Trang đầu) để trở về menu chính.

7. Đặt máy in kiểm tra âm quay số trước khi gửi fax.


 **GHI CHÚ:** Thao tác này sẽ ngăn máy in không gửi bản fax khi có người sử dụng điện thoại.

- a. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút **Setup**  (Cài đặt).
 - b. Chạm vào menu **Fax Setup** (Cài đặt Fax).
 - c. Chạm vào menu **Advanced Setup** (Cài đặt Nâng cao).
 - d. Chạm vào cài đặt **Detect Dial Tone** (Dò tìm Âm Quay số), sau đó chạm vào nút **On** (Bật).
8. Tiếp tục với [Bước 3: Cấu hình thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax. thuộc trang 89.](#)

Bước 3: Cấu hình thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax.


Cấu hình cài đặt fax cho máy in bằng một trong các phương pháp sau:

- [HP Fax Setup Wizard \(Trình Hướng dẫn Cài đặt Fax HP\) thuộc trang 89](#) (phương pháp đề xuất)
- [Bảng điều khiển máy in thuộc trang 89](#)
- [Máy chủ Web Nhúng của HP \(EWS\) và Hộp công cụ Thiết bị HP \(Windows\) thuộc trang 90](#) (nếu phần mềm được cài đặt)

 **GHI CHÚ:** Tại Mỹ và nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ khác, việc cài đặt thời gian, ngày tháng và các thông tin tiêu đề fax khác là yêu cầu pháp lý bắt buộc.

HP Fax Setup Wizard (Trình Hướng dẫn Cài đặt Fax HP)


Truy cập Fax Setup Wizard (Trình Hướng dẫn Cài đặt Fax) sau cài đặt *initial* (ban đầu) và cài đặt phần mềm bằng cách làm theo các bước này.

 **GHI CHÚ:** Trình hướng dẫn cài đặt Fax chỉ khả dụng trong hệ điều hành Windows 7.

1. Bấm **Start** (Bắt đầu), sau đó bấm **Program** (Chương trình).
2. Bấm **HP**, bấm vào tên của máy in, sau đó bấm **HP Fax Setup Wizard** (Trình hướng dẫn cài đặt Fax HP).
3. Hãy thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình trong Trình hướng dẫn Cài đặt Fax HP để cấu hình các cài đặt fax.
4. Tiếp tục với [Bước 4: Chạy thử fax thuộc trang 91.](#)


Bảng điều khiển máy in

Để sử dụng bảng điều khiển để thiết lập ngày tháng, thời gian và tiêu đề, hoàn tất các bước sau.

1. Từ Màn hình chính, chạm vào nút **Setup**  (Cài đặt).
2. Chạm vào menu **Fax Setup** (Cài đặt Fax).
3. Chạm vào menu **Basic Setup** (Cài đặt Cơ bản).
4. Cuộn xuống và chạm vào nút **Time/Date** (Thời gian/Ngày tháng).
5. Chọn **12-hour clock** (kiểu đồng hồ 12 giờ) hoặc **24-hour clock** (kiểu đồng hồ 24 giờ).
6. Sử dụng bàn phím để nhập thời gian hiện tại, sau đó chạm vào nút **OK**.

 **GHI CHÚ:** Chạm nút **123** để mở bàn phím có chứa các ký tự đặc biệt, nếu cần thiết.

7. Chọn định dạng ngày.
8. Sử dụng bàn phím để nhập ngày tháng hiện tại, sau đó chạm vào nút **OK**.
9. Chạm vào menu **Fax Header** (Tiêu đề Fax).
10. Sử dụng bàn phím để nhập số fax, sau đó chạm vào nút **OK**.

 **GHI CHÚ:** Số ký tự tối đa cho số fax là 20.

11. Sử dụng bàn phím để nhập tên công ty hoặc tiêu đề, sau đó chạm vào nút **OK**.

 **GHI CHÚ:** Số ký tự tối đa cho tiêu đề fax là 25.

12. Tiếp tục với [Bước 4: Chạy thử fax thuộc trang 91](#).





Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS) và Hộp công cụ Thiết bị HP (Windows)


1. Bắt đầu HP EWS từ menu **Start** (Bắt đầu) hoặc từ một trình duyệt Web.


Menu Start (Bắt đầu)

- a. Nhấp vào nút **Start** (Bắt đầu), sau đó nhấp vào mục **Programs** (Chương trình).
- b. Nhấp vào nhóm máy in HP của bạn, sau đó nhấp vào mục **HP Device Toolbox** (Hộp công cụ Thiết bị HP).

Trình duyệt web

- a. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút Connection Information  /  (Thông tin Kết nối) rồi chạm vào nút **Network Connected**  (Mạng Được kết nối) hoặc nút **Network Wi-Fi ON**  (Bật Mạng Wi-Fi) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.




 **GHI CHÚ:** Nếu Trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, hãy nhấn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.

2. Nhấp vào tab **Fax**.
3. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để cấu hình cài đặt fax.
4. Tiếp tục với [Bước 4: Chạy thử fax thuộc trang 91](#).

Bước 4: Chạy thử fax

Chạy thử fax để đảm bảo rằng fax được cài đặt chính xác.

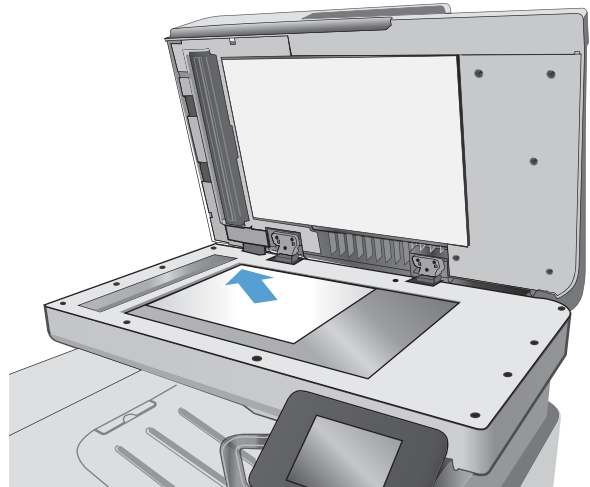
1. Từ Màn hình chính, chạm vào nút **Setup**  (Cài đặt).
2. Cuộn xuống và chạm vào menu **Service** (Dịch vụ).
3. Chạm vào menu **Fax Service** (Dịch vụ Fax).
4. Chạm vào tùy chọn **Run Fax Test** (Chạy Thử Fax). Máy in sẽ in báo cáo kiểm tra.
5. Xem lại báo cáo.
 - Nếu báo cáo cho biết máy in **passed the test** (vượt qua kiểm tra), thì máy in đã sẵn sàng để gửi và nhận fax.
 - Nếu báo cáo cho biết máy in **failed the test** (không vượt qua kiểm tra), hãy xem lại báo cáo để biết thêm thông tin khắc phục vấn đề. Danh sách kiểm tra xử lý sự cố fax có thêm thông tin về cách giải quyết các vấn đề về fax.


Gửi fax

- [Gửi fax từ máy quét hình phẳng](#)
- [Fax từ khay nạp tài liệu](#)
- [Dùng phím quay số nhanh và các số quay-số-nhóm](#)
- [Gửi fax bằng phần mềm](#)
- [Gửi fax bằng chương trình phần mềm của bên thứ ba, như Microsoft Word](#)

Gửi fax từ máy quét hình phẳng

1. Đặt tài liệu lên kính máy quét với mặt tài liệu hướng xuống dưới.

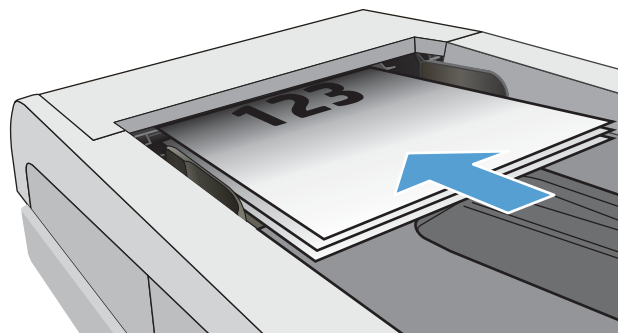


2. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút  Fax .
3. Sử dụng bàn phím để nhập số fax.
4. Nhấn nút **Start Fax** (Bắt đầu fax).
5. Máy in sẽ nhắc bạn xác nhận rằng bạn đang gửi từ kính máy quét. Chạm vào nút **Yes** (Có).
6. Máy in nhắc bạn nạp trang đầu tiên. Chạm vào nút **OK**.
7. Máy in quét trang đầu tiên của tài liệu và sau đó nhắc bạn nạp trang khác. Nếu tài liệu có nhiều trang, hãy chạm vào nút **Yes** (Có). Tiếp tục quy trình này cho đến khi bạn quét tất cả các trang.
8. Khi bạn đã quét trang cuối cùng, hãy chạm vào nút **No** khi được nhắc. Máy in gửi tới máy fax.

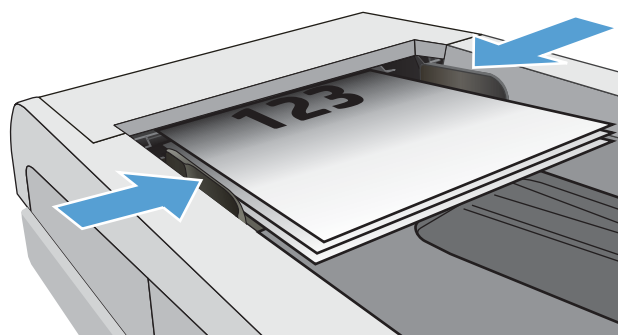
Fax từ khay nạp tài liệu


1. Đưa các bản gốc vào khay nạp tài liệu với mặt tài liệu hướng lên trên.

THẬN TRỌNG: Để tránh làm hỏng máy in, bạn đừng sử dụng các tài liệu gốc có dán băng tẩy, mực tẩy, kim cài giấy, hoặc kẹp giấy. Đồng thời, bạn cũng đừng để hình chụp, tài liệu gốc cỡ nhỏ hoặc các loại tài liệu gốc dễ rách vào khay nạp tài liệu.



2. Điều chỉnh các thanh dẫn hướng giấy cho đến khi chúng sát vào giấy.

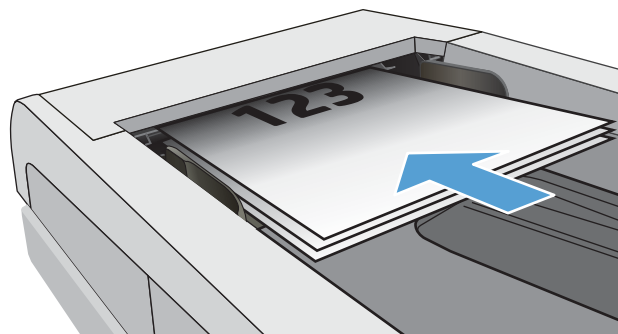



3. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút  Fax .
4. Sử dụng bàn phím để nhập số fax.
5. Nhấn nút **Start Fax** (Bắt đầu fax).

Dùng phím quay số nhanh và các số quay-số-nhóm

 **GHI CHÚ:** Mục danh bạ phải được cài đặt bằng **Fax Menu** (Menu Fax) trước khi dùng danh bạ để gửi fax.

1. Nạp tài liệu vào kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu.



2. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút  Fax .
3. Trên bàn phím, hãy chạm vào biểu tượng danh bạ fax.
4. Chạm vào tên của một người hoặc mục nhập nhóm mà bạn muốn sử dụng.
5. Nhấn nút **Start Fax** (Bắt đầu fax).

Gửi fax bằng phần mềm

Quy trình gửi fax có thể thay đổi tùy theo các thông số kỹ thuật của bạn. Các bước cơ bản nhất bao gồm.

1. Bấm vào **Start** (Bắt đầu), bấm **Programs** (Chương trình) (hoặc **All Programs** (Tất cả các chương trình) trong Windows XP), sau đó bấm **HP**.
2. Nhấp vào tên máy in, sau đó nhấp vào **Send fax** (Gửi fax). Phần mềm fax sẽ hiện ra.
3. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận.
4. Nạp tài liệu vào khay nạp tài liệu.
5. Bấm vào **Send Now** (Gửi Ngay).

Gửi fax bằng chương trình phần mềm của bên thứ ba, như Microsoft Word

1. Mở tài liệu trong chương trình của hãng thứ ba.
2. Nhấp vào menu **File** (Tập tin), và sau đó nhấp vào **Print** (In).
3. Chọn trình điều khiển in fax trong danh sách các trình điều khiển in vừa xuất hiện. Phần mềm fax sẽ hiện ra.
4. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận.
5. Thêm bất kỳ trang nào đã nạp vào máy in. Đây là bước tùy chọn.
6. Bấm vào **Send Now** (Gửi Ngay).

Các tác vụ quét bổ sung

Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.

Có sẵn các hướng dẫn để thực hiện các tác vụ fax cụ thể, như các tác vụ sau:

- Tạo và quản lý danh sách quay số nhanh fax
- Cấu hình các mã hóa đơn fax
- Sử dụng lịch trình in fax
- Chặn fax gửi đến
- Lưu trữ và chuyển tiếp fax

8 Quản lý máy in

- [Sử dụng các ứng dụng Dịch vụ Web của HP](#)
- [Thay đổi kiểu kết nối máy in \(Windows\)](#)
- [Cấu hình nâng cao với Máy chủ Web Nhúng của HP \(EWS\) và Hộp công cụ Thiết bị HP \(Windows\)](#)
- [Cấu hình nâng cao với Tiện ích HP cho OS X](#)
- [Định cấu hình cài đặt mạng IP](#)
- [Các tính năng bảo mật của máy in](#)
- [Các cài đặt bảo tồn năng lượng](#)
- [HP Web Jetadmin](#)
- [Cập nhật chương trình cơ sở](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Sử dụng các ứng dụng Dịch vụ Web của HP


Ứng dụng Dịch vụ Web HP cung cấp nội dung hữu ích có thể được tự động tải xuống từ Internet đến máy in. Chọn từ nhiều ứng dụng bao gồm tin tức, lịch, mẫu và lưu trữ tài liệu trên nền tảng đám mây.


Để kích hoạt các ứng dụng này và lập lịch tải xuống, hãy truy cập vào trang HP Connected Web tại www.hpconnected.com



GHI CHÚ: Để dùng tính năng này, máy in phải được kết nối với mạng không dây hoặc có dây và phải có khả năng truy cập vào Internet. Dịch vụ Web HP phải được bật trên máy in.

Enable Web Services (Bật dịch vụ Web)

Quá trình này bật cả HP Web Services (Dịch vụ Web HP) và menu **Apps**  (Ứng dụng).

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, vuốt cho đến khi menu **Setup** (Cài đặt) hiển thị. Chạm vào biểu tượng **Setup**  (Cài đặt) để mở menu.
2. Chạm vào **HP Web Services** (Dịch vụ web HP).
3. Chạm vào **Enable Web Services** (Bật dịch vụ Web).
4. Để in các Điều khoản sử dụng của Dịch vụ Web HP, hãy chạm vào **Print** (In).
5. Chạm vào **OK** để hoàn tất quy trình này.

Sau khi bạn tải xuống ứng dụng từ trang Web HP Connected, ứng dụng sẽ sẵn có trong menu **Apps** (Ứng dụng) trên bảng điều khiển của máy in.

Thay đổi kiểu kết nối máy in (Windows)

Nếu bạn đã đang sử dụng máy in và muốn thay đổi cách máy in được kết nối, hãy sử dụng lối tắt **Reconfigure your HP Device** (Cấu hình lại thiết bị HP của bạn) trên màn hình máy tính của bạn để thay đổi kết nối. Ví dụ: bạn có thể định lại cấu hình máy in để sử dụng một địa chỉ không dây khác, để kết nối với mạng không dây hoặc có dây, hoặc để thay đổi từ kết nối mạng sang kết nối USB. Bạn có thể thay đổi cấu hình mà không cần lắp đĩa CD của máy in. Sau khi bạn chọn loại kết nối mình muốn, chương trình sẽ đi thẳng tới phần quy trình thiết lập máy in cần thay đổi.


Cấu hình nâng cao với Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS) và Hộp công cụ Thiết bị HP (Windows)


Sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP để quản lý các chức năng in từ máy tính thay vì từ bảng điều khiển của máy in.

- Xem thông tin tình trạng máy in
- Xác định tuổi thọ còn lại của tất cả các nguồn cung cấp và đặt mua những nguồn cung cấp mới.
- Xem và thay đổi các cấu hình khay.
- Xem và thay đổi cấu hình menu của bảng điều khiển máy in
- Xem và in các trang nội bộ
- Nhận thông báo về các sự kiện của nguồn cung cấp và máy in
- Xem và thay đổi cấu hình mạng

Máy chủ web nhúng của HP hoạt động khi máy in được kết nối với mạng dựa trên IP. Máy chủ web nhúng của HP không hỗ trợ các kết nối máy in dựa trên IPX. Không cần phải có truy cập internet để mở và sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP.

Khi máy in được nối mạng, Máy chủ web nhúng của HP sẽ tự động sẵn sàng.





 **GHI CHÚ:** HP Device Toolbox (Hộp công cụ thiết bị HP) là phần mềm được sử dụng để kết nối với Máy chủ Web nhúng của HP khi máy in được kết nối với máy tính qua USB. Phần mềm này chỉ khả dụng nếu một cài đặt đầy đủ được thực hiện khi máy in đã được cài đặt trên máy tính. Tùy thuộc vào cách máy in được kết nối, một vài tính năng có thể không hoạt động.

 **GHI CHÚ:** Máy chủ web nhúng HP không thể truy cập được bên ngoài tường lửa của mạng.


Phương pháp một: Mở Máy chủ Web Nhúng HP (EWS) từ menu Start (Bắt đầu)


1. Nhấp vào nút **Start** (Bắt đầu), sau đó nhấp vào mục **Programs** (Chương trình).
2. Nhấp vào nhóm máy in HP của bạn, sau đó nhấp vào mục **HP Device Toolbox** (Hộp công cụ Thiết bị HP).

Phương pháp hai: Mở Máy chủ Web Nhúng HP (EWS) từ trình duyệt web

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút Connection Information  /  (Thông tin Kết nối) rồi chạm vào nút **Network Connected**  (Mạng Được kết nối) hoặc nút **Network Wi-Fi ON**  (Bật Mạng Wi-Fi) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

2. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XX.XXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu Trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, hãy nhấn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.

Tab hoặc mục	Mô tả
Tab Home (Màn hình chính) Cung cấp thông tin máy in, thông tin trạng thái và cấu hình.	<ul style="list-style-type: none">• Device Status (Trạng thái thiết bị): Hiển thị trạng thái của máy in và hiển thị phần trăm gần đúng của lượng mực in HP còn lại.• Tình trạng Mực in: Hiển thị phần trăm gần đúng của lượng mực in HP còn lại. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn mực in thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Không cần thay thế mực in trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được.• Device Configuration (Cấu hình Thiết bị): Hiển thị thông tin được tìm thấy trên trang cấu hình của máy in.• Network Summary (Tóm tắt Mạng): Hiển thị thông tin được tìm thấy trên trang cấu hình mạng của máy in.• Reports (Báo cáo): In trang cấu hình và trang tình trạng nguồn cung cấp mà máy in tạo ra.• Job Storage Log (Nhật ký Lưu trữ Lệnh in): Hiển thị bản tóm tắt tất cả các lệnh in được lưu trong bộ nhớ máy in.• Color Usage Log (Nhật ký Sử dụng Màu): Hiển thị bản tóm tắt lệnh in màu mà máy in đã tạo ra. (Chỉ các máy in màu)• Event Log (Nhật ký Sự kiện): Hiển thị danh sách tất cả các sự kiện và lỗi của máy in.

Tab hoặc mục	Mô tả
<p>Tab System (Hệ thống)</p> <p>Cung cấp khả năng cấu hình máy in từ máy tính của bạn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Device Information (Thông tin Thiết bị): Cung cấp thông tin cơ bản về máy in và công ty. • Paper Setup (Cài đặt Giấy): Thay đổi cài đặt xử lý giấy mặc định cho máy in. • Print Quality (Chất lượng In): Thay đổi cài đặt chất lượng in mặc định cho máy in. • Energy Settings (Cài đặt Năng lượng): Thay đổi số lần mặc định để chuyển vào chế độ Sleep/Auto Off (Tắt chế độ Nghỉ/Tự động) hoặc tự động ngắt điện. • Job Storage Setup (Cài đặt Lưu trữ Lệnh in): Cấu hình các cài đặt lưu trữ lệnh in cho máy in. • Print Density (Mật độ In): Thay đổi mật độ in của độ tương phản, tô sáng, tông màu trung và bóng • Paper Types (Loại Giấy): Cấu hình các chế độ in tương ứng với các loại giấy mà máy in chấp nhận. • System Setup (Cài đặt Hệ thống): Thay đổi cài đặt mặc định hệ thống của máy in. • Supply Settings (Cài đặt mực in): Thay đổi các cài đặt cho cảnh báo Cartridge is low (Hộp mực in ở mức thấp) và các thông tin khác về mực in. • Service(Dịch vụ): Thực hiện thủ tục làm sạch trên máy in. • Save and Restore (Lưu và Khôi phục): Lưu cài đặt hiện tại của máy in vào một tệp trên máy tính. Dùng tệp này để nạp cùng thông số cài đặt vào máy in khác hoặc khôi phục các thông số này vào máy in sau này. • Administration (Quản trị): Đặt hoặc thay đổi mật khẩu máy in. Bật hoặc tắt các tính năng của máy in. <p>GHI CHÚ: Tab System (Hệ thống) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu. Nếu máy in này nằm trong một mạng, luôn hỏi ý kiến quản trị viên trước khi thay đổi cài đặt trên tab này.</p>
<p>Tab Print (In)</p> <p>Cung cấp khả năng thay đổi cài đặt in mặc định từ máy tính của bạn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Printing (In): Thay đổi các thông số cài đặt in mặc định của máy in, như số lượng bản sao và hướng giấy in. Các tùy chọn này tương tự như các tùy chọn hiện có trên bảng điều khiển. • PCL5c: Xem và thay đổi các thông số cài đặt PCL5c. • PostScript: Tắt hoặc bật tính năng Print PS Errors (Lỗi In PS).
<p>Tab Fax</p> <p>(Chỉ các máy in fax)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Receive Options (Tùy chọn Nhận): Cấu hình cách máy in xử lý các bản fax đến. • Phone Book (Danh bạ): Thêm hoặc xóa các mục trong danh bạ fax. • Junk Fax List (Danh sách Fax Rác): Đặt các số fax bị chặn không cho gửi fax đến máy in. • Fax Activity Log (Nhật ký Hoạt động fax): Xem lại các hoạt động fax gần đây của máy in.

Tab hoặc mục	Mô tả
<p>Tab Scan (Quét) (chỉ dành cho kiểu máy MFP)</p>	<p>Cấu hình các tính năng Scan to Network Folder (Quét vào Thư mục Mạng) và Scan to E-mail (Quét và gửi qua E-mail).</p> <ul style="list-style-type: none"> • Network Folder Setup (Cài đặt Thư mục Mạng): Cấu hình các thư mục trên mạng để máy in có thể lưu tập tin đã quét. • Scan to E-mail Setup (Quét và gửi qua e-mail): Bắt đầu quá trình cài đặt tính năng Scan to E-mail (Quét và gửi qua E-mail). • Outgoing E-mail Profiles (Cấu hình Email Gửi đi): Cài đặt một địa chỉ email sẽ xuất hiện trong địa chỉ "from" (từ địa chỉ) cho tất cả các email gửi từ máy in. • Default SMTP Configuration (Cấu hình SMTP mặc định): Thông tin cấu hình Máy chủ SMTP. • E-mail Address Book (Sổ Địa chỉ Email): Thêm hoặc xóa các mục trong sổ địa chỉ email. • Network Contacts Setup (Cài đặt Liên hệ Mạng): Cấu hình máy in để kết nối với một số địa chỉ mạng. • E-mail Options (Tùy chọn Email): Cấu hình dòng tiêu đề và nội dung thư mặc định. Cấu hình thông số quét mặc định cho email.
<p>Tab Networking (Hoạt động mạng) (Chỉ máy in được nối mạng) Cung cấp khả năng để thay đổi cài đặt mạng từ máy tính của bạn.</p>	<p>Quản trị viên mạng có thể sử dụng tab này để kiểm soát các cài đặt liên quan đến mạng cho máy in khi máy in được kết nối vào mạng IP. Tab này cũng cho phép quản trị viên mạng thiết lập chức năng Wi-Fi Direct. Tab này sẽ không xuất hiện nếu máy in được nối trực tiếp với máy tính.</p>
<p>Tab HP Web Services (Dịch vụ web HP)</p>	<p>Sử dụng tab này để thiết lập và sử dụng các công cụ Web khác nhau với máy in.</p>

Cấu hình nâng cao với Tiện ích HP cho OS X

Sử dụng Tiện ích HP để kiểm tra trạng thái máy in hoặc để xem hoặc thay đổi các cài đặt của máy in từ máy tính của bạn.

Bạn có thể sử dụng Tiện ích HP khi máy in được kết nối bằng cáp USB hoặc được kết nối với mạng hoạt động dựa trên giao thức TCP/IP.

Mở Tiện ích HP

1. Trên máy tính, mở menu **System Preferences** (Tùy chọn Hệ thống), rồi nhấp **Print & Fax** (In & Fax), **Print & Scan** (In & Quét) hoặc **Printers & Scanners** (Máy in & Máy quét).
2. Chọn máy in từ danh sách.
3. Nhấp nút **Options & Supplies** (Tùy chọn & Mực in).
4. Nhấp tab **Utility** (Tiện ích).
5. Nhấp nút **Open Printer Utility** (Mở Tiện ích Máy in).

Các tính năng của Tiện ích HP

Thanh công cụ của Tiện ích HP bao gồm các mục sau:

- **Devices** (Thiết bị): Nhấp nút này để hiển thị hoặc ẩn sản phẩm Mac do Tiện ích HP tìm thấy.
- **All Settings** (Tất cả Cài đặt): Nhấp nút này để trở lại giao diện chính của Tiện ích HP.
- **HP Support** (Hỗ trợ HP): Nhấp nút này để mở trình duyệt và đi đến trang Web hỗ trợ của HP.
- **Supplies** (Mực in): Nhấp nút này để mở trang Web HP SureSupply.
- **Registration** (Đăng ký): Nhấp nút này để mở trang Web đăng ký của HP.
- **Recycling** (Tái chế): Nhấp nút này để mở trang Web Chương trình Tái chế Đối tác Toàn cầu của HP.

Tiện ích HP bao gồm nhiều trang mà bạn có thể mở bằng cách bấm vào danh sách **All Settings** (Tất cả Cài đặt). Bảng sau mô tả các tác vụ bạn có thể thực hiện với Tiện ích HP.

Mục	Mô tả
Supplies Status (Tình trạng Mực in)	Hiển thị tình trạng mực in của máy in và cung cấp các liên kết để đặt mua mực in trực tuyến.
Device Information (Thông tin thiết bị)	Hiển thị thông tin về máy in hiện đang được chọn, bao gồm ID dịch vụ (nếu được gán) của máy in, phiên bản chương trình cơ sở (Phiên bản FW), Số Sê-ri và địa chỉ IP.
Commands (Lệnh)	Gửi các ký tự đặc biệt hoặc các lệnh in đến máy in sau lệnh in. GHI CHÚ: Tùy chọn này chỉ có sẵn sau khi bạn mở menu View (Dạng xem) và chọn mục Show Advanced Options (Hiện tùy chọn nâng cao).
Color Usage (Sử dụng màu) (Chỉ các máy in màu)	Hiển thị thông tin về các lệnh màu mà máy in đã tạo.

Mục	Mô tả
File Upload (Tải lên tệp)	Chuyển các tệp từ máy tính đến máy in. Bạn có thể tải lên những loại tệp sau: <ul style="list-style-type: none"> Ngôn ngữ lệnh máy in HP LaserJet (.PRN) Định dạng tài liệu khả chuyển (.PDF) Postscript (.PS) Văn bản (.TXT)
Power Management (Quản lý Nguồn điện)	Cấu hình các cài đặt tiết kiệm của máy in.
Update Firmware (Cập nhật chương trình cơ sở)	Chuyển tệp cập nhật chương trình cơ sở sang máy in. GHI CHÚ: Tùy chọn này chỉ có sẵn sau khi bạn mở menu View (Dạng xem) và chọn mục Show Advanced Options (Hiện tùy chọn nâng cao).
HP Connected (Được kết nối với HP)	Truy cập trang Web HP Connected.
Upload Fonts (Tải lên phông chữ)	Tải lên phông chữ từ máy tính đến máy in.
Message Center (Trung tâm Thông báo)	Hiển thị các sự kiện lỗi xảy ra với máy in.
Duplex Mode (Chế độ in hai mặt)	Bật chế độ in hai mặt tự động.
Network Settings (Cài đặt mạng) (Chỉ máy in được nối mạng)	Cấu hình cài đặt mạng chẳng hạn như IPv4 settings (cài đặt IPv4), IPv6 settings (cài đặt IPv6), Bonjour settings (cài đặt Chào hỏi) và các cài đặt.
Supplies Management (Quản lý mực in)	Cấu hình cách hoạt động của máy in khi mực in gần như đã hết thời gian sử dụng.
Trays Configuration (Cấu hình khay)	Đổi loại và cỡ giấy cho từng khay.
Additional Settings (Cài đặt thêm)	Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP cho máy in. GHI CHÚ: Không hỗ trợ kết nối USB.
Proxy Server Settings (Cài đặt máy chủ proxy)	Cấu hình máy chủ proxy dành cho máy in.
Basic Fax Settings (Cài đặt fax cơ bản) (chỉ dành cho kiểu máy fax MFP)	Thiết lập trường trong tiêu đề fax và cấu hình cách máy in trả lời các cuộc gọi đến.
Fax Forwarding (Chuyển tiếp fax) (chỉ dành cho kiểu máy fax MFP)	Cài đặt máy in gửi các fax gọi đến đến một số khác.
Fax Logs (Nhật ký fax) (chỉ dành cho kiểu máy fax MFP)	Xem nhật ký tất cả các fax.
Fax Speed Dials (Quay số nhanh fax) (chỉ dành cho kiểu máy fax MFP)	Thêm các số fax vào danh sách quay số nhanh.
Junk Fax Blocking (Khóa fax quảng cáo) (chỉ dành cho kiểu máy fax MFP)	Lưu các số fax mà bạn muốn khóa.

Mục	Mô tả
Scan to E-mail (Quét và gửi qua Email) (Chỉ các máy in MFP)	Mở trang Máy chủ Web Nhúng HP (EWS) để cấu hình cài đặt cho việc quét và gửi qua email.
Scan to Network Folder (Quét vào Thư mục Mạng) (Chỉ các máy in MFP)	Mở trang Máy chủ Web Nhúng HP (EWS) để cấu hình cài đặt cho việc quét vào thư mục mạng.

Định cấu hình cài đặt mạng IP

- [Giới thiệu](#)
- [Từ chối dùng chung máy in](#)
- [Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng](#)
- [Đổi tên máy in trên mạng](#)
- [Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công](#)
- [Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết](#)

Giới thiệu





Tham khảo các phần dưới đây để cấu hình cài đặt mạng của máy in.

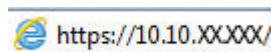
Từ chối dùng chung máy in


HP không hỗ trợ mạng ngang hàng, vì tính năng là của hệ điều hành Microsoft, không phải của trình điều khiển máy in HP. Hãy vào trang web của Microsoft www.microsoft.com.

Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng

Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP để xem hoặc thay đổi các cài đặt cấu hình IP.

1. Mở Máy chủ Web HP Nhúng (EWS):
 - a. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút Connection Information  /  (Thông tin Kết nối) rồi chạm vào nút **Network Connected**  (Mạng Được kết nối) hoặc nút **Network Wi-Fi ON**  (Bật Mạng Wi-Fi) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
 - b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



 **GHI CHÚ:** Nếu Trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, hãy nhấn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).





Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.

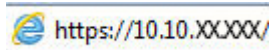
2. Nhấp tab **Networking** (Hoạt động Mạng) để lấy thông tin mạng. Bạn có thể thay đổi các cài đặt khi cần.


Đổi tên máy in trên mạng

Để đổi tên máy in trên mạng để có thể xác định duy nhất sản phẩm, hãy sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP.

1. Mở Máy chủ Web HP Nhúng (EWS):

- Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút Connection Information  /  (Thông tin Kết nối) rồi chạm vào nút **Network Connected**  (Mạng Được kết nối) hoặc nút **Network Wi-Fi ON**  (Bật Mạng Wi-Fi) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
- Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.


 <https://10.10.XX.XXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu Trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, hãy nhấn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.

2. Nhấp vào tab **System** (Hệ thống).


3. Trên trang **Device Information** (Thông tin Thiết bị), tên máy in mặc định nằm trong trường **Device Description** (Mô tả Thiết bị). Bạn có thể thay đổi tên này để xác định duy nhất máy in này.

 **GHI CHÚ:** Không bắt buộc phải hoàn tất các trường khác trên trang này.


4. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng) để lưu các thay đổi.

Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công


Sử dụng các menu trên panen điều khiển để đặt địa chỉ IPv4, mặt nạ mạng cấp dưới, và cổng mặc định theo cách thủ công.


- Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút **Setup**  (Cài đặt).
- Cuộn xuống và chạm vào menu **Network Setup** (Cài đặt Mạng).
- Chạm vào menu **IPv4 Config Method** (Phương pháp Cấu hình IPv4), sau đó chạm vào nút **Manual** (Thủ công).
- Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập địa chỉ IP và chạm nút **OK**. Chạm nút **Yes** (Có) để xác nhận.
- Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập mặt nạ mạng phụ và chạm nút **OK**. Chạm nút **Yes** (Có) để xác nhận.
- Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập cổng mặc định và chạm nút **OK**. Chạm nút **Yes** (Có) để xác nhận.


Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết

 **GHI CHÚ:** Thông tin này chỉ áp dụng cho mạng Ethernet. Thông tin này không áp dụng cho mạng không dây.

Tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu của máy chủ in phải phù hợp với hub mạng. Nên để máy in ở chế độ tự động trong hầu hết các trường hợp. Các thay đổi không đúng đối với cài đặt tốc độ liên kết và in hai mặt có thể ngăn máy in không truyền tín hiệu được với các thiết bị mạng khác. Để thực hiện thay đổi, hãy sử dụng bảng điều khiển của máy in.

 **GHI CHÚ:** Cài đặt của máy in phải khớp với cài đặt cho thiết bị mạng (hub mạng, thiết bị chuyển mạch, cổng nối, bộ định tuyến, hoặc máy tính).

 **GHI CHÚ:** Khi thay đổi những cài đặt này, máy in sẽ tắt đi, sau đó lại bật lại. Chỉ thay đổi khi máy in chạy không (nhàn rỗi).

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, vuốt cho đến khi menu **Setup** (Cài đặt) hiển thị. Chạm vào biểu tượng **Setup**  (Cài đặt) để mở menu.
2. Mở các menu sau:
 - **Network Setup (Cài đặt mạng)**
 - **Tốc độ Liên kết**
3. Chọn một trong các tùy chọn sau:
 - **Automatic** (Tự động): Máy chủ in tự động cấu hình chính bản thân máy sao cho đạt được tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu tốt nhất mà máy được phép có trên mạng.
 - **10T Full** (10T đầy đủ): Truyền song công, 10 megabyte mỗi giây (Mbps)
 - **10T Half** (10T một nửa): Truyền bán song công, 10 Mbps
 - **100TX Full** (100TX đầy đủ): Truyền song công, 100 Mbps
 - **100TX Half** (100TX một nửa): Truyền bán song công, 100 Mbps
 - **1000T Full** (1000T đầy đủ): Truyền song công, 1000 Mbps
4. Chạm vào nút **Save** (Lưu) hoặc bấm nút **OK**. Máy in sẽ tắt, sau đó bật lại.

Các tính năng bảo mật của máy in

Giới thiệu





Máy in bao gồm một số tính năng bảo mật để giới hạn ai có quyền truy cập để lập cấu hình các cài đặt, để bảo mật dữ liệu và để ngăn không cho truy cập vào các thành phần phần cứng có giá trị.


- [Gán hoặc thay đổi mật khẩu hệ thống bằng Máy chủ web nhúng HP](#)
- [Khóa bộ định dạng](#)


Gán hoặc thay đổi mật khẩu hệ thống bằng Máy chủ web nhúng HP

Gán một mật khẩu của quản trị viên để truy cập vào máy in và Máy chủ web nhúng của HP để người dùng không được phép không thể thay đổi cài đặt của máy in.

1. Mở Máy chủ Web HP Nhúng (EWS):


- Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút Connection Information  /  (Thông tin Kết nối) rồi chạm vào nút **Network Connected**  (Mạng Được kết nối) hoặc nút **Network Wi-Fi ON**  (Bật Mạng Wi-Fi) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
- Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XX.XXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu Trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, hãy nhấn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.

- Trên tab **System** (Hệ thống), nhấp vào liên kết **Administration** (Quản trị) ở ngăn dẫn hướng bên trái.
- Trong khu vực có nhãn là **Product Security** (Bảo mật sản phẩm), hãy nhập mật khẩu vào trường **Password** (Mật khẩu).
- Nhập lại mật khẩu vào trường **Confirm Password** (Xác nhận mật khẩu).
- Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng).

 **GHI CHÚ:** Ghi lại mật khẩu và để ở nơi an toàn.

Khóa bộ định dạng

Bạn có thể gắn cáp bảo mật vào khe trên bộ định dạng. Khóa bộ định dạng ngăn không cho ai đó tháo các thành phần có giá trị ra khỏi bộ định dạng.

Các cài đặt bảo tồn năng lượng

- [Giới thiệu](#)
- [In bằng EconoMode](#)
- [Cấu hình cài đặt Sleep/Auto Off After \(Tắt chế độ Nghỉ/Tự động sau\)](#)
- [Đặt hoãn Shut Down After \(Tắt Máy Sau\) và lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn](#)
- [Cấu hình cài đặt Delay Shut Down \(Hoãn Tắt Máy\)](#)


Giới thiệu

Máy in có một số tính năng tiết kiệm để bảo tồn năng lượng và mực in.

In bằng EconoMode

Máy in này có tùy chọn EconoMode (Chế độ Tiết kiệm) dành cho việc in các bản tài liệu nháp. Sử dụng Chế độ Tiết kiệm có thể sử dụng ít bột mực hơn. Tuy nhiên, sử dụng Chế độ Tiết kiệm cũng có thể làm giảm chất lượng in.

HP không khuyến nghị việc sử dụng thường xuyên Chế độ tiết kiệm (EconoMode). Nếu lúc nào cũng sử dụng Chế độ Tiết kiệm, nguồn bột mực có thể dùng được lâu hơn so với các bộ phận máy móc khác trong hộp mực. Nếu chất lượng in bắt đầu giảm và không còn chấp nhận được, hãy cân nhắc thay thế hộp mực in.


 **GHI CHÚ:** Nếu tùy chọn này không sẵn có trong trình điều khiển in của bạn, bạn có thể thiết lập tùy chọn bằng cách sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Bấm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Đánh dấu vào ô **EconoMode**.

Cấu hình cài đặt Sleep/Auto Off After (Tắt chế độ Nghỉ/Tự động sau)


Sử dụng các menu bảng điều khiển để đặt khoảng thời gian nhàn rỗi trước khi máy in sang chế độ nghỉ.

Hoàn tất quy trình sau để thay đổi cài đặt Sleep/Auto Off After (Tắt chế độ Nghỉ/Tự động sau):


1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, vuốt cho đến khi menu **Setup** (Cài đặt) hiển thị. Chạm vào biểu tượng **Setup**  (Cài đặt) để mở menu.
2. Mở các menu sau:
 - [Cài đặt Hệ thống](#)
 - [Cài đặt Năng lượng](#)
 - [Sleep/Auto Off After \(Tắt chế độ Nghỉ/Tự động sau\)](#)
3. Chọn thời gian hoãn Sleep/Auto Off (Tắt chế độ Nghỉ/Tự động).

Đặt hoãn Shut Down After (Tắt Máy Sau) và lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn

Sử dụng các menu bảng điều khiển để đặt khoảng thời gian trước khi máy in tắt.

 **GHI CHÚ:** Sau khi máy in tắt, mức tiêu thụ điện là 1 watt hoặc ít hơn.

Hoàn tất quy trình sau để thay đổi cài đặt Shut Down After Delay (Hoãn Tắt Máy Sau):


1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, vuốt cho đến khi menu **Setup** (Cài đặt) hiển thị. Chạm vào biểu tượng **Setup**  (Cài đặt) để mở menu.
2. Mở các menu sau:
 - [Cài đặt Hệ thống](#)
 - [Cài đặt Năng lượng](#)
 - [Shut Down After \(Tắt Máy Sau\)](#)
3. Chọn thời gian hoãn Shut Down After (Tắt Máy Sau).

 **GHI CHÚ:** Giá trị mặc định là **4 hours** (4 giờ).

Cấu hình cài đặt Delay Shut Down (Hoãn Tắt Máy)

Sử dụng các menu bảng điều khiển để chọn máy in có trì hoãn tắt máy sau khi nút nguồn được ấn hay không.

Hoàn tất quy trình sau để thay đổi cài đặt Delay Shut Down (Hoãn Tắt Máy):

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, vuốt cho đến khi menu **Setup** (Cài đặt) hiển thị. Chạm vào biểu tượng **Setup**  (Cài đặt) để mở menu.
2. Mở các menu sau:
 - [System Setup \(Cài đặt Hệ thống\)](#)
 - [Energy Settings \(Cài đặt Năng lượng\)](#)
 - [Delay Shut Down \(Hoãn Tắt Máy\)](#)
3. Chọn một trong các tùy chọn hoãn:
 - [No Delay \(Không Hoãn\)](#): Máy in sẽ tắt sau khoảng thời gian không hoạt động được xác định trong cài đặt Shut Down After (Tắt Máy Sau).
 - [When Ports Are Active \(Khi Cổng Đang Hoạt Động\)](#): Khi tùy chọn này được chọn, máy in sẽ không tắt nếu có bất kỳ hoạt động nào trên cổng. Máy in sẽ không tắt khi có một liên kết mạng hoặc kết nối fax hiện hoạt.

HP Web Jetadmin

HP Web Jetadmin là công cụ dẫn đầu trong ngành, giành được giải thưởng cho việc quản lý hiệu quả hàng loạt các sản phẩm HP nối mạng, bao gồm máy in, máy in đa năng và thiết bị gửi kỹ thuật số. Giải pháp đơn nhất này cho phép bạn cài đặt, giám sát, bảo trì, xử lý sự cố và bảo mật từ xa cho môi trường in và xử lý hình ảnh của mình - cuối cùng là tăng năng suất của doanh nghiệp bằng cách giúp bạn tiết kiệm thời gian, kiểm soát chi phí và bảo vệ vốn đầu tư của bạn.

Các bản nâng cấp HP Web Jetadmin được đưa ra định kỳ để hỗ trợ cho các tính năng sản phẩm cụ thể. Hãy truy cập www.hp.com/go/webjetadmin để biết thêm thông tin.

Cập nhật chương trình cơ sở


HP cung cấp các cập nhật máy in định kỳ, ứng dụng Dịch vụ Web mới và các tính năng mới cho các ứng dụng Dịch vụ Web hiện có. Làm theo các bước này để cập nhật chương trình cơ sở máy in cho một máy in duy nhất. Khi bạn cập nhật chương trình cơ sở, ứng dụng Dịch vụ Web sẽ tự động cập nhật.


Có hai phương pháp được hỗ trợ để thực hiện cập nhật chương trình cơ sở trên máy in này. Chỉ dùng một trong các phương pháp sau đây để cập nhật chương trình cơ sở máy in.

Phương pháp một: Cập nhật chương trình cơ sở bằng bảng điều khiển

Dùng các bước sau để tải chương trình cơ sở từ bảng điều khiển (chỉ dành cho các máy in được nối mạng) và/hoặc đặt máy in tự động tải các cập nhật chương trình cơ sở trong tương lai. Đối với các máy in được kết nối với USB, hãy bỏ qua để tới phương pháp hai.


1. Đảm bảo máy in được kết nối với mạng có dây (Ethernet) hoặc không dây với một kết nối Internet hoạt động.

 **GHI CHÚ:** Máy in phải được kết nối với internet để cập nhật chương trình cơ sở qua kết nối mạng.


2. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút **Setup**  (Cài đặt).
3. Cuộn tới và mở menu **Service** (Dịch vụ), sau đó mở menu **LaserJet Update** (Cập nhật LaserJet).

 **GHI CHÚ:** Nếu không thấy tùy chọn **LaserJet Update** (Cập nhật LaserJet) được liệt kê, hãy dùng phương pháp hai.

4. Chạm vào **Check for Updates Now** (Kiểm tra cập nhật ngay bây giờ) để kiểm tra cập nhật.

 **GHI CHÚ:** Máy in tự động kiểm tra bản cập nhật và nếu phát hiện thấy phiên bản mới hơn, quá trình cập nhật sẽ tự động bắt đầu.

5. Đặt máy in tự động cập nhật chương trình cơ sở khi có sẵn bản cập nhật.


Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút **Setup**  (Cài đặt).

Cuộn tới và mở menu **Service** (Dịch vụ), mở menu **LaserJet Update** (Cập nhật LaserJet), sau đó chọn menu **Manage Updates** (Quản lý cập nhật).

Đặt tùy chọn **Allow Updates** (Cho phép cập nhật) thành **YES** (Có), sau đó đặt tùy chọn **Check automatically** (Kiểm tra tự động) thành **ON** (BẬT).


Phương pháp hai: Cập nhật chương trình cơ sở bằng Tiện ích cập nhật chương trình cơ sở

Dùng các bước này để tải xuống và cài đặt thủ công Tiện ích cập nhật chương trình cơ sở tại HP.com.

 **GHI CHÚ:** Phương pháp này là tùy chọn cập nhật chương trình cơ sở duy nhất có sẵn cho các máy in được kết nối với máy tính qua cáp USB. Nó cũng hoạt động cho các máy in được nối mạng.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải cài đặt trình điều khiển in để sử dụng phương pháp này.

1. Đi tới www.hp.com/go/support, bấm vào liên kết **Drivers & Software** (Trình điều khiển & Phần mềm), gõ tên máy in trong trường tìm kiếm, bấm nút **ENTER**, sau đó chọn máy in từ danh sách kết quả tìm kiếm.
2. Chọn hệ điều hành.
3. Bên dưới mục **Firmware** (Chương trình cơ sở), xác định **Firmware Update Utility** (Tiện ích cập nhật chương trình cơ sở).
4. Bấm **Download** (Tải xuống), bấm **Run** (Chạy), sau đó bấm lại vào **Run** (Chạy).
5. Khi tiện ích khởi chạy, chọn máy in từ danh sách thả xuống, sau đó bấm **Send Firmware** (Gửi chương trình cơ sở).

 **GHI CHÚ:** Để in trang cấu hình nhằm xác minh phiên bản chương trình cơ sở được cài đặt trước và sau quá trình cập nhật, bấm **Print Config** (In cấu hình).

6. Làm theo các hướng dẫn trên màn hình để hoàn thành quá trình cài đặt, sau đó bấm nút **Exit** (Thoát) để đóng tiện ích.

9 Giải quyết sự cố

- [Hỗ trợ khách hàng](#)
- [Hệ thống trợ giúp bảng điều khiển](#)
- [Khôi phục cài đặt mặc định gốc](#)
- [Thông báo “Cartridge is low” \(Hộp mực in ở mức thấp\) hoặc “Cartridge is very low” \(Hộp mực in gần hết\) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in](#)
- [Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai](#)
- [Xử lý kẹt giấy](#)
- [Cải thiện chất lượng in](#)
- [Cải thiện chất lượng hình ảnh sao chép và quét](#)
- [Cải thiện chất lượng hình ảnh fax](#)
- [Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây](#)
- [Giải quyết sự cố xảy ra với mạng không dây](#)
- [Giải quyết sự cố khi fax](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Hỗ trợ khách hàng

Nhận hỗ trợ qua điện thoại cho quốc gia/vùng của bạn	Bạn có thể xem các số điện thoại cho mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ trên tờ rơi đi kèm trong hộp máy in hoặc xem tại www.hp.com/support/ .
Chuẩn bị sẵn sàng tên máy in, số sê-ri, ngày mua hàng và thông tin mô tả sự cố	
Được hỗ trợ Internet 24 giờ và tải xuống các tiện ích và trình điều khiển phần mềm	www.hp.com/support/ljM426MFP , www.hp.com/support/ljM427MFP
Đặt mua thêm dịch vụ HP hoặc đặt hợp đồng bảo trì	www.hp.com/go/carepack
Đăng ký máy in	www.register.hp.com

Hệ thống trợ giúp bằng điều khiển

Máy in có hệ thống Trợ giúp cài sẵn giải thích cách sử dụng từng màn hình. Để mở hệ thống Trợ giúp, hãy chạm vào nút **?** Trợ giúp ở góc trên bên phải màn hình.



Đối với một số màn hình, phần Trợ giúp mở ra một menu chung để bạn có thể tìm kiếm các chủ đề cụ thể. Bạn có thể duyệt qua cấu trúc menu bằng cách chạm vào các nút trong menu.

Một số màn hình Trợ giúp có cả hình động sẽ hướng dẫn bạn thực hiện các quy trình, chẳng hạn như gỡ giấy kẹt.


Đối với các màn hình bao gồm phần cài đặt cho mỗi lệnh in, phần Trợ giúp sẽ mở ra một chủ đề giải thích các tùy chọn cho màn hình đó.

Nếu máy in báo lỗi hoặc đưa ra cảnh báo, hãy chạm vào nút **?** Trợ giúp để mở thông báo mô tả sự cố. Thông báo cũng chứa hướng dẫn giúp giải quyết sự cố.

Khôi phục cài đặt mặc định gốc

Khôi phục cài đặt mặc định gốc sẽ trả tất cả các thông số cài đặt mạng và máy in về mặc định gốc. Máy in sẽ không đặt lại số trang hoặc kích thước khay. Để khôi phục máy in về các giá trị cài đặt mặc định, hãy thực hiện theo các bước sau.

⚠ THẬN TRỌNG: Khôi phục cài đặt mặc định gốc sẽ trả tất cả các thông số cài đặt về mặc định gốc đồng thời xóa bất kỳ trang nào được lưu trữ trong bộ nhớ.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, vuốt cho đến khi menu **Setup** (Cài đặt) hiển thị. Chạm vào biểu tượng **Setup**  (Cài đặt) để mở menu.
2. Cuộn đến và chọn menu **Service** (Dịch vụ).
3. Cuộn xuống và chọn **Restore Defaults** (Khôi phục mặc định), sau đó chạm vào nút **OK**.

Máy in sẽ tự động khởi động lại.

Thông báo “Cartridge is low” (Hộp mực in ở mức thấp) hoặc “Cartridge is very low” (Hộp mực in gần hết) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in

Cartridge is low (Hộp mực in ở mức thấp): Máy in sẽ cho biết khi một hộp mực in còn ít. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực in ngay lúc này.


Tiếp tục in bằng hộp mực hiện thời cho tới khi việc phân phối lại bột mực không cho ra chất lượng in chấp nhận được. Để phân phối lại bột mực, tháo hộp mực in ra khỏi máy in và lắc nhẹ hộp mực qua lại theo trục ngang. Vui lòng đọc các hướng dẫn thay thế hộp mực để xem hình ảnh biểu diễn đồ họa. Lắp lại hộp mực in vào máy in và đóng nắp.

Cartridge is very low (Hộp mực in gần hết): Máy in sẽ cho biết khi một hộp mực in gần hết. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực in ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được.

Khi hộp mực in HP **Gần hết**, Bảo hành Bảo vệ đặc biệt của HP trên hộp mực in đó sẽ chấm dứt.

Thay đổi cài đặt “Very Low” (Gần hết)

Bạn có thể thay đổi cách máy in phản ứng khi mực in ở tình trạng Gần hết. Bạn không phải thiết lập lại các cài đặt này khi bạn cài đặt một hộp mực in mới.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, vuốt cho đến khi menu **Setup** (Cài đặt) hiển thị. Chạm vào biểu tượng **Setup**  (Cài đặt) để mở menu.
2. Mở các menu sau:
 - **Cài đặt Hệ thống**
 - **Cài đặt Mực in**
 - **Black Cartridge** (Hộp mực đen) hoặc **Color Cartridge** (Hộp mực màu)
 - **Cài đặt cho mức Gần hết**
3. Chọn một trong các tùy chọn sau:
 - Chọn tùy chọn **Continue** (Tiếp tục) để đặt máy in thành sẽ cảnh báo khi hộp mực gần hết nhưng vẫn tiếp tục in.
 - Chọn tùy chọn **Stop** (Dừng) để đặt máy in thành sẽ dừng in cho đến khi bạn thay thế hộp mực.
 - Chọn tùy chọn **Prompt** (Nhắc) để đặt máy in thành sẽ ngừng in và nhắc bạn thay thế hộp mực. Bạn có thể xác nhận lời nhắc và tiếp tục in. Tùy chọn mà khách hàng có thể định cấu hình trên máy in này là "Prompt to Remind Me in 100 pages, 200 pages, 300 pages, 400 pages, or never." ("Nhắc tôi khi in được 100 trang, 200 trang, 300 trang, 400 trang hoặc không bao giờ nhắc".) Tùy chọn này được cung cấp nhằm để thuận tiện cho khách hàng và không ám chỉ rằng các trang này sẽ có chất lượng in có thể chấp nhận được.

Đối với các máy in có tính năng fax

Khi máy in được đặt về tùy chọn **Stop** (Dừng) hoặc **Prompt** (Nhắc), có một vài nguy cơ là các bản fax sẽ không in được khi máy in tiếp tục in. Điều này có thể xảy ra nếu máy in đã nhận được số bản fax nhiều hơn khả năng lưu giữ của bộ nhớ trong khi máy in đang chờ.

Máy in có thể in các bản fax mà không bị gián đoạn khi vượt ngưỡng Gần hết nếu bạn chọn tùy chọn **Continue** (Tiếp tục) cho hộp mực in nhưng chất lượng in có thể giảm xuống.

Đặt hàng nguồn cung cấp

Đặt hàng nguồn cung cấp và giấy	www.hp.com/go/suresupply
Đặt hàng qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.
Đặt hàng bằng máy chủ Web nhúng của HP (EWS)	Để truy cập, trong trình duyệt web được hỗ trợ trên máy tính của bạn, hãy nhập địa chỉ IP của máy in hoặc tên máy chủ trong trường địa chỉ/URL. EWS chứa liên kết tới trang web HP SureSupply, nơi cung cấp các tùy chọn mua hộp mực HP gốc.

Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai

Giới thiệu

Các giải pháp sau đây có thể giúp giải quyết sự cố nếu máy in không nạp giấy từ khay hoặc nạp nhiều giấy cùng một lúc. Một trong hai trường hợp này có thể gây kẹt giấy.


- [Máy in không nạp giấy](#)
- [Máy in nạp nhiều giấy](#)
- [Kẹt khay nạp tài liệu, lệch, hoặc nhặt nhiều tờ giấy.](#)
- [Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu](#)

Máy in không nạp giấy

Nếu máy in không nạp giấy từ khay, hãy thử các giải pháp sau.

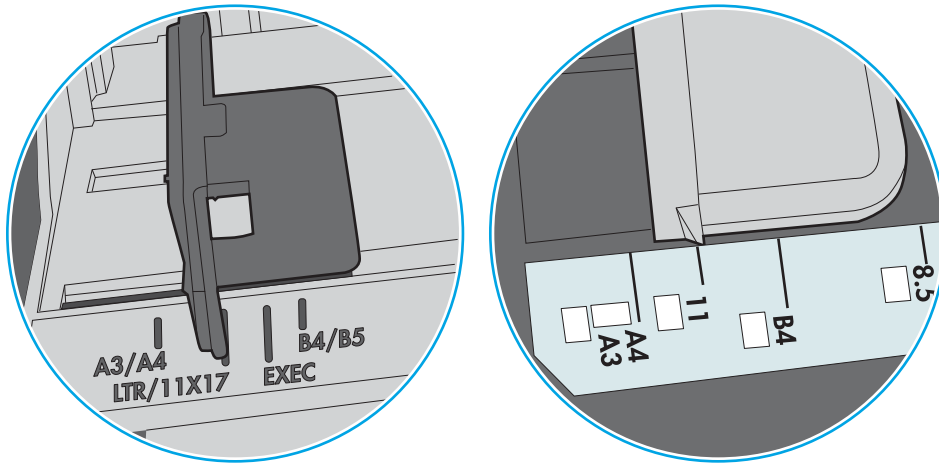
1. Mở máy in và gỡ hết giấy bị kẹt ra. Kiểm tra xem có mảnh vụn giấy rách nào còn kẹt lại bên trong máy in không.
2. Nạp khay với giấy có kích thước chính xác cho lệnh in.
3. Hãy đảm bảo rằng loại và khổ giấy được cài chính xác trên bảng điều khiển của máy in.

4. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay. Mũi tên trên thanh dẫn khay phải đặt thẳng hàng với dấu đánh trên khay.

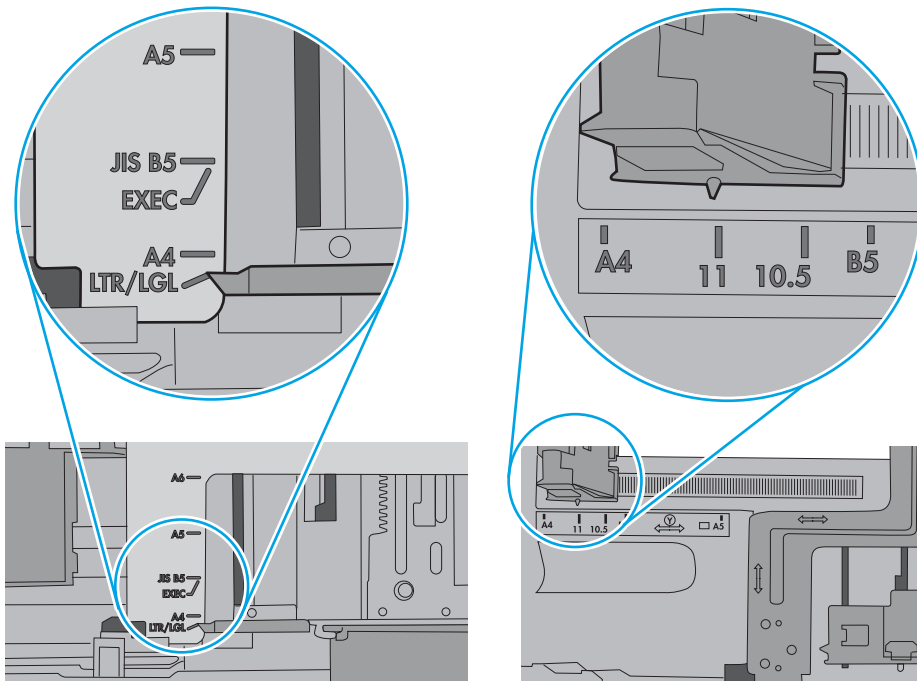
 **GHI CHÚ:** Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu kích thước giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này.

Hình 9-1 Dấu kích thước cho Khay 1 hoặc khay đa năng



Hình 9-2 Dấu kích thước cho khay băng từ

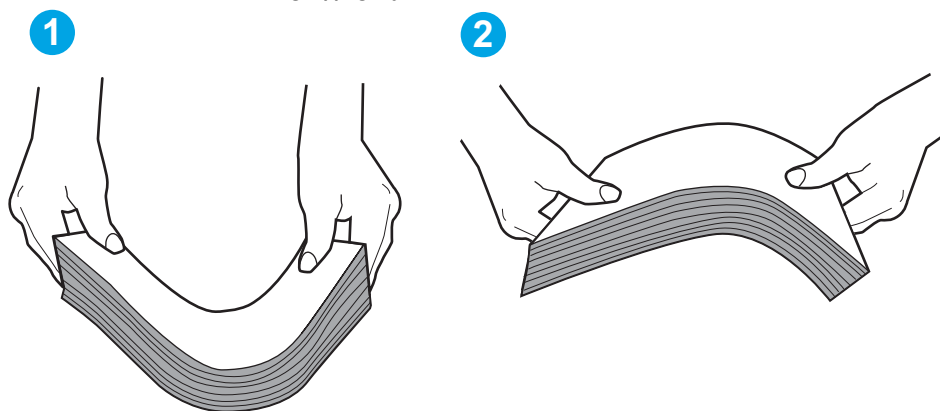


5. Xác minh độ ẩm trong phòng có nằm trong phạm vi thông số kỹ thuật dành cho máy in không và giấy có đang được lưu trong các gói bị đóng kín. Hầu hết ram giấy được bán trong bao gói cách ẩm để giữ cho giấy luôn khô.

Trong môi trường có độ ẩm cao, giấy nằm ở trên cùng của tập giấy trong khay có thể hấp thu độ ẩm và bề mặt giấy có thể bị nhăn nheo hoặc không đều. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ 5 đến 10 trang trên cùng của tập giấy ra.

Trong môi trường có độ ẩm thấp, thừa tĩnh điện có thể làm cho các trang giấy dính với nhau. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy bằng cách giữ hai đầu của tập giấy và uốn lên theo hình chữ U. Sau đó, xoay hai đầu xuống ngược hình chữ U. Tiếp theo, giữ mỗi đầu của tập giấy và lặp lại quá trình này. Quá trình này giúp tách giấy ra thành từng tờ riêng lẻ mà không cần đưa ra tĩnh điện. Làm phẳng tập giấy trên mặt bàn trước khi bỏ tập giấy vào khay lại.

Hình 9-3 Cách uốn cong tập giấy

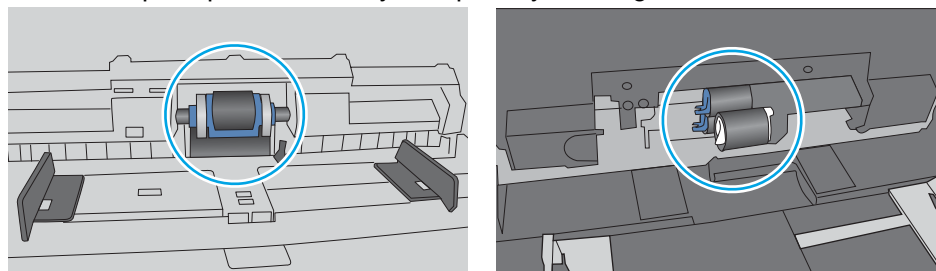


6. Kiểm tra bảng điều khiển máy in để xem máy có đang hiển thị lời nhắc nạp giấy theo cách thủ công hay không. Nạp giấy và tiếp tục.
7. Trục lăn trên khay có thể bị bụi bẩn. Lau sạch trục lăn bằng miếng vải không có xơ được làm ẩm bằng nước ấm. Sử dụng nước cất, nếu có.

⚠ THẬN TRỌNG: Không phun nước trực tiếp lên máy in. Thay vào đó, hãy phun nước trên vải hoặc nhúng miếng vải vào nước và vắt hết nước ra trước khi lau sạch trục lăn.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về vị trí trục lăn cho nhiều máy in khác nhau.


Hình 9-4 Vị trí trục lăn cho Khay 1 hoặc khay đa năng



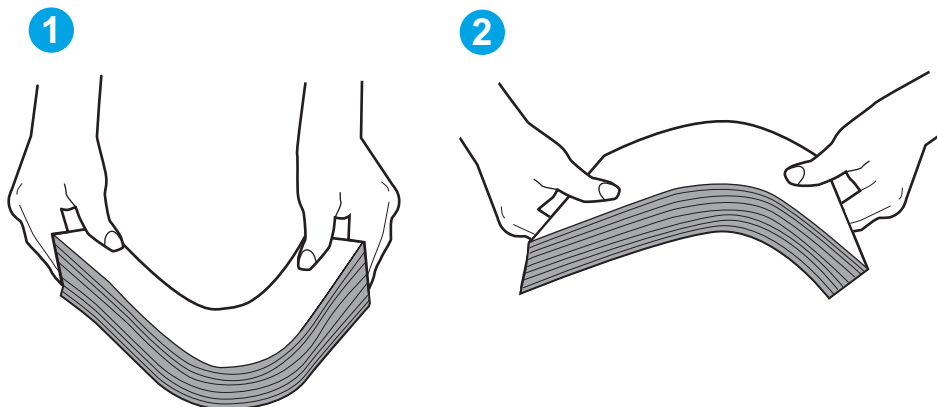
Máy in nạp nhiều giấy

Nếu máy in nạp nhiều giấy từ khay, hãy thử những giải pháp sau.

1. Lấy tập giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy, xoay tập giấy 180 độ, rồi lật lại. *Không xòe giấy ra*. Đưa tập giấy vào lại khay.

 **GHI CHÚ:** Xòe giấy ra để đưa ra tĩnh điện. Thay vì xòe giấy ra, hãy uốn cong tập giấy bằng cách giữ hai đầu của tập giấy và uốn lên theo hình chữ U. Sau đó, xoay hai đầu xuống ngược hình chữ U. Tiếp theo, giữ mỗi đầu của tập giấy và lặp lại quá trình này. Quá trình này giúp tách giấy ra thành từng tờ riêng lẻ mà không cần đưa ra tĩnh điện. Làm phẳng tập giấy trên mặt bàn trước khi bỏ tập giấy vào khay lại.

Hình 9-5 Cách uốn cong tập giấy



2. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật của HP cho máy in này.
3. Xác minh độ ẩm trong phòng có nằm trong phạm vi thông số kỹ thuật dành cho máy in không và giấy có đang được lưu trong các gói bị đóng kín. Hầu hết ram giấy được bán trong bao gói cách ẩm để giữ cho giấy luôn khô.

Trong môi trường có độ ẩm cao, giấy nằm ở trên cùng của tập giấy trong khay có thể hấp thu độ ẩm và bề mặt giấy có thể bị nhăn nheo hoặc không đều. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ 5 đến 10 trang trên cùng của tập giấy ra.

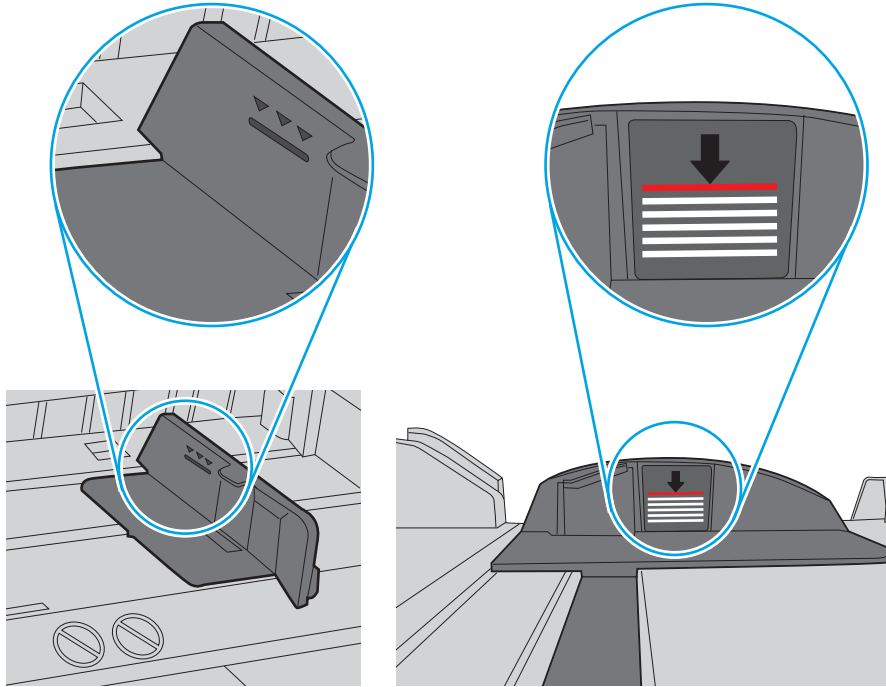
Trong môi trường có độ ẩm thấp, thừa tĩnh điện có thể làm cho các trang giấy dính với nhau. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy như được mô tả ở trên.

4. Sử dụng giấy không bị nhăn, bị gập hoặc bị hỏng. Nếu cần, hãy sử dụng giấy từ gói giấy khác.

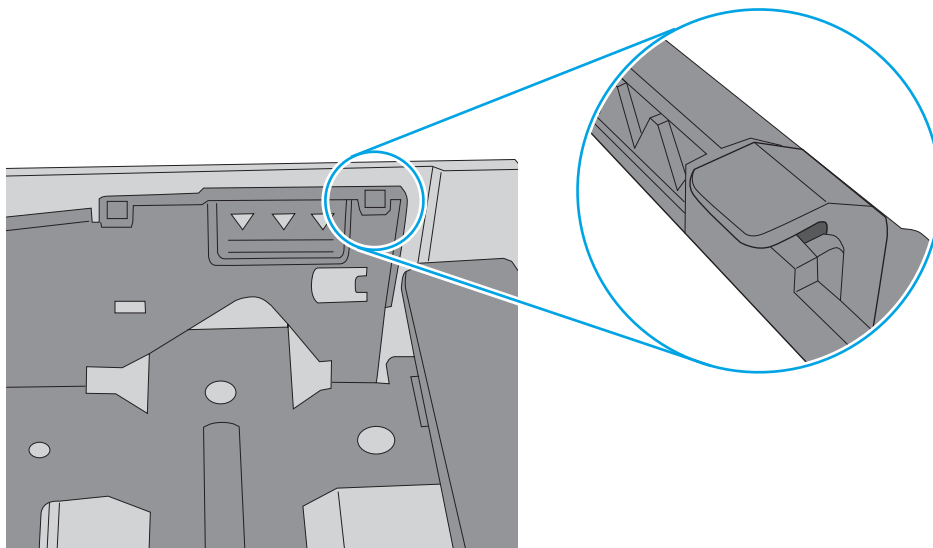
5. Đảm bảo khay không quá đầy bằng cách kiểm tra các dấu chiều cao tập giấy nằm bên trong khay. Nếu khay quá đầy, hãy lấy toàn bộ tập giấy ra khỏi khay, làm phẳng tập giấy, rồi đưa một số giấy vào lại khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu chiều cao tập giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này. Đồng thời kiểm tra để chắc rằng tất cả các trang giấy nằm ở dưới các vấu gần dấu chiều cao tập giấy. Các vấu này giúp giữ giấy ở đúng vị trí khi nó đi vào máy in.


Hình 9-6 Dấu chiều cao tập giấy



Hình 9-7 Vấu cho tập giấy

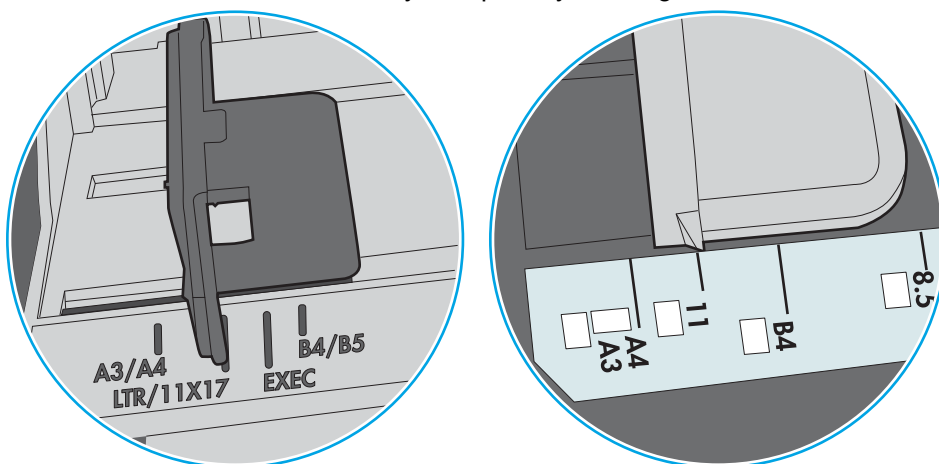


6. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay. Mũi tên trên thanh dẫn khay phải đặt thẳng hàng với dấu đánh trên khay.

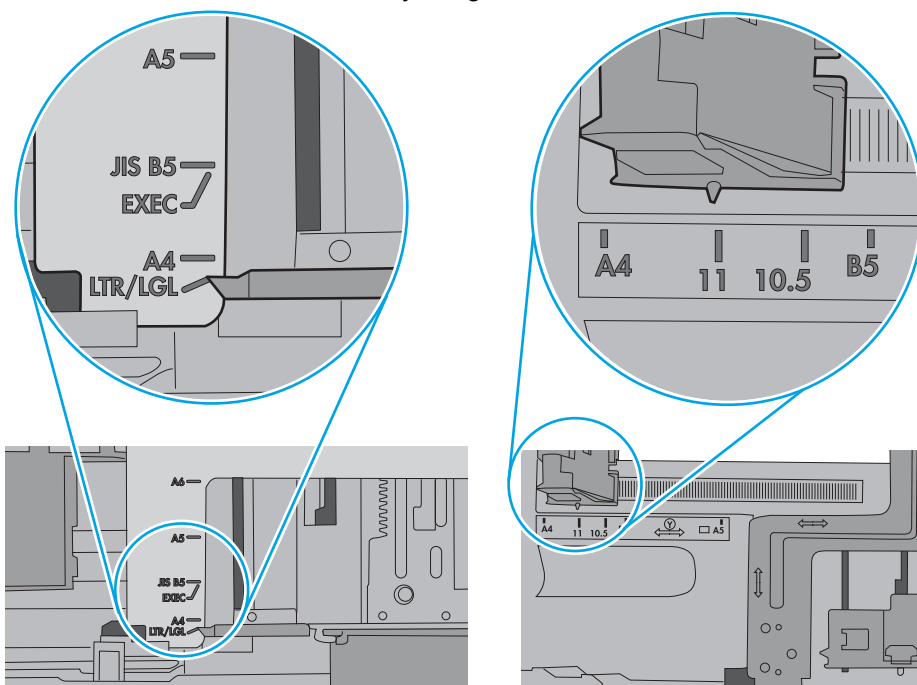
 **GHI CHÚ:** Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu kích thước giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này.

Hình 9-8 Dấu kích thước cho Khay 1 hoặc khay đa năng




Hình 9-9 Dấu kích thước cho khay băng từ



7. Hãy đảm bảo môi trường in có các thông số kỹ thuật được khuyến nghị.

Kẹt khay nạp tài liệu, lệch, hoặc nhặt nhiều tờ giấy.

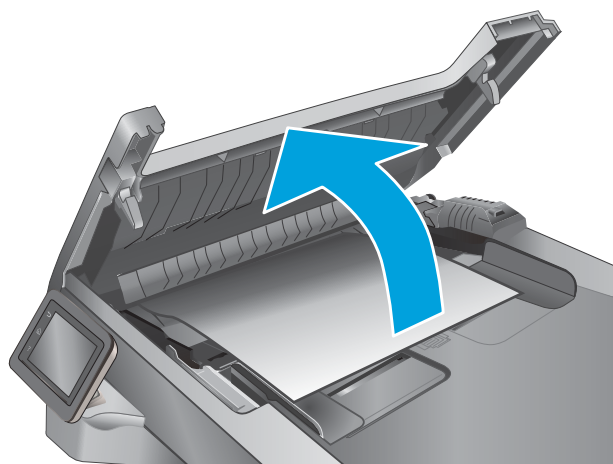
 **GHI CHÚ:** Thông tin này chỉ áp dụng với sản phẩm MFP.

- Có thể có vật gì đó trên bản gốc, như kẹp giấy, giấy dán ghi chú, cần phải tháo chúng ra.
- Kiểm tra rằng tất cả các trục nạp đang sẵn sàng và rằng nắp tiếp cận trục nạp bên trong khay nạp tài liệu đang bị đóng.
- Kiểm tra và đảm bảo nắp đậy khay nạp tài liệu phía trên đã được đóng lại.
- Giấy có thể không được đặt đúng. Vuốt thẳng giấy và điều chỉnh thanh dẫn giấy vào giữa tập giấy.
- Các thanh dẫn giấy phải chạm vào các cạnh của tập giấy để hoạt động chính xác. Kiểm tra và đảm bảo rằng tập giấy nằm thẳng và các thanh dẫn chạm sát vào tập giấy.
- Khay nạp tài liệu vào hoặc ngăn giấy ra có thể chứa nhiều hơn số trang tối đa. Đảm bảo xếp giấy khấp bên dưới thanh dẫn hướng trong khay vào và loại bớt các trang từ ngăn giấy ra.
- Kiểm tra và đảm bảo rằng không có mảnh giấy, kẹp giấy, ghim cài giấy hoặc các mảnh vụn khác nằm trong đường dẫn giấy.
- Làm sạch các trục nạp của khay nạp tài liệu và đệm ngăn cách. Sử dụng khí nén hoặc miếng vải sạch, không có xơ được làm ẩm bằng nước ấm. Nếu vẫn xảy ra tình trạng nạp giấy sai, hãy thay thế trục nạp.
- Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, cuộn đến và chạm vào nút [Supplies](#) (Mực in). Kiểm tra trạng thái của bộ nạp tài liệu và thay nó nếu cần thiết.

Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu

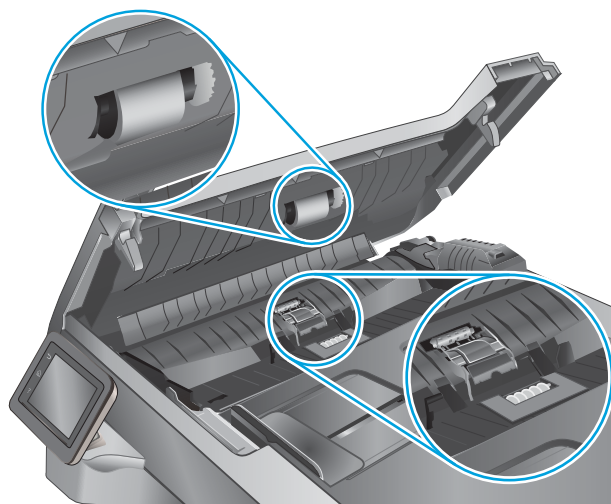
Nếu khay nạp tài liệu của sản phẩm gặp phải các sự cố về xử lý giấy, ví dụ như kẹt giấy hoặc nạp nhiều trang, hãy làm sạch các trục nạp của khay nạp tài liệu và đệm ngăn cách.

1. Mở nắp đậy khay nạp tài liệu.

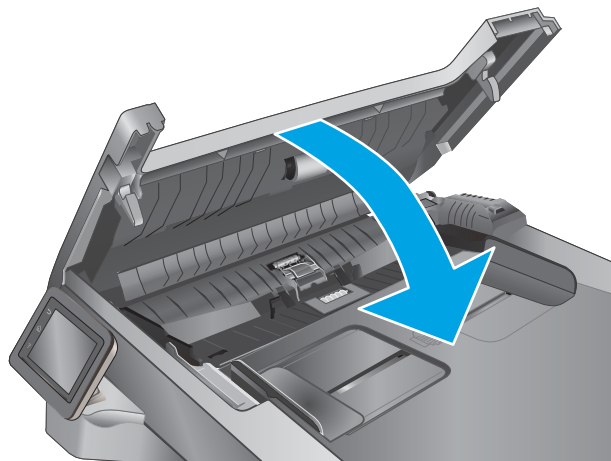


2. Sử dụng một tấm vải ẩm, không có xơ để lau chùi cả hai trục nạp và đệm ngăn cách để loại bỏ vết bẩn.

THẬN TRỌNG: Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, cồn êtylic hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của máy in; những chất này có thể làm hỏng máy in. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính hoặc tấm ép giấy. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng máy in.



3. Đóng nắp khay nạp tài liệu.



Xử lý kẹt giấy



Giới thiệu


Thông tin sau đây bao gồm các hướng dẫn về cách gỡ giấy kẹt khỏi máy in.

- [Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?](#)
- [Các vị trí kẹt giấy](#)
- [Gỡ giấy kẹt trong khay nạp tài liệu](#)
- [Xử lý giấy kẹt trong Khay 1](#)
- [Gỡ giấy kẹt trong Khay 2](#)
- [Gỡ giấy kẹt trong Khay 3](#)
- [Gỡ giấy bị kẹt trong khu vực cuộn sấy](#)
- [Gỡ bỏ giấy kẹt ở ngăn giấy ra](#)
- [Gỡ giấy bị kẹt trong bộ in hai mặt](#)

Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?

Thực hiện theo các bước này để giải quyết sự cố kẹt giấy thường xuyên. Nếu bước đầu tiên không giải quyết được sự cố, hãy tiếp tục bước tiếp theo cho đến khi bạn giải quyết được sự cố.

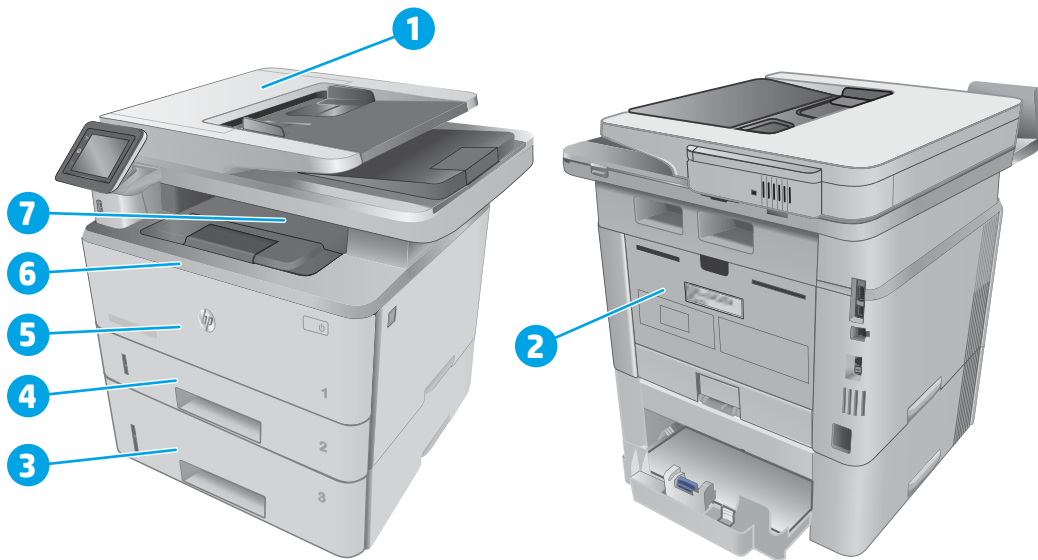
1. Nếu giấy bị kẹt trong sản phẩm, hãy xử lý giấy kẹt, sau đó in trang cấu hình để kiểm tra sản phẩm.
2. Kiểm tra xem khay có được cấu hình đúng khổ giấy và loại giấy trên bảng điều khiển sản phẩm không. Điều chỉnh cài đặt giấy nếu cần.
 - a. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, vuốt cho đến khi menu **Setup** (Cài đặt) hiển thị. Chạm vào biểu tượng Setup  (Cài đặt) để mở menu.
 - b. Mở các menu sau:
 - **System Setup** (Cài đặt hệ thống)
 - **Paper setup** (Cài đặt trang)
 - c. Chọn khay từ danh sách.
 - d. Chọn **Paper Type** (Loại giấy), rồi chọn loại giấy trong khay tiếp giấy.
 - e. Chọn **Paper Size** (Kích thước giấy), rồi chọn kích thước giấy trong khay tiếp giấy.
3. Tắt sản phẩm và chờ trong vòng 30 phút, sau đó bật lên lại.
4. In trang lau dọn để loại bỏ bột mực thừa từ bên trong sản phẩm.
 - a. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, vuốt cho đến khi menu **Setup** (Cài đặt) hiển thị. Chạm vào biểu tượng Setup  (Cài đặt) để mở menu.
 - b. Chạm vào menu **Service** (Dịch vụ).

- c. Chạm vào nút **Cleaning Page** (Trang Lau dọn).
 - d. Nạp giấy khổ letter hoặc A4 khi máy nhắc bạn.
Chờ cho đến khi quá trình hoàn tất. Loại bỏ tờ được in.
5. In trang cấu hình để kiểm tra sản phẩm.
- a. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, vuốt cho đến khi menu **Setup** (Cài đặt) hiển thị. Chạm vào biểu tượng Setup  (Cài đặt) để mở menu.
 - b. Mở menu **Reports** (Báo cáo).
 - c. Chọn **Configuration Report** (Báo cáo cấu hình).

Nếu không có bước nào trong số này giải quyết được sự cố, sản phẩm có thể cần phải được bảo dưỡng. Hãy liên hệ với tổ hỗ trợ khách hàng của HP.

Các vị trí kẹt giấy

Giấy có thể bị kẹt ở những bộ phận sau:



1	Khay nạp tài liệu
2	Khu vực cuộn sấy
3	Khay 3 (tùy chọn)
4	Khay 2 Vùng in hai mặt (tháo Khay 2 để vào)
5	Khay 1

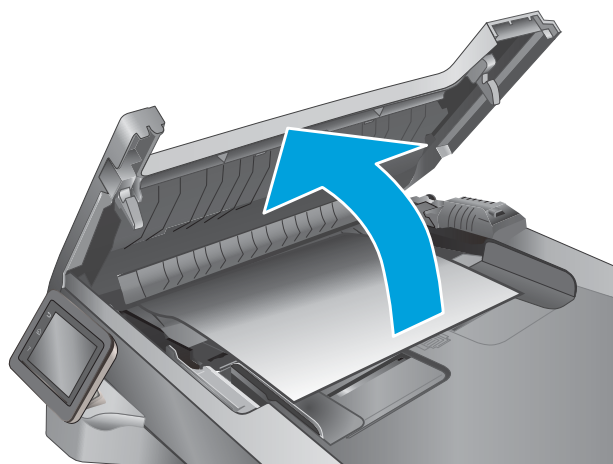
6	Khu vực hộp mực in (mở cửa trước để vào)
7	Ngăn giấy đầu ra

Bột mực không bám dính có thể vẫn còn sót lại sau khi bị kẹt giấy. Sự cố này thường sẽ tự biến mất sau khi bạn in một vài trang.

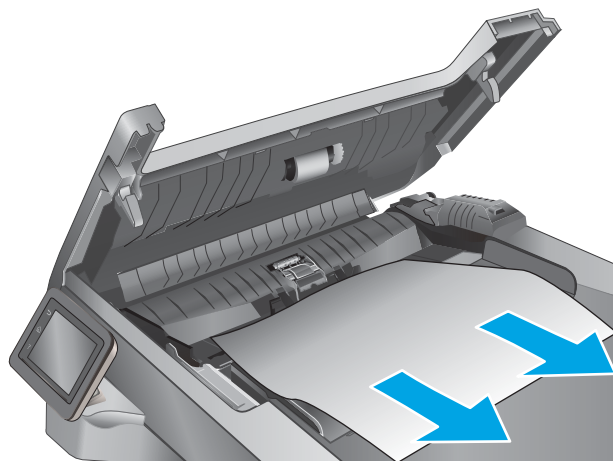
Gỡ giấy kẹt trong khay nạp tài liệu

Thông tin sau đây mô tả cách xử lý giấy kẹt trong khay nạp tài liệu. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

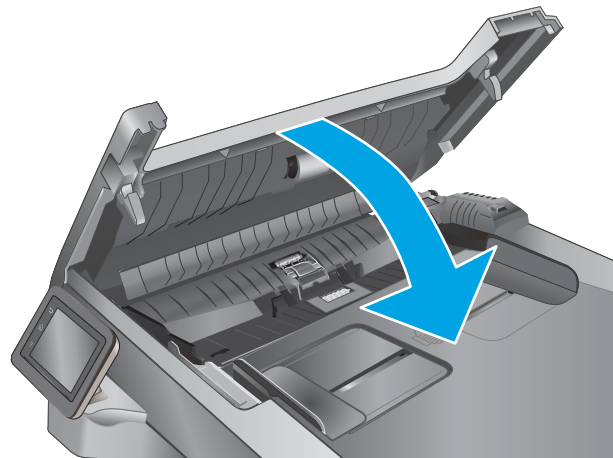
1. Mở nắp đậy khay nạp tài liệu.



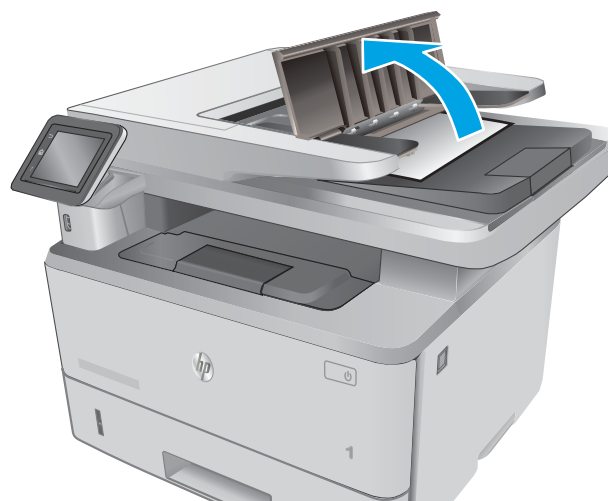
2. Nhẹ nhàng gỡ giấy bị kẹt ra.



3. Đóng nắp khay nạp tài liệu. Đảm bảo đã đóng hoàn toàn nắp khay nạp tài liệu.



4. Mở nắp khay nạp tài liệu.



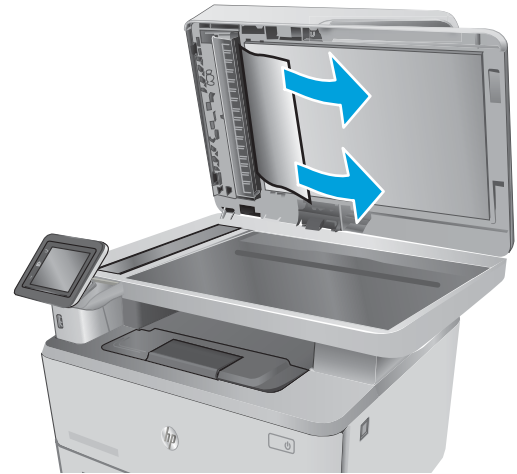
5. Nhẹ nhàng gỡ giấy bị kẹt ra.



6. Đóng nắp khay nạp tài liệu.



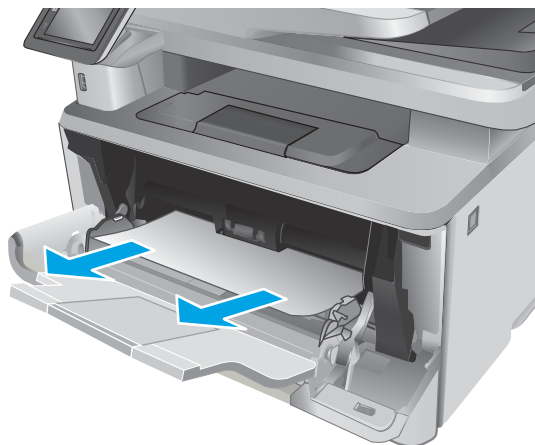
7. Mở nắp máy quét. Nếu giấy bị kẹt trong nắp máy quét, nhẹ nhàng kéo giấy ra, sau đó đóng nắp máy quét.



Xử lý giấy kẹt trong Khay 1

Sử dụng quy trình sau đây để gỡ kẹt giấy trong Khay 1. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

1. Từ từ kéo giấy bị kẹt ra khỏi máy in.



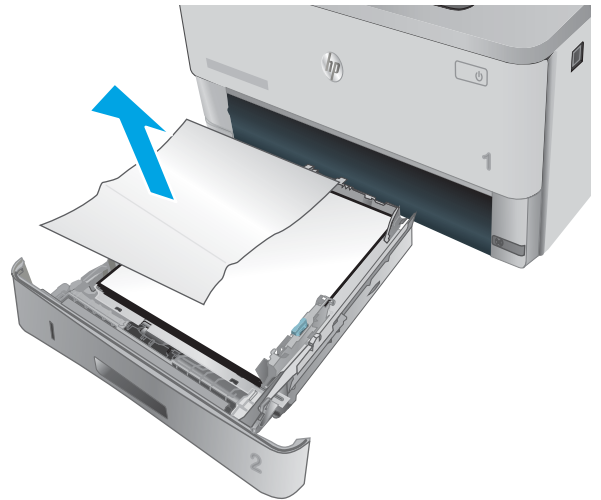
Gỡ giấy kẹt trong Khay 2

Dùng quy trình sau đây để kiểm tra giấy ở tất cả các vị trí có thể xảy ra kẹt giấy trong Khay 2. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

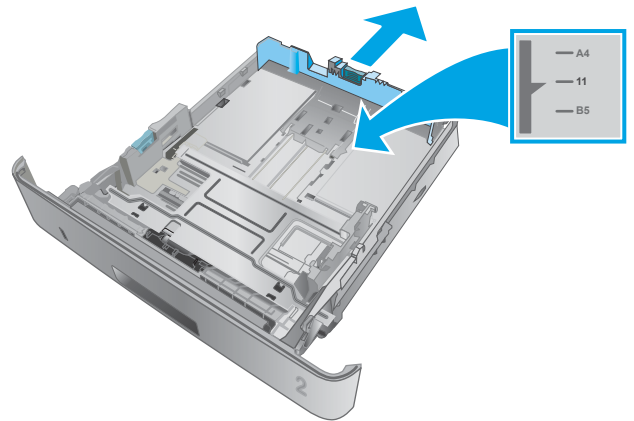
1. Tháo khay ra khỏi máy in.



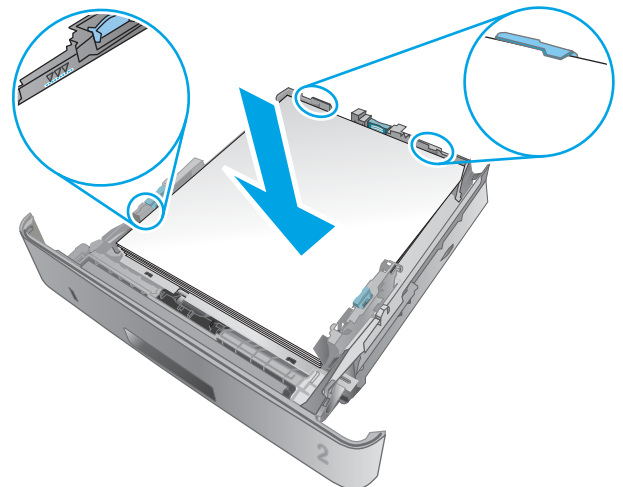
2. Rút giấy khỏi khay và rút bỏ giấy bị hỏng.



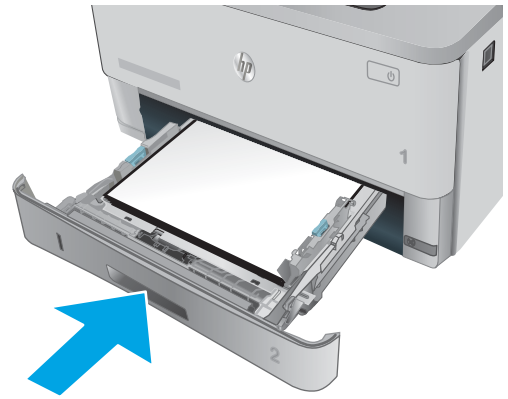
3. Kiểm tra và đảm bảo thanh dẫn giấy phía sau được điều chỉnh lề khớp với khổ giấy chính xác. Nếu cần thiết, kẹp chốt tháo và di chuyển thanh dẫn giấy phía sau tới vị trí chính xác. Thanh dẫn phải khớp vào đúng vị trí.



4. Nạp giấy vào khay. Đảm bảo rằng tất cả bốn góc của tập giấy phẳng và mặt trên cùng của tập giấy ở dưới vạch chỉ báo chiều cao tối đa.



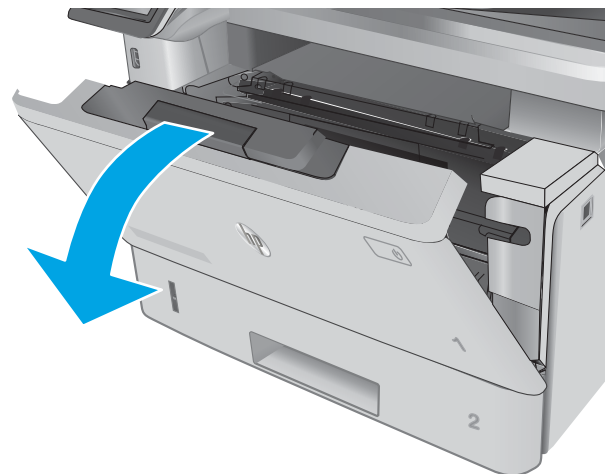
5. Lắp lại và đóng khay.



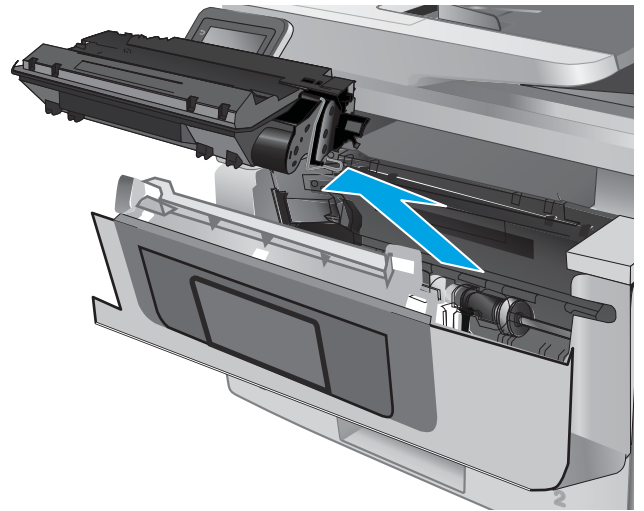
6. Bấm nút mở cửa trước.



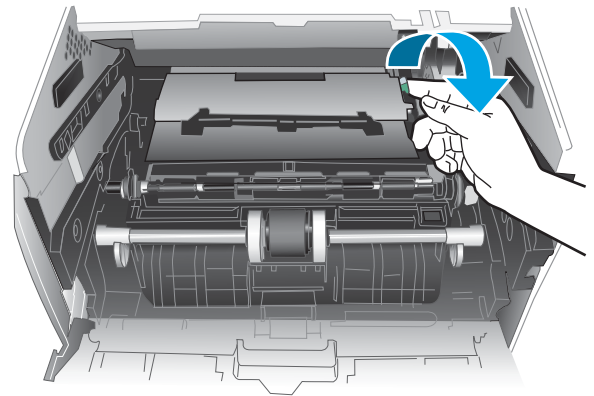
7. Mở cửa trước.



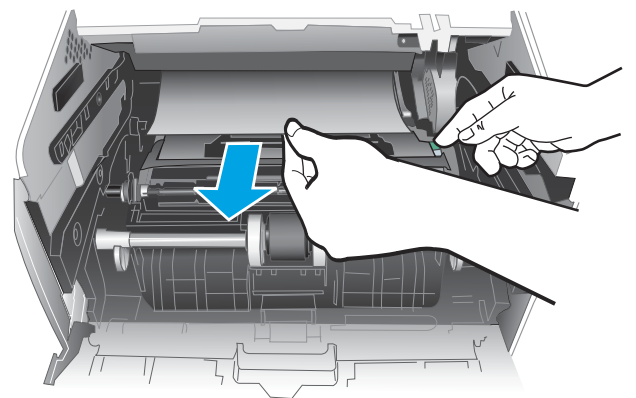
8. Tháo hộp mực in.



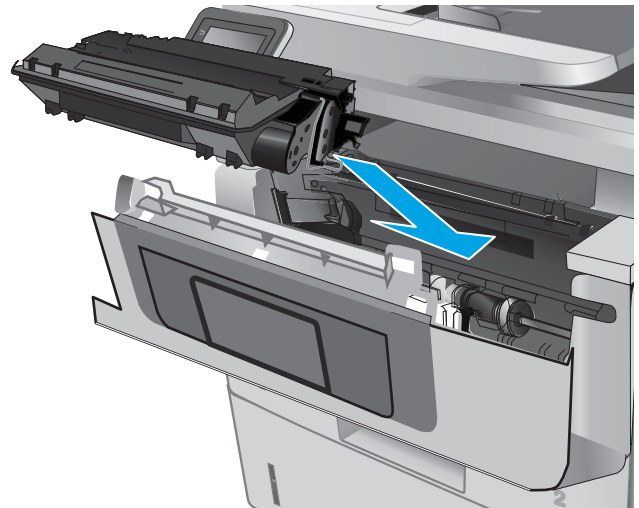
9. Nâng nắp đậy cửa tháo kẹt giấy.



10. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



11. Lắp hộp mực in.



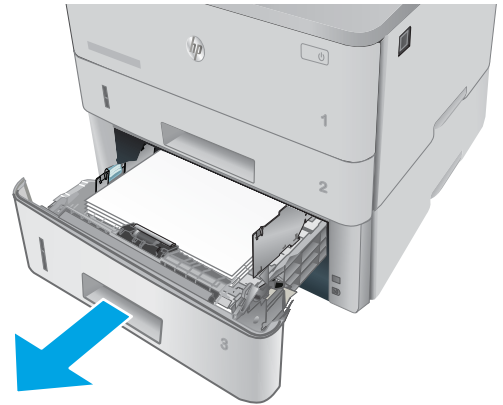
12. Đóng cửa trước.



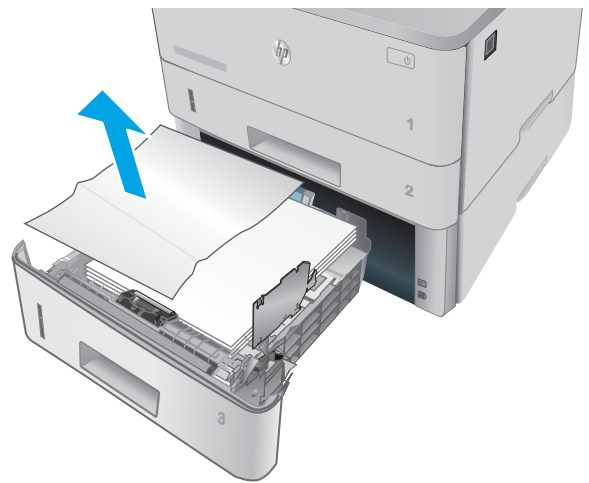
Gỡ giấy kẹt trong Khay 3

Dùng quy trình sau đây để kiểm tra giấy ở tất cả các vị trí có thể xảy ra kẹt giấy trong Khay 3. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

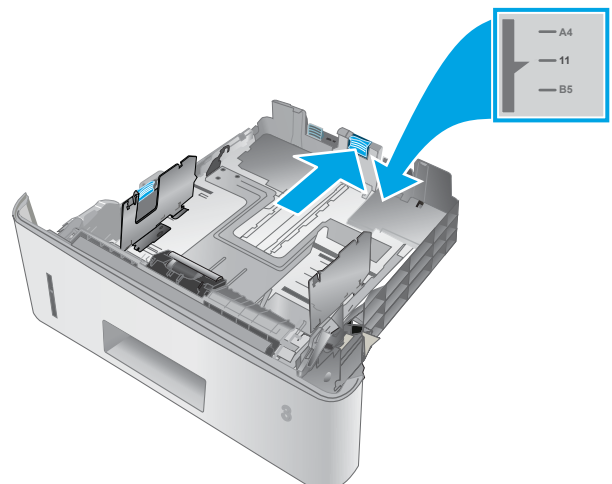
1. Tháo khay ra khỏi máy in.



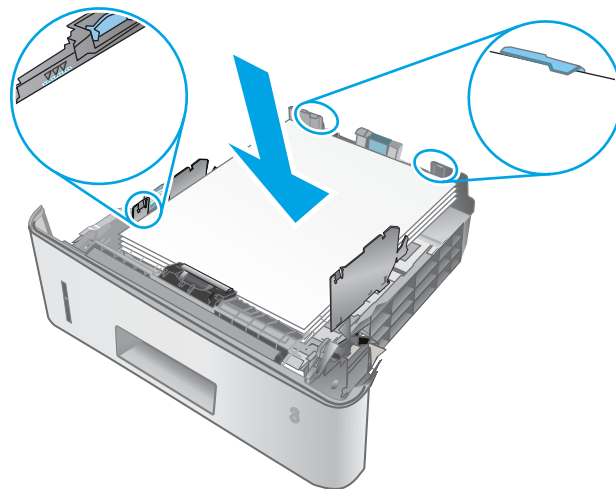
2. Rút giấy khỏi khay và vứt bỏ giấy bị hỏng.



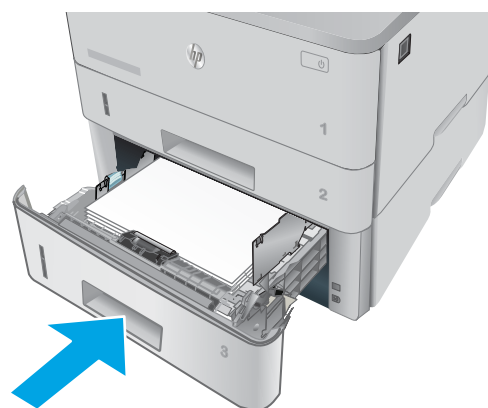
3. Kiểm tra và đảm bảo thanh dẫn giấy phía sau được điều chỉnh để khớp với khổ giấy chính xác. Nếu cần thiết, kẹp chốt tháo và di chuyển thanh dẫn giấy phía sau tới vị trí chính xác. Thanh dẫn phải khớp vào đúng vị trí.



4. Nạp giấy vào khay. Đảm bảo rằng tất cả bốn góc của tập giấy phẳng và mặt trên cùng của tập giấy ở dưới vạch chỉ báo chiều cao tối đa.



5. Lắp lại và đóng khay.



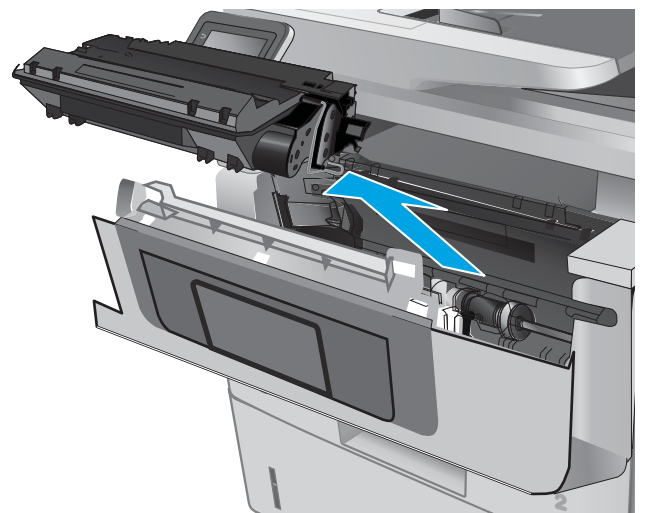
6. Bấm nút mở cửa trước.



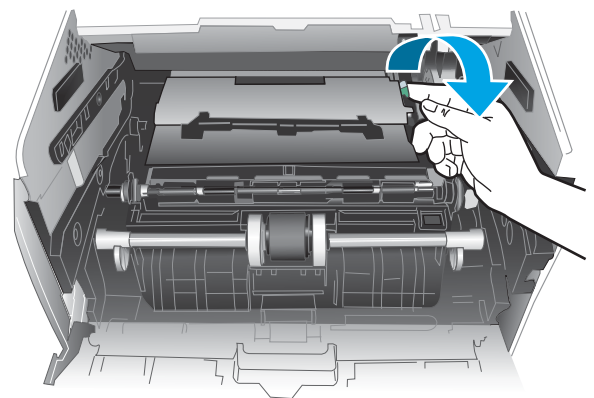
7. Mở cửa trước.



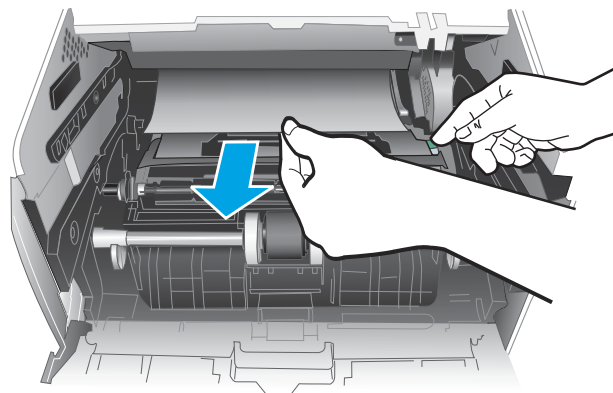
8. Tháo hộp mực in.



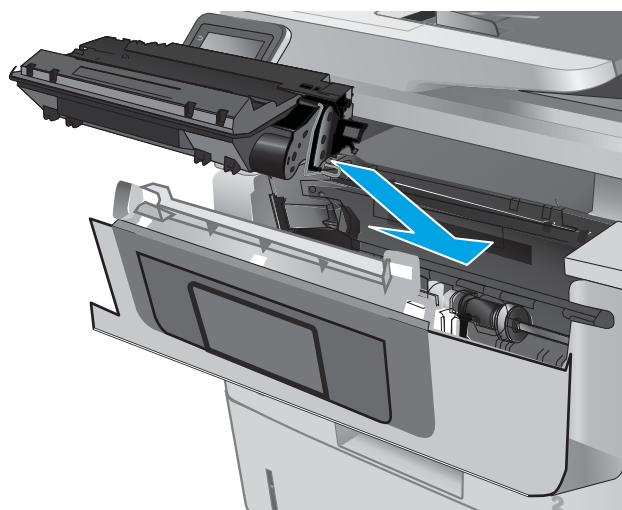
9. Nâng nắp đậy cửa tháo kẹt giấy.



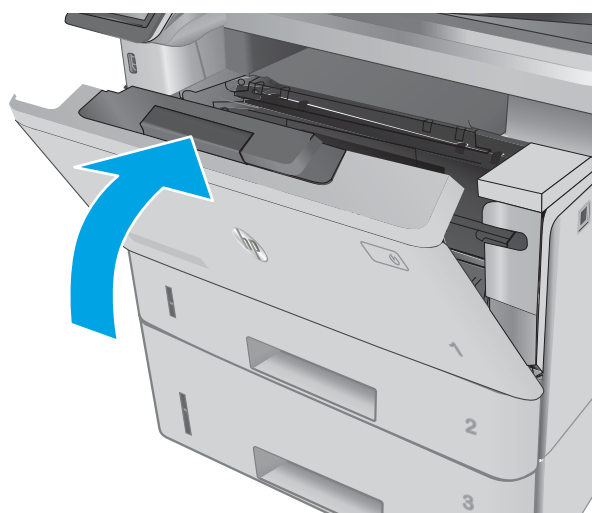
10. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



11. Lắp hộp mực in.



12. Đóng cửa trước.



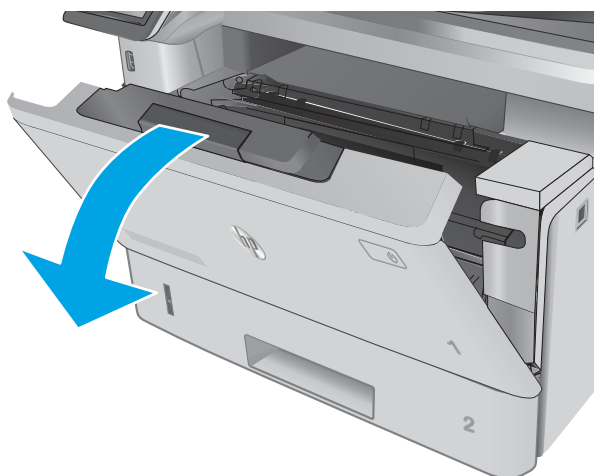
Gỡ giấy bị kẹt trong khu vực cuộn sấy

Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt ở khu vực cuộn sấy. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

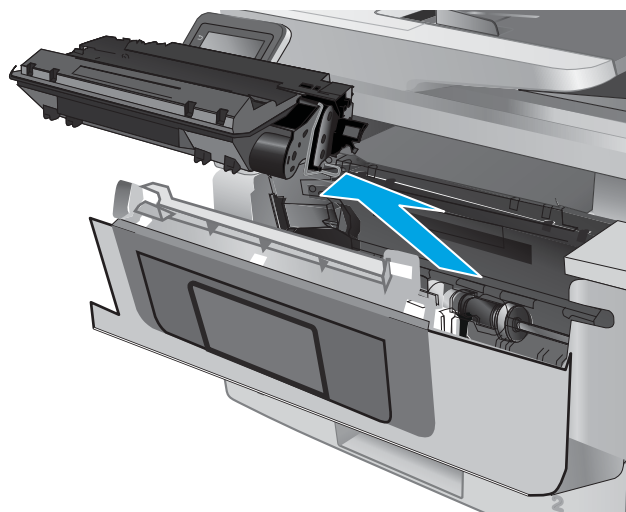
1. Bấm nút mở cửa trước.



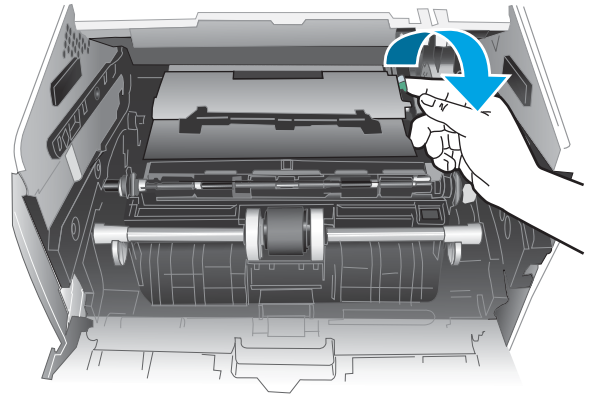
2. Mở cửa trước.



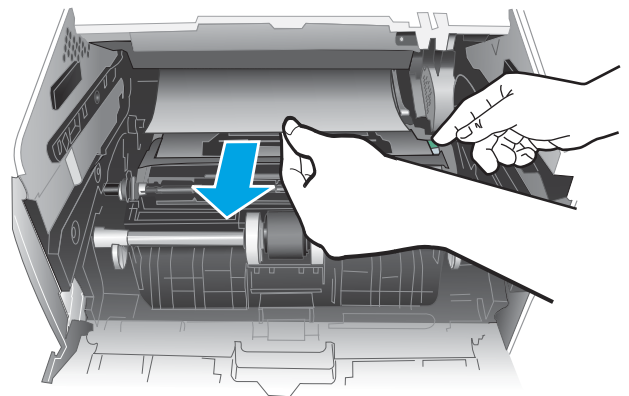
3. Tháo hộp mực in.



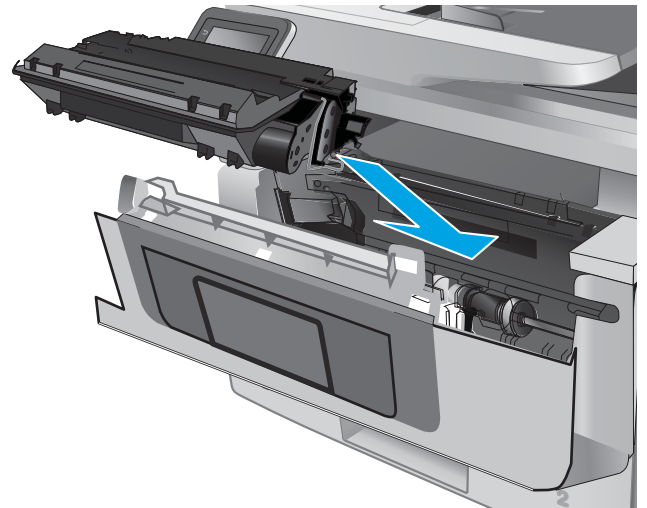
4. Nâng nắp đậy cửa tháo kẹt giấy.



5. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



6. Lắp hộp mực in.



7. Đóng cửa trước.



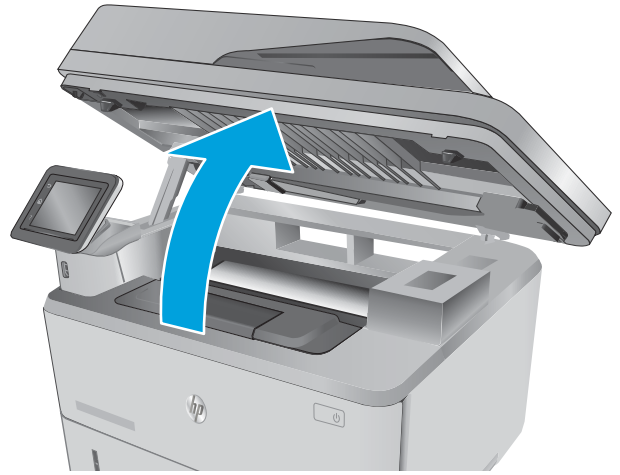
Gỡ bỏ giấy kẹt ở ngăn giấy ra

Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt ở ngăn giấy ra. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

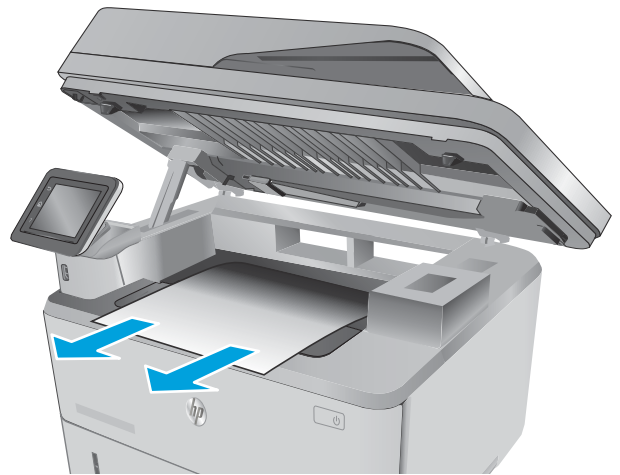
1. Nếu nhìn thấy giấy trong ngăn giấy ra, nắm lấy cạnh trên và tháo nó ra.



2. Nâng bộ phận quét lên.



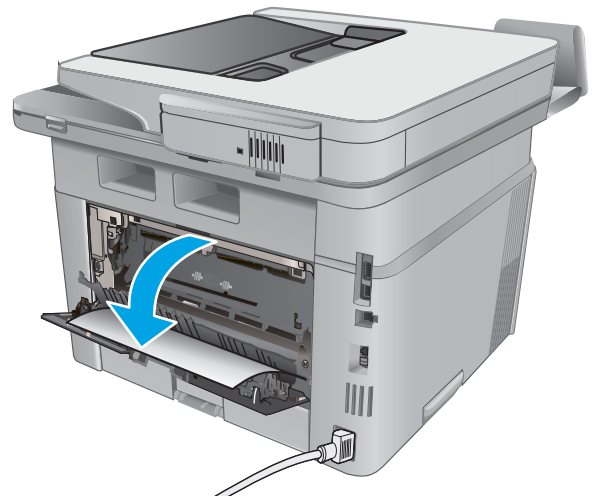
3. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



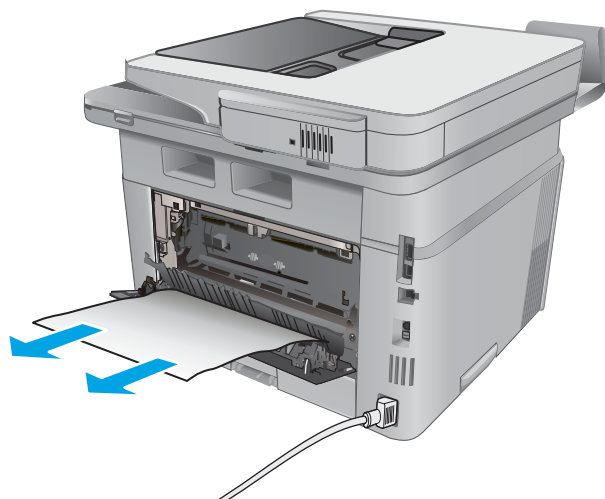
4. Đóng bộ phận quét.



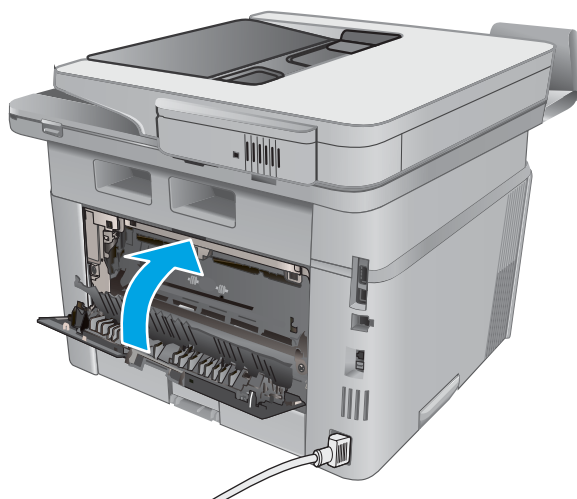
5. Mở cửa sau.



6. Lấy hết giấy bị kẹt ra khỏi khu vực cửa sau.



7. Đóng cửa sau lại.



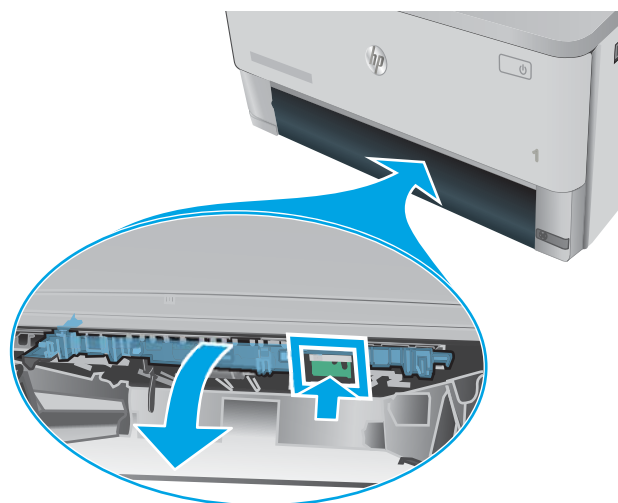
Gỡ giấy bị kẹt trong bộ in hai mặt

Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt ở trong bộ in hai mặt tự động. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

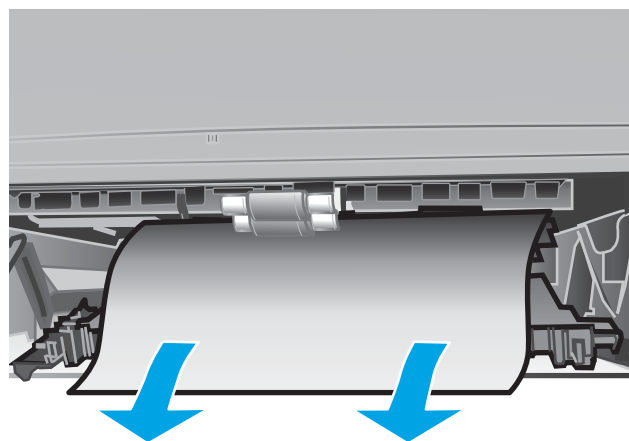
1. Tháo hoàn toàn khay 2 ra khỏi máy in.



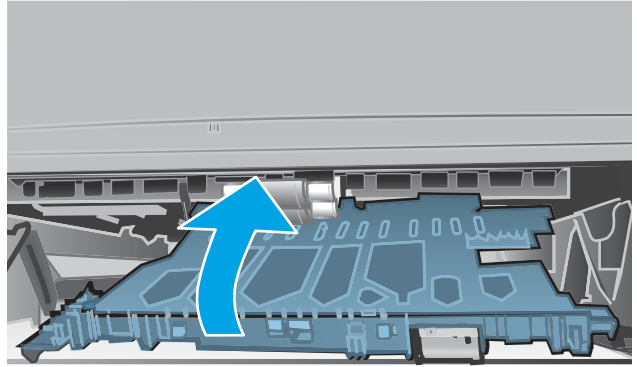
2. Nhấn nút màu xanh lá cây để nhả bàn in hai mặt.



3. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



4. Đóng bàn in hai mặt.



5. Lắp lại Khay 2.



Cải thiện chất lượng in

Giới thiệu

- [In từ một chương trình phần mềm khác](#)
- [Kiểm tra cài đặt loại giấy cho lệnh in](#)
- [Kiểm tra tình trạng hộp mực in](#)
- [Làm sạch máy in](#)
- [Kiểm tra hộp mực in bằng mắt thường](#)
- [Kiểm tra môi trường in và giấy](#)
- [Kiểm tra thông số cài đặt EconoMode \(Chế độ tiết kiệm\)](#)
- [Thử trình điều khiển in khác](#)

Nếu máy in đang có vấn đề về chất lượng in, hãy thử các giải pháp sau theo thứ tự được thể hiện để giải quyết vấn đề.

In từ một chương trình phần mềm khác

Hãy thử in từ một chương trình phần mềm khác. Nếu trang được in đúng có nghĩa là có vấn đề với chương trình phần mềm bạn sử dụng để in.

Kiểm tra cài đặt loại giấy cho lệnh in

Kiểm tra cài đặt loại giấy khi in từ một chương trình phần mềm và các trang đã in có các vết bẩn, in mờ hoặc đậm, giấy bị quăn, lổm đổm bột mực, bột mực không bám dính, hoặc một số vùng nhỏ không có bột mực.

Kiểm tra cài đặt loại giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Từ danh sách thả xuống **Paper Type** (Loại giấy) nhấp tùy chọn **More...**(Khác).
5. Mở rộng danh sách tùy chọn **Type is:** (Loại là:).
6. Mở rộng danh mục các loại giấy mô tả tốt nhất loại giấy của bạn.
7. Chọn tùy chọn cho loại giấy mà bạn đang sử dụng và nhấp vào nút **OK**.
8. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

Kiểm tra cài đặt loại giấy (OS X)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print (In)**.
2. Trong menu **Printer** (Máy in), hãy chọn máy in.


3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Copies & Pages** (Bản sao & Trang). Mở danh sách thả xuống của menu, rồi bấm vào menu **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn một loại từ danh sách **Media Type** (Loại phương tiện) thả xuống.
5. Nhấp vào nút **Print** (In).

Kiểm tra tình trạng hộp mực in

Trang tình trạng mực in trình bày các thông tin sau:

- Phần trăm ước tính lượng mực còn lại
- Số trang còn lại gần đúng
- Số bộ phận của hộp mực in HP
- Số các trang được in

Thực hiện theo quy trình sau để in một trang trạng thái nguồn cung cấp:

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, vuốt cho đến khi menu **Supplies** (Mực in) hiển thị. Chạm vào biểu tượng **Supplies**  (Mực in) để mở menu.
2. Chạm vào nút **Report** (Báo cáo) để in trang trạng thái mực in.
3. Kiểm tra phần trăm lượng mực còn lại của hộp mực in và nếu áp dụng, trạng thái của các bộ phận bảo trì có thể thay thế.

Các vấn đề về chất lượng in có thể xảy ra khi sử dụng hộp mực in đã hết. Trang trạng thái mực in cho biết khi mực in gần hết. Sau khi mực in HP đã đạt tới ngưỡng gần hết, có nghĩa là bảo hành bảo vệ đặc biệt của HP cho mực in đó đã chấm dứt.

Không cần thay thế hộp mực in ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được.

Nếu bạn xác định rằng bạn cần thay thế hộp mực in hoặc các bộ phận bảo trì có thể thay thế khác, trang trạng thái mực in liệt kê các số bộ phận HP chính hãng.

4. Kiểm tra xem liệu bạn có đang dùng hộp mực HP chính hãng không.

Hộp mực in HP chính hãng có chữ "HP" ở trên đó, hoặc có logo HP trên đó. Để biết thêm thông tin về việc nhận diện các hộp mực HP, hãy truy cập www.hp.com/go/learnaboutsupplies.


HP không khuyến nghị sử dụng các loại mực in không phải của HP, dù là còn mới hay đã tái chế. Vì những hộp mực in này không phải là sản phẩm của HP, HP không thể tác động gì đến thiết kế hay kiểm soát chất lượng. Nếu bạn đang sử dụng hộp mực đã nạp lại hay tái chế và không hài lòng với chất lượng in, hãy thay hộp mực in đó bằng hộp mực in chính hãng HP.

Làm sạch máy in

In một trang lau dọn

Trong quá trình in, các hạt bụi, mực in, giấy có thể tích tụ bên trong máy in và có thể gây ra các vấn đề về chất lượng in như vết hoặc đốm mực in, vết bẩn, đường hoặc các vết dấu lặp đi lặp lại.

Thực hiện theo quy trình sau để in một trang lau dọn.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, vuốt cho đến khi menu **Setup** (Cài đặt) hiển thị. Chạm vào biểu tượng **Setup**  (Cài đặt) để mở menu.
2. Chạm vào menu **Service** (Dịch Vụ).
3. Chạm vào nút **Cleaning Page** (Trang lau dọn).
4. Nạp giấy khổ letter hoặc A4 khi máy nhắc bạn.
Chờ cho đến khi quá trình hoàn tất. Loại bỏ tờ được in.

Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn

Theo thời gian, các vết bụi bẩn có thể tích tụ lại trên kính máy quét và tấm ép giấy màu trắng. Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của máy. Sử dụng quy trình sau để lau dọn máy quét.

1. Bấm nút nguồn để tắt máy in, sau đó rút cáp nguồn khỏi ổ cắm điện.
2. Mở nắp máy quét.
3. Lau sạch kính máy quét và nắp nhựa sau màu trắng bên dưới nắp máy quét bằng miếng bọt xốp hoặc vải mềm đã được tẩm chất tẩy kính không ăn mòn.

⚠ THẬN TRỌNG: Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, cồn êtylic hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của máy in; những chất này có thể làm hỏng máy in. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính hoặc tấm ép giấy. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng máy in.

4. Lau khô kính và các phần nhựa trắng bằng vải da hoặc miếng bọt xốp làm từ chất xơ để ngăn không bị ố bẩn.
5. Cắm cáp nguồn vào một ổ cắm, sau đó bấm nút nguồn để bật máy in.

Kiểm tra hộp mực in bằng mắt thường

Làm theo các bước sau để kiểm tra từng hộp mực in.

1. Lấy hộp mực in ra khỏi máy in.
2. Kiểm tra chip bộ nhớ xem có bị hỏng hóc không.
3. Kiểm tra mặt trống hình màu xanh lá cây.

⚠ THẬN TRỌNG: Không chạm vào trống hình. Dấu vân tay trên trống hình có thể ảnh hưởng đến chất lượng in.

4. Nếu bạn thấy bất kỳ vết xước, dấu vân tay hoặc hỏng hóc nào khác trên trống hình, hãy thay hộp mực in.
5. Cài đặt lại hộp mực in, rồi in vài trang để xem thử sự cố đã giải quyết chưa.

Kiểm tra môi trường in và giấy

Bước một: Hãy dùng giấy đáp ứng đúng thông số kỹ thuật của HP

Một số sự cố về chất lượng in xảy ra do dùng giấy không đáp ứng đúng thông số kỹ thuật của HP.

- Luôn dùng loại và trọng lượng giấy mà máy in này hỗ trợ.
- Dùng giấy có chất lượng tốt và không bị rách, không bị răng cưa, cắt, khắc, lõm đốm, vật thể nhỏ, hạt bụi, quần góc, bị khuyết, có kẹp giấy và quần hoặc cong cạnh.
- Dùng giấy chưa in.
- Dùng giấy không chứa vật liệu kim loại, như chất liệu lấp lánh.
- Dùng giấy dành riêng cho máy in laser. Không dùng giấy chỉ dành cho máy in Inkjet.
- Không được dùng giấy quá thô. Dùng giấy nhẵn mịn hơn thường đem lại chất lượng in tốt hơn.


Bước hai: Kiểm tra môi trường

Môi trường có thể ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng in và là nguyên nhân phổ biến đối với chất lượng in hoặc các vấn đề về nạp giấy. Thử các giải pháp sau đây:

- Di chuyển máy in ra xa khỏi các vị trí có gió lùa như cửa sổ hay cửa mở hoặc các chỗ quạt thông gió điều hòa.
- Đảm bảo máy in không tiếp xúc với nhiệt độ hoặc độ ẩm nằm ngoài khoảng thông số kỹ thuật của máy in.
- Không đặt máy in trong không gian kín như tủ hộp.
- Đặt máy in trên bề mặt bằng phẳng và vững chắc.
- Loại bỏ bất cứ thứ gì chặn quạt thông gió trên máy in. Máy in cần được thông gió tốt ở tất cả các cạnh, bao gồm cả phần đỉnh của máy in.
- Bảo vệ máy in tránh các mảnh vụn trong không khí, bụi, hơi nước, dầu mỡ hoặc các yếu tố khác có thể tồn dư lại bên trong máy in.


Bước ba: Đặt canh chỉnh khay riêng lẻ

Làm theo các bước sau khi văn bản hoặc ảnh không được đặt ở giữa hoặc canh chỉnh đúng trên trang in, lúc in từ các khay cố định.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, vuốt cho đến khi menu **Setup** (Cài đặt) hiển thị. Chạm vào biểu tượng **Setup**  (Cài đặt) để mở menu.
2. Mở các menu sau:
 - **System Setup** (Cài đặt hệ thống)
 - **Print Quality** (Chất lượng in)
 - **Adjust Alignment** (Điều chỉnh sắp xếp)
3. Chọn **Print Test Page** (In trang kiểm tra).
4. Chọn khay để điều chỉnh, sau đó làm theo các hướng dẫn trên các trang in ra.
5. Chọn **Print Test Page** (In trang kiểm tra) lần nữa để xác nhận các kết quả, sau đó điều chỉnh thêm nếu cần thiết.
6. Chạm vào nút **OK** để lưu các cài đặt mới.

Kiểm tra thông số cài đặt EconoMode (Chế độ tiết kiệm)

HP không khuyến nghị việc sử dụng thường xuyên Chế độ tiết kiệm (EconoMode). Nếu lúc nào cũng sử dụng Chế độ Tiết kiệm, nguồn bột mực có thể dùng được lâu hơn so với các bộ phận máy móc khác trong hộp mực. Nếu chất lượng in bắt đầu giảm và không còn chấp nhận được, hãy cân nhắc thay thế hộp mực in.

 **GHI CHÚ:** Tính năng này khả dụng với trình điều khiển in PCL 6 dành cho Windows. Nếu bạn không đang sử dụng trình điều khiển đó, bạn có thể bật tính năng này bằng cách sử dụng Máy chủ web nhúng của HP.

Hãy làm theo các bước này nếu toàn bộ trang quá đậm hoặc quá mờ.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng) và xác định vùng **Print Quality** (Chất lượng In).
4. Nếu toàn bộ trang quá đậm, hãy sử dụng cài đặt này:

- Chọn tùy chọn **600 dpi**.
- Chọn hộp chọn **EconoMode** (Chế độ Tiết kiệm) để bật chế độ đó.

Nếu toàn bộ trang quá mờ, hãy sử dụng cài đặt này:

- Chọn tùy chọn **FastRes 1200**.
 - Bỏ chọn hộp chọn **EconoMode** (Chế độ Tiết kiệm) để tắt chế độ đó.
5. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

Thử trình điều khiển in khác

Hãy thử sử dụng trình điều khiển in khác khi in từ một chương trình phần mềm và trang đã in có các dòng chứa hình ảnh không mong muốn, bị mất chữ, bị mất hình ảnh, định dạng sai hoặc phông chữ bị thay đổi.

Tải xuống bất kỳ trình điều khiển nào sau đây từ trang web của HP: www.hp.com/support/ljM426MFP, www.hp.com/support/ljM427MFP.

Trình điều khiển HP PCL.6	<ul style="list-style-type: none">• Được cung cấp làm trình điều khiển mặc định trên CD có trong hộp máy in. Trình điều khiển này được cài tự động nếu bạn không chọn một trình điều khiển khác.
Trình điều khiển HP PCL 6	
Trình điều khiển HP PCL-6	<ul style="list-style-type: none">• Nên sử dụng cho tất cả các môi trường Windows• Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất và hỗ trợ tính năng máy in cho hầu hết người dùng• Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows để cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows• Có thể không tương thích hoàn toàn với các chương trình phần mềm tùy chỉnh và của bên thứ ba dựa trên PCL 5

Trình điều khiển HP UPD PS	<ul style="list-style-type: none"> • Nên sử dụng để in với chương trình phần mềm Adobe® hay với các chương trình phần mềm đồ họa chuyên sâu khác • Hỗ trợ khi in trong trường hợp cần mô phỏng postscript hoặc hỗ trợ phông chữ nhấp nháy postscript
HP UPD PCL 5	<ul style="list-style-type: none"> • Nên sử dụng để in trong công việc văn phòng thông dụng trong tất cả các môi trường Windows • Tương thích với các phiên bản PCL trước đó và các máy in HP LaserJet cũ hơn • Sự lựa chọn tốt nhất khi in từ các chương trình phần mềm của bên thứ ba hoặc chương trình phần mềm tùy chỉnh • Sự lựa chọn tốt nhất khi hoạt động trong các môi trường hỗn hợp có yêu cầu phải cài đặt máy in theo PCL 5 (UNIX, Linux, máy tính trung ương) • Được thiết kế để sử dụng trong các môi trường Windows trong doanh nghiệp sao cho có thể sử dụng một trình điều khiển duy nhất cho nhiều kiểu máy in • Được ưa chuộng sử dụng khi in từ một máy tính Windows di động đến nhiều kiểu máy in
HP UPD PCL 6	<ul style="list-style-type: none"> • Nên sử dụng để in trong tất cả các môi trường Windows • Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất và hỗ trợ tính năng máy in cho hầu hết người dùng • Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows để cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows • Có thể không tương thích hoàn toàn với các chương trình phần mềm tùy chỉnh và của bên thứ ba dựa trên PCL 5

Cải thiện chất lượng hình ảnh sao chép và quét

Giới thiệu

Nếu máy in đang có vấn đề về chất lượng hình ảnh, hãy thử các giải pháp sau theo thứ tự được thể hiện để giải quyết vấn đề.

- [Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn](#)
- [Kiểm tra cài đặt giấy](#)
- [Kiểm tra cài đặt điều chỉnh hình ảnh](#)
- [Tối ưu hóa dành cho văn bản hoặc hình ảnh](#)
- [Sao chép từ cạnh này sang cạnh kia](#)
- [Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu](#)

Trước tiên hãy thử các bước đơn giản này:

- Dùng máy quét hình phẳng thay vì khay nạp tài liệu.
- Dùng các bản gốc chất lượng cao.
- Khi dùng khay nạp tài liệu, tải tài liệu gốc vào trong khay nạp một cách chính xác, bằng thanh dẫn giấy để tránh làm cho hình ảnh bị mờ hoặc méo.

Nếu vấn đề vẫn còn tồn tại, hãy thử các giải pháp bổ sung này. Nếu vẫn không khắc phục được vấn đề, hãy xem phần “Improve print quality” (Cải thiện chất lượng in) để có thêm các giải pháp khác.

Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn


Theo thời gian, các vết bụi bẩn có thể tích tụ lại trên kính máy quét và tấm ép giấy màu trắng. Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của máy. Sử dụng quy trình sau để lau dọn máy quét.

1. Bấm nút nguồn để tắt máy in, sau đó rút cáp nguồn khỏi ổ cắm điện.
2. Mở nắp máy quét.
3. Lau sạch kính máy quét và nắp nhựa sau màu trắng bên dưới nắp máy quét bằng miếng bọt xốp hoặc vải mềm đã được tẩm chất tẩy kính không ăn mòn.


⚠ THẬN TRỌNG: Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, cồn êtylic hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của máy in; những chất này có thể làm hỏng máy in. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính hoặc tấm ép giấy. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng máy in.

4. Lau khô kính và các phần nhựa trắng bằng vải da hoặc miếng bọt xốp làm từ chất xơ để ngăn không bị ố bẩn.
5. Cắm cáp nguồn vào một ổ cắm, sau đó bấm nút nguồn để bật máy in.


Kiểm tra cài đặt giấy

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào biểu tượng **Copy**  (Sao chép).
2. Chạm vào nút **Settings** (Cài đặt), sau đó cuộn xuống và chạm vào nút **Paper** (Giấy).
3. Từ danh sách các khổ giấy, chạm vào tên của khổ giấy có trong khay.
4. Từ danh sách các loại giấy, chạm vào tên của loại giấy có trong khay.

Kiểm tra cài đặt điều chỉnh hình ảnh

1. Từ Màn hình chính, chạm vào biểu tượng **Copy**  (Sao chép).
2. Chạm vào nút **Settings** (Cài đặt), sau đó cuộn đến và chạm vào nút **Image Adjustment** (Điều chỉnh hình ảnh).
3. Chạm vào tên của cài đặt bạn muốn điều chỉnh.
 - **Lightness** (Độ nhạt): Điều chỉnh cài đặt độ đậm/nhạt.
 - **Contrast** (Độ tương phản): Điều chỉnh độ tương phản giữa vùng sáng nhất và tối nhất của hình ảnh.
 - **Sharpen** (Độ sắc nét): Điều chỉnh độ rõ ràng của ký tự trong văn bản.
 - **Background Removal** (Xóa nền): Điều chỉnh độ tối của nền hình ảnh. Điều chỉnh này đặc biệt hữu ích cho tài liệu gốc được in trên giấy màu.
4. Chạm vào nút – hoặc + để điều chỉnh giá trị cho cài đặt, sau đó chạm vào nút **OK**.
5. Điều chỉnh cài đặt khác hoặc chạm vào mũi tên quay về để quay lại menu sao chép chính.

Tối ưu hóa dành cho văn bản hoặc hình ảnh

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào biểu tượng **Copy**  (Sao chép).
2. Chạm vào nút **Settings** (Cài đặt), sau đó cuộn xuống và chạm vào nút **Optimize** (Tối ưu hóa).
3. Chạm vào tên của cài đặt bạn muốn điều chỉnh.
 - **Auto Select** (Chọn Tự động): Sử dụng cài đặt này khi bạn không lo lắng gì về chất lượng của bản sao chép. Đây là cài đặt mặc định.
 - **Mixed** (Phối hợp): Sử dụng cài đặt này cho tài liệu có chứa cả văn bản và hình ảnh.
 - **Text** (Văn bản): Sử dụng cài đặt này cho các tài liệu có nội dung phần lớn là văn bản.
 - **Picture** (Hình ảnh): Sử dụng cài đặt này cho các tài liệu có nội dung phần lớn là hình ảnh.

Sao chép từ cạnh này sang cạnh kia

Máy in không thể in đầy đủ từ cạnh này sang cạnh kia. Có đường viền 4 mm không thể in được xung quanh trang.

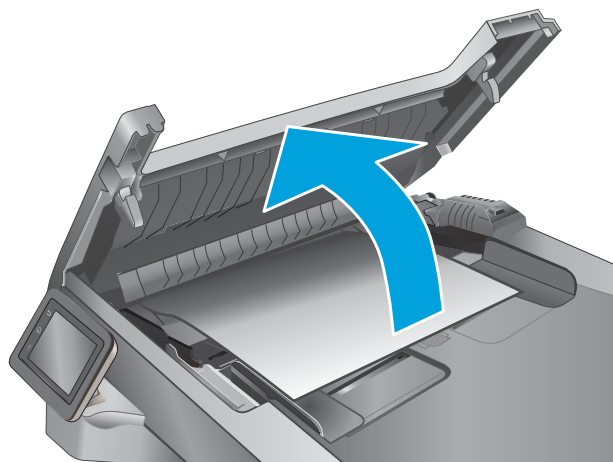
Xem xét in hoặc quét tài liệu với các cạnh bị cắt:

- Khi bản gốc nhỏ hơn kích cỡ đầu ra, hãy di chuyển bản gốc lệch 4 mm khỏi góc được chỉ định bởi biểu tượng trên máy quét. Sao chép lại hoặc quét ở vị trí này.
- Khi bản gốc có cùng kích cỡ đầu ra được in mà bạn muốn, hãy sử dụng tính năng **Reduce/Enlarge** (Thu nhỏ/Phóng to) để giảm cỡ ảnh sao cho bản sao chép không bị cắt.

Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu

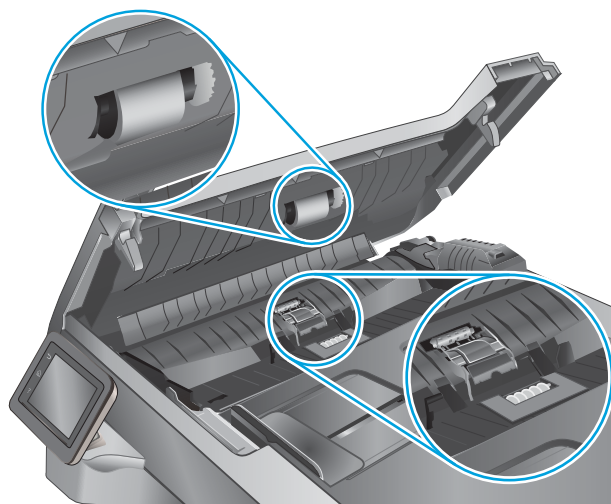
Nếu khay nạp tài liệu của sản phẩm gặp phải các sự cố về xử lý giấy, ví dụ như kẹt giấy hoặc nạp nhiều trang, hãy làm sạch các trục nạp của khay nạp tài liệu và đệm ngăn cách.

1. Mở nắp đậy khay nạp tài liệu.

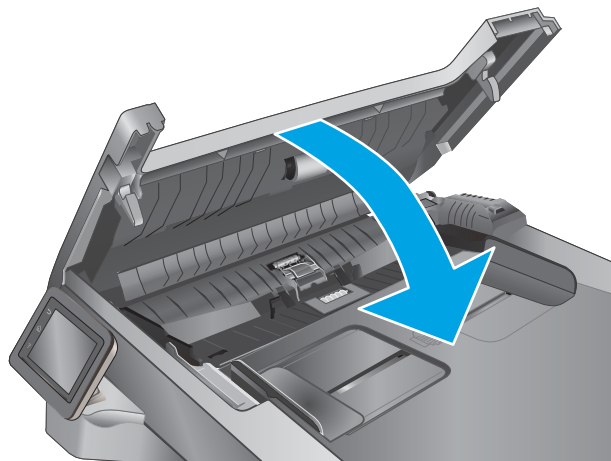


2. Sử dụng một tấm vải ẩm, không có xơ để lau chùi cả hai trục nạp và đệm ngăn cách để loại bỏ vết bẩn.

THẬN TRỌNG: Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, cồn êtylic hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của máy in; những chất này có thể làm hỏng máy in. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính hoặc tấm ép giấy. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng máy in.



3. Đóng nắp khay nạp tài liệu.



Cải thiện chất lượng hình ảnh fax

Giới thiệu

Nếu máy in đang có vấn đề về chất lượng hình ảnh, hãy thử các giải pháp sau theo thứ tự được thể hiện để giải quyết vấn đề.

- [Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn](#)
- [Kiểm tra các cài đặt độ phân giải bản fax gửi đi](#)
- [Kiểm tra cài đặt sửa lỗi](#)
- [Kiểm tra cài đặt vừa với trang in](#)
- [Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu](#)
- [Gửi đến máy fax khác](#)
- [Kiểm tra máy fax của người gửi](#)

Trước tiên hãy thử các bước đơn giản này:

- Dùng máy quét hình phẳng thay vì khay nạp tài liệu.
- Dùng các bản gốc chất lượng cao.
- Khi dùng khay nạp tài liệu, tải tài liệu gốc vào trong khay nạp một cách chính xác, bằng thanh dẫn giấy để tránh làm cho hình ảnh bị mờ hoặc méo.

Nếu vấn đề vẫn còn tồn tại, hãy thử các giải pháp bổ sung này. Nếu vẫn không khắc phục được vấn đề, hãy xem phần “Improve print quality” (Cải thiện chất lượng in) để có thêm các giải pháp khác.

Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn

Theo thời gian, các vết bụi bẩn có thể tích tụ lại trên kính máy quét và tấm ép giấy màu trắng. Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của máy. Sử dụng quy trình sau để lau dọn máy quét.


1. Bấm nút nguồn để tắt máy in, sau đó rút cáp nguồn khỏi ổ cắm điện.
2. Mở nắp máy quét.
3. Lau sạch kính máy quét và nắp nhựa sau màu trắng bên dưới nắp máy quét bằng miếng bọt xốp hoặc vải mềm đã được tẩm chất tẩy kính không ăn mòn.

⚠ THẬN TRỌNG: Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, cồn êtylic hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của máy in; những chất này có thể làm hỏng máy in. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính hoặc tấm ép giấy. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng máy in.

4. Lau khô kính và các phần nhựa trắng bằng vải da hoặc miếng bọt xốp làm từ chất xơ để ngăn không bị ố bẩn.
5. Cắm cáp nguồn vào một ổ cắm, sau đó bấm nút nguồn để bật máy in.

Kiểm tra các cài đặt độ phân giải bản fax gửi đi


Nếu máy in không thể gửi bản fax do máy fax nhận không trả lời hoặc bận, máy in sẽ thử quay số lại dựa trên các tùy chọn quay-số-lại-khi-máy-bận, quay-số-lại-khi-không-trả-lời và quay-số-lại-do-lỗi-truyền-tín-hiệu.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, vuốt cho đến khi menu **Setup** (Cài đặt) hiển thị. Chạm vào biểu tượng **Setup**  (Cài đặt) để mở menu.
2. Chạm vào menu **Fax Setup** (Cài đặt Fax).
3. Chạm vào menu **Advanced Setup** (Cài đặt Nâng cao).
4. Mở menu **Fax Resolution** (Độ phân giải fax).

Kiểm tra cài đặt sửa lỗi


Thông thường, máy in sẽ theo dõi các tín hiệu của đường dây điện thoại trong khi gửi hoặc nhận fax. Nếu máy in phát hiện lỗi trong khi truyền tín hiệu và cài đặt sửa lỗi là **On** (Bật), máy in có thể yêu cầu gửi lại một phần của bản fax đó. Thông số cài đặt mặc định gốc cho thông số sửa lỗi là **On** (Bật).


Bạn chỉ nên tắt tính năng sửa lỗi nếu bạn đang gặp sự cố khi gửi hoặc nhận fax, và bạn sẵn sàng chấp nhận lỗi trong khi truyền tín hiệu. Việc tắt thông số này có thể sẽ hữu ích nếu bạn đang thử fax ra nước ngoài hoặc nhận fax từ nước ngoài, hoặc nếu bạn đang kết nối với hệ thống điện thoại vệ tinh.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, vuốt cho đến khi menu **Setup** (Cài đặt) hiển thị. Chạm vào biểu tượng **Setup**  (Cài đặt) để mở menu.
2. Chạm vào menu **Service** (Dịch vụ).
3. Chạm vào menu **Fax Service** (Dịch vụ Fax).
4. Chạm vào nút **Error Correction** (Sửa lỗi), sau đó chạm nút **On** (Bật).

Kiểm tra cài đặt vừa với trang in

Nếu máy in in bản fax ra ngoài trang, hãy bật tính năng vừa với trang in từ bảng điều khiển trên máy in.

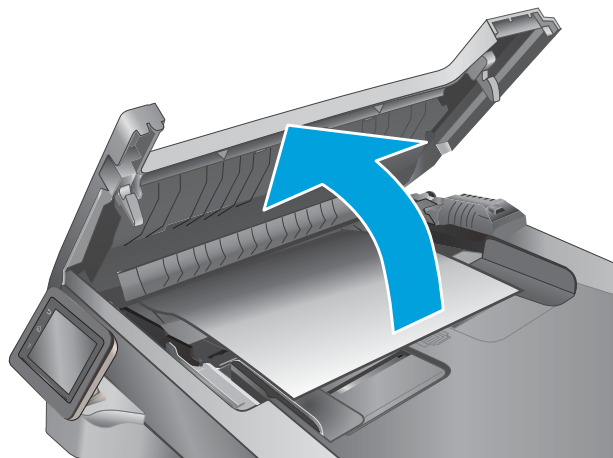
 **GHI CHÚ:** Hãy đảm bảo rằng cài đặt khổ giấy mặc định phù hợp với khổ giấy đã nạp vào khay chứa giấy.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, vuốt cho đến khi menu **Setup** (Cài đặt) hiển thị. Chạm vào biểu tượng **Setup**  (Cài đặt) để mở menu.
2. Chạm vào menu **Fax Setup** (Cài đặt Fax).
3. Chạm vào menu **Advanced Setup** (Cài đặt Nâng cao).
4. Chạm vào nút **Fit to Page** (Vừa trang in), sau đó bấm nút **OK**.

Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu

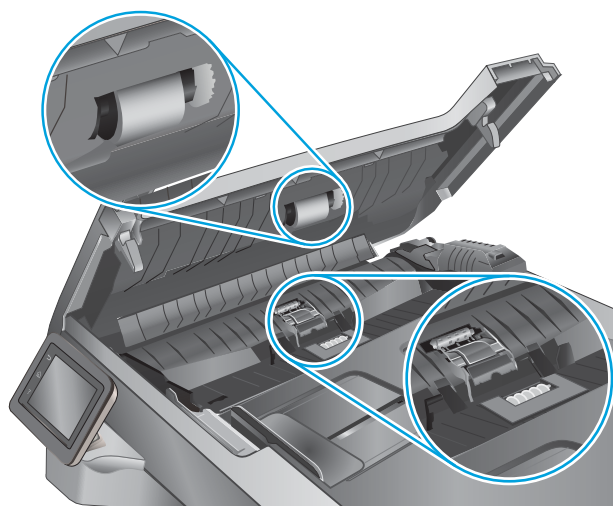
Nếu khay nạp tài liệu của sản phẩm gặp phải các sự cố về xử lý giấy, ví dụ như kẹt giấy hoặc nạp nhiều trang, hãy làm sạch các trục nạp của khay nạp tài liệu và đệm ngăn cách.

1. Mở nắp khay nạp tài liệu.

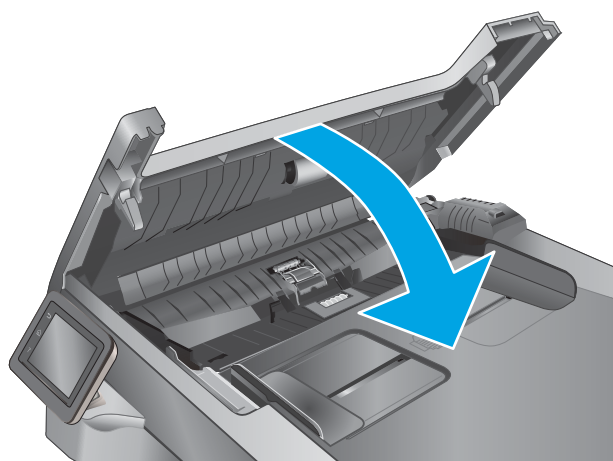


2. Sử dụng một tấm vải ẩm, không có xơ để lau chùi cả hai trục nạp và đệm ngăn cách để loại bỏ vết bẩn.

THẬN TRỌNG: Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, cồn êtylic hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của máy in; những chất này có thể làm hỏng máy in. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính hoặc tấm ép giấy. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng máy in.



3. Đóng nắp khay nạp tài liệu.



Gửi đến máy fax khác

Thử gửi fax đến máy fax khác. Nếu chất lượng bản fax tốt hơn thì vấn đề liên quan tới cài đặt máy fax của người nhận đầu tiên hoặc trạng thái mực in.

Kiểm tra máy fax của người gửi

Đề nghị người gửi thử gửi từ một máy fax khác. Nếu chất lượng bản fax tốt hơn thì vấn đề liên quan tới máy fax của người gửi. Nếu không có sẵn máy fax khác, hãy đề nghị người gửi xem xét thực hiện các thay đổi sau:

- Đảm bảo tài liệu gốc ở trên giấy trắng (không màu).
- Tăng độ phân giải fax, mức chất lượng hoặc cài đặt độ tương phản.
- Nếu có thể, gửi bản fax từ một chương trình phần mềm máy tính.

Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây

Giới thiệu

Kiểm tra các mục sau để đảm bảo máy in hiện truyền được tín hiệu qua mạng. Trước khi bắt đầu, hãy in trang cấu hình từ bảng điều khiển máy in và tìm địa chỉ IP của máy in được liệt kê trên trang này.

- [Kết nối vật lý kém](#)
- [Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho máy in này](#)
- [Máy tính không thể giao tiếp với máy in](#)
- [Máy in đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này](#)
- [Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích](#)
- [Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai](#)
- [Máy in bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai](#)



GHI CHÚ: HP không hỗ trợ mạng ngang hàng vì tính năng là chức năng của hệ điều hành Microsoft chứ không phải của trình điều khiển in HP. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập vào trang web của Microsoft tại địa chỉ www.microsoft.com.

Kết nối vật lý kém

1. Hãy kiểm tra xem máy in có được cắm vào đúng cổng mạng bằng cáp có độ dài phù hợp không.
2. Hãy kiểm tra xem các kết nối cáp có chắc không.
3. Kiểm tra kết nối cổng mạng trên mặt sau của máy in và chắc chắn rằng đèn hoạt động màu hổ phách và đèn báo tình trạng liên kết màu xanh lá cây vẫn sáng.
4. Nếu vẫn có vấn đề, hãy thử dùng dây cáp hoặc cổng khác trên bộ hub.

Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho máy in này

1. Mở thuộc tính máy in và nhấp vào tab **Ports** (Cổng). Kiểm tra xem địa chỉ IP hiện tại cho máy in có được chọn không. Địa chỉ IP của máy in được liệt kê trên trang cấu hình máy in.
2. Nếu bạn đã cài đặt máy in bằng cổng TCP/IP chuẩn HP, hãy chọn ô **Always print to this printer, even if its IP address changes** (Luôn in vào máy in này, ngay cả khi địa chỉ IP thay đổi).
3. Nếu bạn đã cài đặt máy in bằng cổng TCP/IP chuẩn Microsoft, hãy sử dụng tên máy chủ thay cho địa chỉ IP.
4. Nếu đúng địa chỉ IP, hãy xóa máy in và sau đó thêm lại.

Máy tính không thể giao tiếp với máy in

1. Kiểm tra kết nối mạng bằng cách ping mạng.
 - a. Mở lời nhắc dòng lệnh trên máy tính của bạn.

- Đối với Windows, hãy nhấp **Start** (Bắt đầu), nhấp **Run** (Chạy), gõ `cmd` sau đó nhấn **Enter**.
 - Đối với OS X, hãy đến **Applications** (Ứng dụng), sau đó là **Utilities** (Tiện ích) và mở **Terminal** (Thiết bị cuối).
- b. Nhập `ping` và địa chỉ IP cho máy in của bạn.
 - c. Nếu cửa sổ hiển thị thời gian khứ hồi, thì mạng đang hoạt động.
2. Nếu lệnh `ping` báo lỗi, kiểm tra xem hub mạng có bật hay không, sau đó kiểm tra các cài đặt mạng, máy in và máy tính được cấu hình dùng chung một mạng.

Máy in đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này

HP khuyên bạn để những cài đặt này ở chế độ tự động (cài đặt mặc định). Nếu bạn thay đổi những thông số cài đặt này, bạn cũng phải thay đổi chúng cho mạng của bạn.

Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích

Xác minh rằng mọi chương trình phần mềm mới đều được cài đặt đúng cách và sử dụng trình điều khiển in phù hợp.

Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai

1. Hãy kiểm tra các trình điều khiển mạng, trình điều khiển in và cài đặt chuyển hướng mạng.
2. Kiểm tra xem hệ điều hành có được cấu hình đúng không.

Máy in bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai


1. Xem lại trang cấu hình để kiểm tra tình trạng của giao thức mạng. Bật nó nếu cần.
2. Định cấu hình lại cài đặt mạng nếu cần.

Giải quyết sự cố xảy ra với mạng không dây

- [Giới thiệu](#)
- [Danh sách kiểm tra kết nối mạng không dây](#)
- [Máy in không in sau khi định cấu hình mạng không dây hoàn tất](#)
- [Máy in không in và máy tính đã cài đặt tường lửa của bên thứ ba](#)
- [Kết nối không dây không hoạt động sau khi di chuyển bộ định tuyến của mạng không dây hoặc máy in](#)
- [Không thể kết nối thêm máy tính với máy in không dây](#)
- [Máy in không dây mất liên lạc khi được kết nối với VPN](#)
- [Mạng không xuất hiện trong danh sách mạng không dây](#)
- [Mạng không dây không hoạt động](#)
- [Thực hiện kiểm tra chẩn đoán mạng không dây](#)
- [Giảm nhiễu trên mạng không dây](#)

Giới thiệu

Dùng thông tin xử lý sự cố để giúp giải quyết các sự cố.

 **GHI CHÚ:** Để xác định có nên bật in HP NFC và Wi-Fi Direct trên máy in của bạn hay không, hãy in trang cấu hình từ bảng điều khiển của máy in

Danh sách kiểm tra kết nối mạng không dây

- Xác minh rằng cáp mạng không được kết nối.
- Xác minh máy in và bộ định tuyến mạng không dây đã được bật và có điện. Đồng thời đảm bảo rằng bộ thu tín hiệu mạng không dây của máy in đã được bật.
- Xác minh rằng số nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) là chính xác. In trang cấu hình để biết SSID. Nếu bạn không chắc liệu SSID có chính xác hay không, hãy chạy lại thiết lập mạng không dây.
- Với các mạng bảo mật, hãy xác minh rằng thông tin bảo mật là chính xác. Nếu thông tin bảo mật không chính xác, hãy chạy lại thiết lập mạng không dây.
- Nếu mạng không dây hoạt động chính xác, hãy thử truy cập vào các máy tính khác trên mạng không dây. Nếu mạng có truy cập Internet, hãy thử kết nối với Internet qua kết nối mạng không dây.
- Xác minh rằng phương thức mã hóa (AES hoặc TKIP) của máy in giống với phương thức mã hóa dành cho điểm truy cập không dây (trên các mạng sử dụng bảo mật WPA).
- Xác minh máy in nằm trong phạm vi của mạng không dây. Đối với hầu hết các mạng, máy in phải nằm trong phạm vi 30 m của điểm truy cập không dây (bộ định tuyến mạng không dây).
- Xác minh rằng các vật cản không chặn tín hiệu của mạng không dây. Loại bỏ bất kỳ vật kim loại lớn nào giữa điểm truy cập và máy in. Đảm bảo các cột, tường hoặc các trụ chống đỡ có chứa kim loại hoặc bê tông không ngăn cách máy in và điểm truy cập không dây.

- Xác minh rằng máy in được đặt cách xa các thiết bị điện có thể gây nhiễu tín hiệu của mạng không dây. Nhiều thiết bị có thể gây nhiễu tín hiệu của mạng không dây, trong đó gồm có động cơ, điện thoại không dây, camera hệ thống an ninh, các mạng không dây khác và một số thiết bị Bluetooth.
- Xác minh rằng trình điều khiển in đã được cài đặt trên máy tính.
- Xác minh rằng bạn đã chọn đúng cổng máy in.
- Xác minh rằng máy tính và máy in kết nối với cùng một mạng không dây.
- Đối với OS X, xác nhận rằng bộ định tuyến không dây hỗ trợ Bonjour.

Máy in không in sau khi định cấu hình mạng không dây hoàn tất

1. Hãy chắc chắn là máy in đang được bật và ở trạng thái sẵn sàng.
2. Tắt mọi tường lửa của bên thứ ba trên máy tính của bạn.
3. Đảm bảo rằng mạng không dây hoạt động chính xác.
4. Đảm bảo rằng máy tính của bạn hoạt động chính xác. Nếu cần, hãy khởi động lại máy tính.
5. Xác nhận bạn có thể mở Máy chủ web nhúng của HP từ một máy tính trên mạng.

Máy in không in và máy tính đã cài đặt tường lửa của bên thứ ba

1. Cập nhật tường lửa bằng bản cập nhật mới nhất hiện có của nhà sản xuất.
2. Nếu chương trình yêu cầu truy cập tường lửa khi bạn cài đặt máy in hoặc cố gắng in, hãy đảm bảo bạn cho phép chương trình chạy.
3. Tạm thời tắt tường lửa, sau đó cài đặt máy in không dây trên máy tính. Bật tường lửa khi bạn đã kết thúc quá trình cài đặt không dây.

Kết nối không dây không hoạt động sau khi di chuyển bộ định tuyến của mạng không dây hoặc máy in

1. Đảm bảo rằng bộ định tuyến hoặc máy in kết nối với cùng một mạng mà máy tính kết nối với.
2. In một trang cấu hình.
3. So sánh số nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) trên trang cấu hình với SSID trong cấu hình máy in của máy tính.
4. Nếu hai số này không giống nhau, thiết bị hiện không kết nối với cùng một mạng. Định lại cấu hình thiết lập mạng không dây cho máy in.

Không thể kết nối thêm máy tính với máy in không dây

1. Đảm bảo rằng các máy tính khác nằm trong phạm vi của mạng không dây và không có vật cản nào chặn tín hiệu. Đối với hầu hết các mạng, phạm vi của mạng không dây nằm trong vòng 30 m của điểm truy cập không dây.
2. Hãy chắc chắn là máy in đang được bật và ở trạng thái sẵn sàng.
3. Đảm bảo rằng không có nhiều hơn 5 người dùng Wi-Fi Direct cùng một lúc.

4. Tắt mọi tường lửa của bên thứ ba trên máy tính của bạn.
5. Đảm bảo rằng mạng không dây hoạt động chính xác.
6. Đảm bảo rằng máy tính của bạn hoạt động chính xác. Nếu cần, hãy khởi động lại máy tính.

Máy in không dây mất liên lạc khi được kết nối với VPN

- Thông thường, bạn không thể kết nối với VPN và các mạng khác cùng một lúc.

Mạng không xuất hiện trong danh sách mạng không dây


- Đảm bảo bộ định tuyến không dây được bật và có điện.
- Mạng có thể bị ẩn. Tuy nhiên, bạn vẫn có thể kết nối với mạng bị ẩn.

Mạng không dây không hoạt động

1. Đảm bảo rằng cáp mạng không được kết nối.
2. Để xác minh liệu mạng có mất kết nối hay không, hãy thử kết nối các thiết bị khác với mạng.
3. Kiểm tra kết nối mạng bằng cách ping mạng.
 - a. Mở lời nhắc dòng lệnh trên máy tính của bạn.
 - Đối với Windows, hãy nhấp **Start** (Bắt đầu), nhấp **Run** (Chạy), gõ `cmd` sau đó nhấn **Enter**.
 - Đối với OS X, hãy đến **Applications** (Ứng dụng), sau đó là **Utilities** (Tiện ích) và mở **Terminal** (Thiết bị cuối).
 - b. Nhập `ping` theo sau là địa chỉ IP của bộ định tuyến.
 - c. Nếu cửa sổ hiển thị thời gian khứ hồi, thì mạng đang hoạt động.
4. Đảm bảo rằng bộ định tuyến hoặc máy in kết nối với cùng một mạng mà máy tính kết nối với.
 - a. In một trang cấu hình.
 - b. So sánh số nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) trên báo cáo cấu hình với SSID trong cấu hình máy in của máy tính.
 - c. Nếu hai số này không giống nhau, thiết bị hiện không kết nối với cùng một mạng. Định lại cấu hình thiết lập mạng không dây cho máy in.

Thực hiện kiểm tra chẩn đoán mạng không dây

Từ bảng điều khiển của máy in, bạn có thể chạy kiểm tra chẩn đoán cung cấp thông tin về các thông số cài đặt mạng không dây.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, vuốt cho đến khi menu **Setup** (Cài đặt) hiển thị. Chạm vào biểu tượng **Setup**  (Cài đặt) để mở menu.
2. Cuộn xuống và chọn **Self Diagnostics** (Tự chẩn đoán).
3. Chọn **Run Wireless Test** (Chạy kiểm tra không dây) để bắt đầu kiểm tra. Máy in sẽ in trang kiểm tra hiển thị các kết quả kiểm tra.

Giảm nhiễu trên mạng không dây

Các mẹo sau có thể giảm nhiễu trên mạng không dây:

- Để thiết bị không dây cách xa các vật thể kim loại lớn như tủ đựng hồ sơ và các thiết bị điện tử khác như lò vi sóng và điện thoại không dây. Những vật thể này có thể làm gián đoạn tín hiệu vô tuyến.
- Để thiết bị không dây cách xa kết cấu gạch đá lớn và các kết cấu xây dựng khác. Những vật thể này có thể hấp thụ sóng vô tuyến và làm giảm cường độ tín hiệu.
- Đặt bộ định tuyến không dây vào vị trí trung tâm trong đường ngắm của các máy in không dây trên mạng.


Giải quyết sự cố khi fax


Giới thiệu

Dùng thông tin xử lý sự cố về fax để giúp giải quyết các sự cố.

- [Danh sách kiểm tra xử lý sự cố fax](#)
- [Giải quyết sự cố chung về fax](#)

Danh sách kiểm tra xử lý sự cố fax

- Có một số cách khắc phục như sau. Sau mỗi thao tác được gợi ý, thử gửi lại fax để xem sự cố có được giải quyết không.
 - Để có kết quả tốt nhất khi giải quyết sự cố về fax, đảm bảo rằng đường dây từ máy in được nối trực tiếp vào cổng điện thoại trên tường. Ngắt kết nối tất cả các thiết bị khác được kết nối với máy in.
1. Kiểm tra xem dây điện thoại có được nối vào đúng cổng ở phía sau máy in hay không.
 2. Kiểm tra đường dây điện thoại bằng cách kiểm tra fax:
 - a. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, vuốt cho đến khi menu **Setup** (Cài đặt) hiển thị. Chạm vào biểu tượng **Setup**  (Cài đặt) để mở menu.
 - b. Mở các menu sau:
 - **Service** (Dịch vụ)
 - **Fax Service** (Dịch vụ Fax)
 - c. Chọn tùy chọn **Run Fax Test** (Chạy kiểm tra fax). Máy in sẽ in báo cáo kiểm tra fax. Báo cáo này có thể chứa các kết quả sau đây:
 - **Pass (Đạt)**: Báo cáo chứa tất cả các thông số cài đặt fax hiện tại để xem lại.
 - **Fail (Không đạt)**: Báo cáo cho thấy tình trạng lỗi và chứa các gợi ý về cách giải quyết vấn đề.
 3. Kiểm tra xem chương trình cơ sở của máy in có hiện hành hay không:
 - a. In trang cấu hình từ menu **Report** (Báo cáo) của bảng điều khiển để nhận mã ngày tháng của chương trình cơ sở hiện tại.
 - b. Đi tới www.hp.com/go/support, bấm vào liên kết **Drivers & Software** (Trình điều khiển & Phần mềm), gõ tên máy in trong trường tìm kiếm, bấm nút **ENTER**, sau đó chọn máy in từ danh sách kết quả tìm kiếm.
 - c. Chọn hệ điều hành.
 - d. Bên dưới mục **Firmware** (Chương trình cơ sở), xác định **Firmware Update Utility** (Tiện ích cập nhật chương trình cơ sở).

 **GHI CHÚ:** Đảm bảo dùng tiện ích cập nhật chương trình cơ sở dành riêng cho kiểu máy in đó.

- e. Bấm **Download** (Tải xuống), bấm **Run** (Chạy), sau đó bấm lại vào **Run** (Chạy).
- f. Khi tiện ích khởi chạy, chọn máy in từ danh sách thả xuống, sau đó bấm **Send Firmware** (Gửi chương trình cơ sở).

 **GHI CHÚ:** Để in trang cấu hình nhằm xác minh phiên bản chương trình cơ sở được cài đặt trước và sau quá trình cập nhật, bấm **Print Config** (In cấu hình).

- g. Làm theo các hướng dẫn trên màn hình để hoàn thành quá trình cài đặt, sau đó bấm nút **Exit** (Thoát) để đóng tiện ích.
4. Kiểm tra xem bản fax đã được thiết lập khi cài đặt phần mềm máy in hay chưa.
Từ máy tính, trong thư mục chương trình HP, hãy chạy Fax Setup Utility (Tiện ích Cài đặt Fax).
 5. Kiểm tra xem dịch vụ điện thoại có hỗ trợ fax analog hay không.
 - Nếu sử dụng ISDN hoặc PBX kỹ thuật số, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để biết thông tin về cấu hình cho một đường dây fax analog.
 - Nếu sử dụng dịch vụ VoIP, hãy thay đổi cài đặt **Fax Speed** (Tốc độ fax) sang **Slow (V.29)** (Chậm)(V.29) từ bảng điều khiển. Hỏi xem nhà cung cấp dịch vụ của bạn có hỗ trợ fax hay không và hỏi về tốc độ modem fax khuyến nghị. Một số công ty có thể yêu cầu một bộ điều hợp.
 - Nếu bạn đang sử dụng dịch vụ DSL, đảm bảo có một bộ lọc khi kết nối đường dây điện thoại với máy in. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ DSL, hoặc mua bộ lọc DSL nếu bạn chưa có. Nếu đã cài đặt một bộ lọc DSL, hãy thử bộ lọc khác vì những bộ lọc này có thể bị hỏng.

Giải quyết sự cố chung về fax

- [Fax gửi chậm](#)
- [Chất lượng fax kém](#)
- [Bản fax bị cắt rời hoặc in trên hai trang](#)

Fax gửi chậm

Máy in đang gặp phải chất lượng đường dây điện thoại kém.

- Thử gửi fax lại khi các điều kiện đường dây đã được cải thiện.
- Kiểm tra với nhà cung cấp dịch vụ điện thoại xem đường dây điện thoại có hỗ trợ fax không.
- Tắt cài đặt **Error Correction** (Sửa lỗi) .
 - a. Mở menu **Setup Menu** (Menu cài đặt) .
 - b. Mở menu **Service** (Dịch Vụ).
 - c. Mở menu **Fax Service** (Dịch Vụ Fax).
 - d. Mở menu **Error Correction** (Sửa lỗi).
 - e. Chọn cài đặt **Off** (Tắt).

 **GHI CHÚ:** Việc này có thể làm giảm chất lượng hình ảnh.

- Sử dụng giấy trắng cho bản gốc. Không sử dụng các màu như xám, vàng hoặc hồng.
- Tăng cài đặt **Fax Speed** (Tốc độ fax).
 - a. Mở menu **Setup Menu** (Menu cài đặt) .
 - b. Mở menu **Fax Setup** (Cài đặt Fax).
 - c. Mở menu **Advanced Setup** (Cài đặt Nâng cao).
 - d. Mở menu **Fax Speed** (Tốc độ Fax).
 - e. Chọn thông số cài đặt phù hợp.
- Chia bản fax lớn ra làm nhiều phần nhỏ, sau đó fax chúng đi từng phần.
- Thay đổi thông số cài đặt bản fax trên bảng điều khiển xuống độ phân giải thấp hơn.
 - a. Mở menu **Setup Menu** (Menu cài đặt) .
 - b. Mở menu **Fax Setup** (Cài đặt Fax).
 - c. Mở menu **Advanced Setup** (Cài đặt Nâng cao).
 - d. Mở menu **Fax Resolution** (Độ phân giải fax).
 - e. Chọn thông số cài đặt phù hợp.

Chất lượng fax kém

Bản fax bị nhòe hoặc mờ.

- Tăng độ phân giải fax khi gửi fax. Độ phân giải không ảnh hưởng đến các bản fax đã nhận.
 - a. Mở menu **Setup Menu** (Menu cài đặt) .
 - b. Mở menu **Fax Setup** (Cài đặt Fax).
 - c. Mở menu **Advanced Setup** (Cài đặt Nâng cao).
 - d. Mở menu **Fax Resolution** (Độ phân giải fax).
 - e. Chọn thông số cài đặt phù hợp.



GHI CHÚ: Việc tăng độ phân giải làm giảm tốc độ truyền tín hiệu.

- Bật cài đặt **Error Correction** (Sửa lỗi) từ bảng điều khiển.
 - a. Mở menu **Setup Menu** (Menu cài đặt) .
 - b. Mở menu **Service** (Dịch Vụ).
 - c. Mở menu **Fax Service** (Dịch Vụ Fax).
 - d. Mở menu **Error Correction** (Sửa lỗi).
 - e. Chọn cài đặt **On** (Bật).

- Kiểm tra hộp mực in và thay hộp mực nếu cần.
- Yêu cầu người gửi điều chỉnh thông số độ tương phản trên máy gửi fax cho đậm hơn, sau đó gửi lại bản fax.

Bản fax bị cắt rời hoặc in trên hai trang

- Đặt cài đặt **Default Paper Size** (Kích thước giấy mặc định). Bản fax được in trên một kích thước giấy dựa trên cài đặt **Default Paper Size** (Kích thước giấy mặc định).
 - a. Mở menu **Setup Menu** (Menu cài đặt) .
 - b. Mở menu **System Setup** (Cài đặt hệ thống).
 - c. Mở menu **Paper Setup** (Cài đặt giấy).
 - d. Mở menu **Default Paper Size** (Kích thước giấy mặc định).
 - e. Chọn thông số cài đặt phù hợp.
- Đặt loại giấy và kích thước giấy cho khay được dùng để fax.
- Bật cài đặt **Fit to Page** (Chế độ tiết kiệm) để in các bản fax dài hơn trên giấy khổ letter hoặc khổ A4.
 - a. Mở menu **Setup Menu** (Menu cài đặt) .
 - b. Mở menu **Fax Setup** (Cài đặt Fax).
 - c. Mở menu **Advanced Setup** (Cài đặt Nâng cao).
 - d. Mở menu **Fit to Page** (Vừa trang in).
 - e. Chọn cài đặt **On** (Bật).



GHI CHÚ: Nếu tắt cài đặt **Fit to Page** (Vừa trang in) và cài đặt **Default Paper Size** (Kích thước giấy mặc định) được đặt sang khổ letter (thư), bản gốc có khổ in chuẩn sẽ được in trên hai trang.

Bảng chú dẫn

A

AirPrint 51

B

bảng điều khiển
định vị 2

bảng điều khiển
trợ giúp 119

bật
lệnh in đã lưu 44

bộ công cụ bảo trì
số bộ phận 28

bộ in hai mặt
gỡ giấy kẹt 150

bộ nhớ
đi kèm 7

C

cài đặt mạng 99

cài đặt in hai mặt qua mạng, thay
đổi 109

cài đặt tốc độ liên kết qua mạng,
thay đổi 109

cài đặt tiết kiệm 111

cài đặt EconoMode 111, 157

cài đặt
cài đặt mặc định gốc, khôi
phục 120

cài đặt mặc định gốc, khôi phục
120

công tắc nguồn, định vị 2

cổng giao tiếp
định vị 3

cổng mạng
định vị 3

cổng walk-up USB
định vị 2

cuộn sấy
gỡ giấy kẹt 145

cửa sau

định vị 3

Chăm sóc Khách hàng HP 118

Cổng USB
định vị 3

CH

chip bộ nhớ (bộ mực)
định vị 30

D

danh sách kiểm tra
kết nối không dây 169
xử lý sự cố fax 173

Dịch vụ web HP
bật 98

Dịch vụ Web
ứng dụng 98

Dịch vụ Web
bật 98

Dịch vụ Web HP
ứng dụng 98

Đ

điện
tiêu thụ 13

đặt hàng
mực in và phụ kiện 28

E

Explorer, phiên bản được hỗ trợ
Máy chủ web nhúng của HP
100

F

fax
giải quyết sự cố chung 174
gửi bằng phần mềm 94
quay số nhanh 93
tờ khay nạp tài liệu 93

từ máy quét hình phẳng 92

từ máy tính (Windows) 94

fax điện tử
gửi 94

G

gửi fax
tờ phần mềm 94

GI

giải pháp in di động 7

giải quyết sự cố
fax 174

giấy
chọn 155
nạp vào Khay 1 16
nạp Khay 2 19
nạp Khay 3 22

giấy, đặt hàng 28

giấy đặc biệt
in (Windows) 39

giấy bóng kính
in (Windows) 39

H

hai mặt 57
thủ công (Mac) 41

hai mặt thủ công
Windows 38

hai mặt thủ công
Mac 41

hệ điều hành (OS)
được hỗ trợ 7

hệ điều hành, được hỗ trợ 8

hoãn tắt máy sau
cài đặt 112

hộp ghim dập
số bộ phận 28

- hộp mực
 - sử dụng khi ở ngưỡng còn ít 121
 - thay thế 30
- hộp mực in
 - các bộ phận 30
 - cài đặt ngưỡng còn ít 121
 - số bộ phận 28
 - thay thế 30
- hỗ trợ
 - trực tuyến 118
- hỗ trợ khách hàng
 - trực tuyến 118
- hỗ trợ kỹ thuật
 - trực tuyến 118
- hỗ trợ trực tuyến 118
- Hộp công cụ Thiết bị HP, sử dụng 100
- HP ePrint 50
- HP EWS, sử dụng 100
- HP Web Jetadmin 113

- I**
- in
 - lệnh in đã lưu 48
 - từ ổ USB flash 53
- in di động, phần mềm được hỗ trợ 10
- in di động
 - thiết bị Android 52
- in hai mặt
 - cài đặt (Windows) 38
 - Mac 41
 - Windows 38
- in hai mặt
 - thủ công (Windows) 38
- in hai mặt (hai mặt)
 - cài đặt (Windows) 38
- in riêng 44
- in trên cả hai mặt
 - cài đặt (Windows) 38
 - Mac 41
- in trên cả hai mặt
 - thủ công, Windows 38
 - Windows 38
- Internet Explorer, phiên bản được hỗ trợ
 - Máy chủ web nhúng của HP 100

- J**
- Jetadmin, HP Web 113
- K**
- kẹt
 - ngăn giấy ra 147
- kẹt bộ
 - in hai mặt 150
- kẹt giấy
 - định vị 132
 - cuộn sấy 145
 - khay nạp tài liệu 133
 - vị trí 132
 - Khay 1 135
 - Khay 2 136
 - Khay 3 140
- kết nối nguồn
 - định vị 3
- kích thước, máy in 11
- kính, lau chùi 155, 159, 163
- Khay 1
 - kẹt giấy 135
 - nạp 16
 - nạp phong bì 25
- Khay 2
 - kẹt giấy 136
 - nạp 19
- Khay 3
 - kẹt giấy 140
 - nạp 22

- KH**
- khay
 - định vị 2
 - đi kèm 7
 - khả năng chứa giấy 7
- khay nạp tài liệu 57
 - fax từ 93
 - kẹt giấy 133
 - sao chép các tài liệu hai mặt 57
 - vấn đề nạp giấy 128
- khóa
 - bộ định dạng 110
- khôi phục cài đặt mặc định gốc 120

- L**
- lau chùi
 - kính 155, 159, 163

- làm sạch
 - đường dẫn giấy 154
- lệnh in, đã lưu
 - bật 44
- lệnh in, đã lưu
 - tạo (Windows) 46
 - in 48
 - xóa 48
- lệnh in đã lưu
 - bật 44
 - in 48
 - xóa 48
- lệnh in đã lưu
 - tạo (Windows) 46
- loại giấy
 - chọn (Mac) 42
 - chọn (Windows) 39
- lưu lệnh in
 - bằng Windows 46
- lưu trữ lệnh in 44
- M**
- mạng
 - được hỗ trợ 7
 - cài đặt máy in 99
 - HP Web Jetadmin 113
- mạng không dây
 - troubleshooting 169
- mặc định, khôi phục 120
- máy quét
 - fax từ 92
 - lau chùi kính 155, 159, 163
- mực in
 - đặt hàng 28
 - cài đặt ngưỡng còn ít 121
 - số bộ phận 28
 - sử dụng khi ở ngưỡng còn ít 121
 - thay hộp mực in 30
 - tình trạng, xem bằng Tiện ích HP dành cho Mac 104
- Macintosh
 - Tiện ích HP 104
- Máy chủ web nhúng (EWS)
 - tính năng 100
- Máy chủ web nhúng (EWS)
 - gán mật khẩu 110
- Máy chủ web nhúng (EWS) của HP
 - tính năng 100

Menu Apps (Ứng dụng) 98
Microsoft Word, gửi fax từ 94

N

nạp
giấy vào Khay 1 16
giấy vào Khay 2 19
giấy vào Khay 3 22
nút bật/tắt, định vị 2
Near Field Communication printing
(In giao tiếp cận trường) 49
Netscape Navigator, phiên bản
được hỗ trợ
Máy chủ web nhúng của HP
100
NFC printing (In NFC) 49

NG

ngăn, ra
định vị 2
ngăn giấy đầu ra
định vị 2
ngăn giấy ra
gỡ giấy kẹt 147

NH

nhãn
in (Windows) 39
nhiều trang trên một tờ
chọn (Mac) 42
chọn (Windows) 39
in (Mac) 42
in (Windows) 39
nhiều trên mạng không dây 172

O

OS (hệ điều hành)
được hỗ trợ 7

Ô

ổ USB flash
in từ 53

P

Phần mềm HP ePrint 51
Phần mềm HP Scan (OS X) 61
Phần mềm HP Scan (Windows)
60

PH

phần mềm
gửi fax 94
Tiện ích HP 104
phone book, fax
thêm các mục 93
phong bì, nạp 25
phụ kiện
đặt hàng 28
số bộ phận 28
phụ kiện in hai mặt
định vị 3
phụ kiện thay thế
số bộ phận 28

Q

quay số nhanh
lập trình 93
quét
từ phần mềm HP Scan (OS
X) 61
từ phần mềm HP Scan
(Windows) 60

S

sao chép
bản sao đơn 56
các tài liệu hai mặt 57
cài đặt loại và khổ giấy 160
mép của tài liệu 160
nhiều bản sao chép 56
tối ưu hóa dành cho văn bản
hoặc hình ảnh 160
sao chép hai mặt 57
số bản sao chép, thay đổi 56
số bộ phận
hộp ghim dập 28
hộp mực in 28
mực in 28
phụ kiện 28
phụ kiện thay thế 28
sự cố nạp giấy
giải quyết 123, 125

T

tình trạng hộp mực in 154
Tiện ích HP 104
Tiện ích HP, Mac 104
Tiện ích HP dành cho Mac
tính năng 104
Bonjour 104

Trang web

HP Web Jetadmin, tải xuống
113

TH

thay thế
hộp mực in 30
thiết bị Android
in từ 52
thông số kỹ thuật
điện và tiếng ồn 13
thông số kỹ thuật về điện 13
thông số kỹ thuật về âm thanh 13

TR

trang mỗi phút 7
trang web
hỗ trợ khách hàng 118
trạng thái
Tiện ích HP, Mac 104
trạng thái nguồn cung cấp 154
trình điều khiển in, được hỗ trợ 8
trình điều khiển, được hỗ trợ 8
trì hoãn nghỉ
cài đặt 111
trọng lượng, máy in 11
trợ giúp, bảng điều khiển 119
trợ giúp trực tuyến, bảng điều
khiển 119

Ư

ứng dụng
tải xuống 98

W

walk-up USB printing (in Walk-up
USB) 53
Windows
gửi fax từ 94
Wi-Fi Direct Printing (In Wireless
Direct) 49
Word, gửi fax từ 94

X

xóa
lệnh in đã lưu 48
xử lý sự cố
fax 173
mạng có dây 167
mạng không dây 169
sự cố nạp giấy 123

xử lý sự cố
sự cố mạng 167
xử lý sự cố fax
danh sách kiểm tra 173

Y

yêu cầu hệ thống
Máy chủ web nhúng của HP
100
yêu cầu trình duyệt
Máy chủ web nhúng của HP
100
yêu cầu trình duyệt web
Máy chủ web nhúng của HP
100